

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13981**/BTC-CST

Hà Nội, ngày **09** tháng **9** năm 2025

V/v đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội về dự án Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Kính gửi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

Ngày 08/7/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 10172/BTC-CST gửi xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ dự án Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự án Nghị định), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân đối với Hồ sơ dự án Nghị định. Bộ Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý và hoàn chỉnh hồ sơ gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại công văn số 13825/BTC-CST ngày 05/9/2025.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội về dự án Nghị định để Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, CST (**04b**).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trương Bá Tuấn

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp**

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Ngày 14/7/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9. Theo đó, tại STT 18 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan trình Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN. Thực hiện Quyết định, ngày 08/7/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 10172/BTC-CST gửi xin ý kiến về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 10172/BTC-CST ngày 08/7/2025 bao gồm các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, và đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Bộ Tài chính đã nhận được 37 văn bản tham gia ý kiến (15/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 01/34 địa phương, 21 Hiệp hội, hội, doanh nghiệp, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ), trong đó: 11 đơn vị nhất trí hoàn toàn, 40 đơn vị không có ý kiến tham gia (trong đó có Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)		Không có ý kiến tham gia	
Người nộp thuế (Điều 2)	Vietcombank	- Tại các điểm c, d khoản 2 Điều 2: + Thứ nhất, tách trường hợp tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số thành 01 khoản riêng. → Các tổ chức này không phải là bên mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp nước ngoài nên việc quy định vào trong cùng khoản này là không hợp lý. + Thứ hai, đề nghị sửa từ “ký kết” thành “giao kết”. → Hợp đồng giao kết qua website thương mại điện tử thường không được “ký kết” bằng chữ ký tay trên giấy hoặc chữ ký điện tử. Thay vào đó, các biện pháp khác thể hiện sự chấp thuận giao dịch của chủ thể được áp dụng, phổ biến nhất là hợp đồng dạng click-wrap (nhấp chọn vào ô để thể hiện sự đồng ý). + Thứ ba, bổ sung quy định cho trường hợp doanh nghiệp ủy quyền/giao cho cá nhân người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ (HHDV) qua website thương mại điện tử. → Quy định hiện tại chỉ mới áp dụng cho trường hợp có hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài, chưa có hướng dẫn cho tình huống người lao động được ủy quyền/giao thực hiện mua HHDV trên website thương mại điện tử (thường là bằng các tài khoản của cá nhân). + Đề nghị bổ sung cơ chế cho phép Tổ chức được thành lập và hoạt động (hoặc đăng ký hoạt động) theo quy định của pháp luật Việt Nam được <u>ủy quyền cho bên thứ ba</u> kê khai, nộp thay thuế TNDN. → Theo thực tiễn hoạt động ngân hàng, có trường hợp một ngân hàng thương mại (NHTM) nước ngoài cấp tín dụng cho một doanh nghiệp nước ngoài nhưng lãi, phí liên quan đến khoản cấp tín dụng này lại do doanh nghiệp Việt Nam	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định bởi vì nội dung trong ngoặc (<i>bao gồm cả tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số</i>) nhằm nhấn mạnh người nộp thuế bao gồm cả đối tượng trong ngoặc. Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định mà thuộc phạm vi của pháp luật về quản lý. Hiện Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế), đề nghị đơn vị có ý kiến tham gia khi dự thảo Luật lấy ý kiến rộng

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Khi đó, mặc dù bên Việt Nam trả lãi, phí nhưng bản chất là thanh toán tiền mua hàng hóa (bù trừ tiền hàng hóa với tiền tiền lãi, phí đã trả hộ). Bên Việt Nam có nhu cầu ủy quyền cho NHTM Việt Nam phục vụ mình thực hiện kê khai, nộp thay thuế.	rãi.
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 2: Đề hạn chế cách hiểu khác nhau, gây bối rối trong công tác tính, khấu trừ (trong trường hợp áp dụng) và nộp thuế, đề nghị làm rõ định nghĩa về “nền tảng số” hoặc “nền tảng công nghệ số”, chẳng hạn như: <i>“Nền tảng số/Nền tảng công nghệ số là một khung trực tuyến bao gồm các tính năng cho phép sự tham gia của người dùng, chia sẻ dữ liệu và hợp tác để tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin, hàng hóa và dịch vụ giữa các người dùng. Nền tảng số/Nền tảng công nghệ số không bao gồm các công cụ trong giao tiếp, chẳng hạn như email, công cụ giao tiếp trực tuyến như Microsoft Teams, Google Meet, v.v.”</i> → Theo tìm hiểu, chúng tôi không nhận thấy quy định tại các văn bản chuyên ngành cũng như quy định về thuế có định nghĩa về “nền tảng công nghệ số” hoặc “nền tảng số”. Việc thiếu quy định cụ thể về nền tảng số có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau về liệu việc cung cấp dịch vụ tư vấn, cung cấp bản vẽ thiết kế, v.v. qua thư điện tử, trao đổi qua nền tảng truyền thông tin Microsoft Teams, Google Meet, v.v. có được xem là “kinh doanh trên nền tảng số” và doanh nghiệp nước ngoài này sẽ được xem là có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Tại điểm c khoản 1 Điều 2: Đề xuất thêm đoạn sau vào khoản 1c, Điều 2: <i>“Trường hợp điều ước quốc tế và hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của điều ước và hiệp định đó.”</i> → Trên tinh thần tôn trọng các các điều ước quốc tế và hiệp định tránh đánh thuế hai lần đã được ký kết, ngoài việc tham chiếu nội luật khi xác định CS TT, quy định cần cho phép việc áp dụng định nghĩa và cách xác định CS TT theo quy định tại các điều ước quốc tế và hiệp định mà Việt Nam đã ký kết.	Nội dung này thuộc phạm vi của pháp luật chuyên ngành (pháp luật về công nghiệp công nghệ số). Hiện Bộ KH&CN cũng đang xây dựng các Nghị định quy định chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số. Đề nghị đơn vị có ý kiến tham gia với Bộ KH&CN về nội dung này. Đề nghị giữ như dự thảo bởi vì khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định: “1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp”.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hiệp hội doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam (Amcham)	Tại khoản 2 Điều 2: Đề xuất (i) sửa đổi nội dung của khoản 2 Điều 2 của Nghị định này để phản ánh đúng bản chất là cách thức thu thuế thông qua khấu trừ tại nguồn, hoặc (ii) bổ sung quy định định nghĩa thế nào là “khấu trừ tại nguồn” nhằm đảm bảo tính minh bạch và thống nhất với Luật Thuế TNDN. → Hiện nay, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (“Luật Thuế TNDN”) không có khái niệm hay định nghĩa cụm từ “phương pháp khấu trừ tại nguồn”. Điều 11 của Luật Thuế TNDN chỉ quy định hai phương pháp tính thuế là (1) tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất và (2) tính theo tỷ lệ % trên doanh thu. Khấu trừ tại nguồn là cách nói thông dụng của cách thức thu thuế bằng việc tổ chức chi trả thu nhập trực tiếp khấu trừ thuế trước khi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. Do đó, dự thảo Nghị định cần làm rõ nội hàm của cụm từ này để đảm bảo tính thống nhất với Luật Thuế TNDN và tránh gây nhầm lẫn trong quá trình thi hành Nghị định.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.
		Tại điểm c khoản 2 Điều 2: 1. Đề xuất thêm một đoạn như sau vào cuối Điểm c, Khoản 2, Điều 2: Trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó. → Khoản 4 Điều 2 của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định rõ Chính phủ sẽ quy định chi tiết về người nộp thuế TNDN nên Dự thảo Nghị định mới quy định về người nộp thuế TNDN tại Điều 2. Do Điều 2 của Dự thảo Nghị định không quy định Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn Điều này hoặc cụ thể là Điểm c, Khoản 2, Điều 2, chúng tôi hiểu rằng Thông tư sắp tới của Bộ Tài chính sẽ không quy định về người nộp thuế TNDN giống như Thông tư số 78/2014/TT-BTC hiện nay. Do đó, chúng tôi cho rằng Nghị định của Chính phủ cần quy định rõ việc không áp dụng định nghĩa cơ sở thường trú theo luật pháp Việt Nam trong trường hợp có hiệp định tránh đánh thuế hai lần. 2. Cần làm rõ định nghĩa về cơ sở thường trú mới này chưa rõ đang chỉ đối tượng nào, cụ thể nền tảng thương mại điện tử và nền tảng số sẽ tạo thành cơ sở thường	Đề nghị giữ như dự thảo bởi vì khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định: “1. <i>Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp</i>”. Tại dự thảo Nghị định đã quy định: Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trú cho “ <i>tổ chức là nhà quản lý nền tảng thương mại điện tử và nền tảng số</i> ” hay “ <i>tổ chức bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử và nền tảng số.</i> ”	quy định tại điểm b khoản này là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm: - Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam. - Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 2 Điều 2: Dự thảo Nghị định quy định: “<i>Tổ chức được thành lập và hoạt động (hoặc đăng ký hoạt động) theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm cả tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại, tổ chức quản lý nền tảng số) là người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại nguồn trong trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua dịch vụ gắn với hàng hóa, mua hàng hóa được cung cấp, phân phối theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế) trên cơ sở hợp đồng ký kết với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)</i>”. Đề nghị cân nhắc quy định để bảo đảm không làm tăng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp trong nước (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa không có đủ điều kiện để thực hiện) trong việc tự xác định thu nhập chịu thuế, tính toán thuế suất, kê khai và nộp thuế thay của đối tác nước ngoài; lưu giữ hồ sơ và chịu trách nhiệm với cơ quan thuế. Trường hợp doanh nghiệp tính sai thuế, không khấu trừ, nộp thay đúng hạn thì doanh nghiệp trong nước (không thuộc đối tượng phát sinh thu nhập thực tế) phải chịu toàn bộ trách nhiệm, rủi ro thay cho doanh nghiệp nước ngoài (thuộc đối tượng phát sinh thu nhập thực tế) là không hợp lý	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì: (i) việc nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài áp dụng theo phương pháp tính tỷ lệ trên doanh thu, không phải kê khai theo doanh thu, chi phí và thu nhập nên bên cung cấp dịch vụ, dịch vụ kèm hàng hóa đều xác định được doanh thu vì đó chính là doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp; doanh nghiệp cũng không phải lưu trữ riêng hồ sơ vì đó là hồ sơ cung cấp hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp; (ii) quy định này đã được thực hiện ổn định từ trước đến nay.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ông Nguyễn Quốc Thái	1. Khuyến nghị ban soạn thảo làm rõ hơn khái niệm <u>“không liên quan đến hoạt động của CSTT” và hướng dẫn rõ cơ chế đánh thuế.</u> 2. Tại khoản 1 Điều 2: Khuyến nghị làm rõ định nghĩa “nền tảng số” theo quy định về thuế. 3. Khuyến nghị ban soạn thảo cân nhắc làm rõ điểm này, phân biệt rõ khi nào kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số có tạo CSTT và khi nào thì không tạo CSTT. → Đoạn <u>“Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú.” => Chưa rõ “không liên quan đến hoạt động của CSTT” thì Cơ quan thuế đánh thuế theo cơ chế nào? (cơ chế thuế nhà thầu hay nộp thuế trực tiếp?)</u> <u>Đoạn “Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.”</u> <u>=>> “các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số” đã tạo CSTT theo Điểm e Khoản 3 Điều 2 Luật thuế TNDN số 67 rồi thì đoạn này được áp dụng khi nào?</u>	1. Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN. 2. Nội dung này thuộc phạm vi của pháp luật chuyên ngành (pháp luật về công nghiệp công nghệ số). Hiện Bộ KH&CN cũng đang xây dựng các Nghị định quy định chi tiết Luật Công nghiệp công nghệ số. Đề nghị đơn vị có ý kiến tham gia với Bộ KH&CN về nội dung này. 3. Tiếp thu, chỉnh sửa kỹ thuật trình bày tại dự thảo Nghị định.
Thu nhập chịu thuế (Điều 3)	Vietcombank	- Tại điểm d khoản 2 Điều 3: Đề nghị không quy định tách riêng “thu về bản quyền” với “thu nhập về quyền sở hữu trí tuệ”. → Khoản 1 và 10a Điều 4 Luật SHTT quy định: <u>“1. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.</u> <u>10a. Tiền bản quyền là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.”</u> Như vậy, tiền bản quyền là một trong các khoản tiền thu được từ quyền sở hữu trí tuệ	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Tại điểm o khoản 2 Điều 3: Đề nghị làm rõ “trước thuế” là không bao gồm loại thuế nào (GTGT, TNDN, xuất nhập khẩu,...?) - Tại điểm r khoản 2 Điều 3: Đề nghị sửa “<i>góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế</i>” thành “<i>góp vốn <u>theo pháp luật về doanh nghiệp</u></i>”. → Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư hiện hành không có khái niệm về liên doanh, liên kết kinh tế. Tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “18. <i>Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.</i>” Như vậy, khái niệm góp vốn của Luật Doanh nghiệp đã bao gồm góp vốn với các loại hình doanh nghiệp (công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty là công ty liên doanh/liên kết theo pháp luật kế toán...). Nếu quy định như dự thảo có thể dẫn tới xác định liên kết theo pháp luật quản lý về giao dịch liên kết, gây tranh cãi khi thực hiện.	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định. Đã chỉnh sửa câu chữ theo quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15
		- Tại điểm g khoản 2 Điều 3: + Thứ nhất, đề nghị loại trừ thu nhập từ hoạt động cấp tín dụng, gửi tiền của tổ chức tín dụng (TCTD), cụ thể: “g) <i>Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, <u>trừ thu nhập từ hoạt động cấp tín dụng, gửi tiền, kinh doanh ngoại tệ của tổ chức tín dụng</u>, bao gồm:</i>” → Hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, cho vay và gửi tiền tại tổ chức tín dụng khác, kinh doanh ngoại tệ là hoạt động chính của các TCTD, do đó không nên được xếp vào “thu nhập khác”. Bên cạnh đó, điểm e khoản 2 Điều 3 của Luật Thuế TNDN đã quy định: “e) <i>Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, <u>trừ thu nhập từ hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng</u>.</i>” + Thứ hai, đề nghị bỏ quy định “thu nhập từ bán ngoại tệ” tại tiết g1. → Thu nhập từ bán ngoại tệ đã được quy định riêng tại tiết g2, do đó đề nghị bỏ khỏi tiết g1.	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định
		- Tại điểm k khoản 2 Điều 3: + Đề nghị sửa “công trình” thành “tài sản” → Đảm bảo bao quát các trường hợp.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hoạt động đầu tư không chỉ hình thành công trình mà còn tạo ra các tài sản như máy móc, phương tiện vận tải,... Đoạn 03 và 09 Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 về Chi phí đi vay cũng quy định: <i>“03. Các thuật ngữ trong chuẩn mực này được hiểu như sau:</i> <i>...Tài sản dở dang: Là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.</i> <i>09. Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.”</i> + Đề nghị làm rõ <i>“tiền bồi thường”</i> thành <i>“tiền bồi thường (bao gồm tiền lãi do chậm thanh toán)”</i>. → Tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 357 Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định về trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả (vi phạm hợp đồng về thời hạn trả tiền). Bản chất của khoản tiền này là bù đắp lại thiệt hại từ tiền lãi bị mất do chậm trả. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng tiền lãi này thuộc tiền bồi thường để tính thuế TNDN. + Đề nghị sửa <i>“hợp đồng kinh tế”</i> thành <i>“hợp đồng”</i> (bỏ chữ “kinh tế”). → Việc phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng còn phát sinh trong các lĩnh vực khác như lao động. - Tại điểm 1 khoản 2 Điều 3: Đề nghị quy định rõ quà tặng dưới dạng dịch vụ có chịu thuế TNDN không? (VD: quà tặng dưới dạng vé chương trình biểu diễn, chương trình đào tạo,...) - Tại điểm 0 khoản 2 Điều 3: Đề nghị làm rõ “trước thuế” là không bao gồm loại thuế nào (GTGT, TNDN, xuất nhập khẩu,...?) - Tại khoản 3 Điều 3: Đề nghị bổ sung quy định làm rõ: <i>“cho vay vốn (không bao gồm trường hợp doanh nghiệp nước ngoài cấp tín dụng cho doanh nghiệp</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì như ý kiến tham gia thì tiền bồi thường đã bao gồm tiền lãi cho chậm thanh toán. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì ngân

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>nước ngoài khác nhưng lãi, phí do bên thứ ba là doanh nghiệp Việt Nam thanh toán theo thỏa thuận bằng văn bản)</u>". → Hiện nay, các NHTM nước ngoài có triển khai sản phẩm L/C Discounting. Cụ thể: Đối với thư tín dụng (L/C) trả chậm do một NHTM trong nước (như VCB) phát hành theo đề nghị của bên nhập khẩu là doanh nghiệp Việt Nam (bên đề nghị phát hành L/C), bên xuất khẩu nước ngoài (bên thụ hưởng L/C) đề nghị và được một NHTM nước ngoài chấp thuận thực hiện thương lượng thanh toán bộ chứng từ xuất trình theo L/C. <u>Bên xuất khẩu này là bên được cấp tín dụng</u>. Tuy nhiên, theo thỏa thuận, lãi và phí thương lượng thanh toán lại do Ngân hàng thương lượng thu từ bên đề nghị phát hành L/C (bên Việt Nam). Đây là trường hợp thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba theo thỏa thuận, bên Việt Nam dù trả lãi, phí nhưng không phải là bên được cấp tín dụng (thông qua thương lượng thanh toán L/C). Do đó, NHTM nước ngoài không phát sinh thu nhập từ cung ứng dịch vụ tại Việt Nam nên không chịu thuế TNDN tại Việt Nam	hàng thương mại (NHTM) nước ngoài cung cấp dịch vụ thanh toán, theo thỏa thuận lãi và phí thương lượng thanh toán từ bên đề nghị phát hành L/C (bên Việt Nam). Theo đó, NHTM đã phát sinh thu nhập tại Việt Nam và thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu.
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Tại tiểu điểm g.1 điểm g khoản 2 Điều 3: Đề xuất sửa nội dung như sau: "2.g.1) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, lãi cho vay vốn dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật bao gồm cả tiền lãi trả chậm, lãi trả góp, phí bảo lãnh tín dụng và các khoản phí khác trong hợp đồng cho vay vốn. thu nhập từ bán ngoại tệ; khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế; khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ (trừ khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập mà tài sản cố định này chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh). Đối với khoản nợ phải thu, khoản cho vay có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ thì chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải thu, khoản cho vay này là khoản chênh lệch giữa tỷ giá hối đoái tại thời điểm thu hồi nợ với tỷ giá hối đoái tại thời điểm ghi nhận khoản nợ phải thu hoặc khoản cho vay ban đầu." → 'Điểm g.1 đưa nội dung chênh lệch tỷ giá và bán ngoại tệ vào không phù hợp do tiêu đề khác nhau. Quy định trùng lặp về chênh lệch tỷ giá giữa điểm g.1 và g.3 nên đề nghị sửa lại cho phù hợp hơn. Tại tiểu điểm g.3 điểm g khoản 2 Điều 3: Đề xuất bổ sung nội dung quy định rõ	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hơn về việc các khoản chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng lại đưa vào chi phí tài chính. "2. g.3) Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá, được xác định cụ thể như sau: Trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp có chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế, <u>thì thu nhập chịu thuế gồm: Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế; khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ (trừ khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập mà tài sản cố định này chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh).</u> <u>Trong đó:</u> - <u>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ tính thuế được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ tính thuế</u> - <u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được tính vào chi phí được trừ hoặc thu nhập là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh thu hồi /trả nợ với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận khoản nợ</u> <u>Các khoản chênh lệch tỷ giá không tính vào thu nhập chịu thuế bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ, các khoản phải thu về cho vay có gốc ngoại tệ."</u> → Đề xuất bổ sung nội dung dựa trên bản chất các khoản chênh lệch tỷ giá ở đây đều là thu nhập chịu thuế nên chỉ cần phân loại theo kế toán là phù hợp hơn cả. Tại điểm k khoản 2 Điều 3: Đề xuất bỏ cụm từ "(không bao gồm các khoản tiền phạt, tiền bồi thường được ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư)" và sửa đổi lại nội dung cho phép doanh nghiệp lựa chọn việc ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư hay ghi vào thu nhập chịu thuế trong kỳ. Nội dung sửa lại cụ thể như sau: "2.k) Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng (không bao gồm các khoản tiền phạt, tiền bồi thường được ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết cho cả trường hợp ưu đãi thuế, đã quy định tại Thông tư về thuế TNDN và thực hiện ổn định trong thời gian qua. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì khoản nào ghi giảm giá trị công trình, khoản nào ghi vào thu nhập chịu thuế đã có nguyên tắc theo quy định của pháp luật về kế toán.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đầu tư trừ (-) đi khoản bị phạt, trả bồi thường do vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có khoản thu về tiền phạt, tiền bồi thường do bên đối tác vi phạm hợp đồng hoặc các khoản thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng phát sinh cao hơn Trường hợp doanh nghiệp có khoản thu về tiền phạt, tiền bồi thường do bên đối tác vi phạm hợp đồng hoặc các khoản thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng phát sinh thấp hơn ... Các khoản thu về tiền phạt, tiền bồi thường nêu trên không bao gồm các khoản tiền phạt, tiền bồi thường <i>doanh nghiệp đã lựa chọn được</i> ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư." → Đề xuất sửa đổi để cho phép doanh nghiệp lựa chọn việc ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư hay ghi vào thu nhập chịu thuế trong kỳ. Điều này nhằm phù hợp hơn với các DN phát sinh công trình nhỏ lẻ có số lượng rất nhiều nhưng giá trị nhỏ mà không làm ảnh hưởng đến việc tính nộp thuế TNDN. Tại tiêu điểm m.1, m.2 điểm m khoản 2 Điều 3: Đề nghị sửa lại thành như sau: "2.m) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản ...được xác định cụ thể như sau: m.1) Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản là phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại với giá trị còn lại của tài sản ghi trên sổ sách kế toán và <u>tính một lần vào thu nhập khác</u> (đối với chênh lệch tăng) hoặc giảm trừ thu nhập khác (đối với chênh lệch giảm) trong kỳ tính thuế ... <i>Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản góp vốn vào DN được tính dần vào thu nhập khác của DN có tài sản đánh giá lại trong thời gian tối đa không quá 03 năm bắt đầu từ năm tài sản được đem góp vốn.</i> m.2) Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất đề: góp vốn (mà doanh nghiệp nhận giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ dần giá trị đất vào chi phí được trừ), điều chuyển ... để bán <u>tính một lần vào thu nhập khác</u> (đối với chênh lệch tăng) hoặc giảm trừ thu nhập khác (đối với chênh lệch giảm) trong kỳ tính thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. <i>Riêng chênh lệch tăng do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất góp vốn vào DN để hình thành tài sản cố định thực hiện SXKD mà DN nhận giá trị quyền sử dụng</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì quy định này đã thực hiện ổn định trong thời gian dài, không phát sinh vướng mắc, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đất không được trích khấu hao và không được phân bổ dần giá trị đất vào chi phí được trừ thì phần chênh lệch này được <u>tính dần vào thu nhập khác</u> của DN có quyền sử dụng đất đánh giá lại trong thời gian <u>tối đa không quá 10</u> năm bắt đầu từ năm giá trị quyền sử dụng đất được đem góp vốn. → -Theo thông tư 200/2014/TT-BTC: các khoản đánh giá chênh lệch được ghi nhận vào kết quả SXKD kỳ đánh giá. Việc phân bổ phần chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản góp vốn sẽ là sự khác biệt về chế độ kế toán và thuế, DN phát sinh chênh lệch thuế tạm thời. -Về bản chất đều là việc đánh giá lại tài sản đi góp vốn và các tài sản đều sử dụng dài hạn. Quy định phân bổ nên đồng nhất và theo hướng các tài sản khác cũng được phân bổ chênh lệch tăng khi đánh giá lại vì bản chất không tạo ra dòng tiền ở đơn vị đi góp vốn trong khi phải nộp ngay 1 khoản thuế cho nhà nước khi đánh giá lại. Chênh lệch tăng do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất góp vốn được phân bổ tối đa không quá 10 năm thì các tài sản khác cũng nên được phân bổ và đưa về mức chung tối đa không quá 3 năm để DN linh hoạt áp dụng, giảm áp lực dòng tiền nộp thuế.	
		Tại điểm o khoản 2 Điều 3: Đề nghị làm rõ định nghĩa “<i>khoản thu nhập nhận được trước thuế</i>” vì thông thường khoản thu nhập nhận được từ hoạt động SXKD ở nước ngoài đều <u>đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</u> (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế thu nhập doanh nghiệp) <u>ở nước ngoài</u>. → Tham khảo nội dung đầy đủ như nội dung tại khoản 22 - Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC về Thu nhập khác.	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại khoản 3 Điều 3: Bổ sung khoản 3, Điều 3 về đối tượng không áp dụng “3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa (kể cả hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số), cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam; từ chuyển nhượng vốn,	Trên cơ sở ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa lại theo hướng bỏ quy định về chuyển nhượng vốn gián tiếp, đồng thời quy định rõ không thu thuế đối với trường hợp tái cơ cấu, dàn xếp tài chính nội bộ của bên chuyển nhượng hoặc hợp nhất của công ty mẹ của bên chuyển nhượng.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh. Ngoại trừ những thu nhập nhập sau đây a) Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có thu nhập từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần của công ty nước ngoài được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mà các công ty nước ngoài này đang trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ phần vốn góp tại doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam. b) Các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, chuyển nhượng quyền góp vốn gián tiếp tại doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây: (i) Mỗi quan hệ sở hữu cổ phần giữa hai bên giao dịch phù hợp với MỘT trong ba trường hợp sau. Trong trường hợp nếu hơn 50% giá trị vốn của doanh nghiệp được chuyển nhượng trực tiếp có nguồn gốc từ bất động sản tại Việt Nam thì tỷ lệ 80% trong các trường hợp dưới đây sẽ được thay thế bằng 100%. - Ít nhất 80% vốn góp trong bên nhận chuyển nhượng được bên chuyển nhượng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp; - Ít nhất 80% vốn góp trong bên chuyển nhượng được bên nhận chuyển nhượng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp; - Ít nhất 80% vốn góp trong cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng được cùng một tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp. (ii) Không bên nào trong các bên bao gồm bên chuyển nhượng vốn, bên nhận chuyển nhượng vốn, bên có vốn được chuyển nhượng trực tiếp phát sinh thu nhập từ giao dịch." → Điều 3 và Điều 11, Luật thuế TNDN quy định "Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán" của doanh nghiệp nước ngoài có CSTT tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của CSTT và doanh nghiệp nước ngoài không có CSTT tại Việt Nam là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kinh doanh phải nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu. Chính phủ nên xem xét phạm vi/ trường hợp bị đánh thuế để tránh việc nhà đầu tư bị đánh thuế quá mức. Ví dụ thực tiễn kinh doanh cho thấy vốn trong công ty tại Việt Nam có thể bị chuyển nhượng gián tiếp nhiều lần bởi tập đoàn có thể nhiều lần thực hiện giao dịch tái cấu trúc nội bộ (*) thực hiện tại các tầng sở hữu tại nhiều quốc gia khác nhau, hoặc nếu công ty được chuyển nhượng là công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì việc mua bán chứng khoán được giao dịch hàng ngày trên sàn. (*)Tái cấu trúc nội bộ được hiểu là: 1) công ty mẹ tối cao không thay đổi trước và sau khi giao dịch diễn ra (định nghĩa công ty mẹ tối cao có thể tham chiếu tới quy định Trụ Cột 2), và 2) giao dịch được thực hiện không quá 3 tháng so với giao dịch nộp thuế chuyển nhượng vốn đầu tiên. Đề xuất này đến từ quan sát thực tiễn thông lệ quốc tế là đa phần không thu thuế chuyển nhượng vốn trong tái cấu trúc nội bộ nếu giao dịch đó không làm thay đổi lợi ích kinh tế thực chất. Nhiều quốc gia phát triển (như Anh, Úc, Singapore, Hà Lan...) miễn thuế chuyển nhượng vốn trong các giao dịch tái cấu trúc nội bộ nếu: a) Các bên liên quan thuộc cùng một nhóm công ty; b) Giao dịch không nhằm mục đích trốn thuế; c) Có thể chứng minh mục tiêu là tái cấu trúc hợp lý, không phải chuyển lợi nhuận. Trong khi đó, Việt Nam hiện không có cơ chế tương tự, dẫn tới là trong nhìn nhận của nhà đầu tư quốc tế thì môi trường đầu tư ở Việt Nam có thể bị xem là kém thu hút hơn so với nước ngoài. Theo đó, chúng tôi đề nghị Chính phủ và Bộ Tài chính cân nhắc đưa ra các quy định cụ thể tại Nghị định hoặc thông tư hướng dẫn như sau: ▪ Đối tượng kê khai, nộp thuế: là công ty Việt Nam có vốn được chuyển nhượng gián tiếp ▪ Doanh thu chịu thuế: làm rõ doanh thu chịu thuế là giá chuyển nhượng của công ty tại Việt Nam được hai bên bán và bên mua thoả thuận trên hợp đồng phù hợp với giá giao dịch thông thường trên thị trường. ▪ Các giao dịch không phải kê khai, nộp thuế, hoặc được miễn thuế bao gồm: + Miễn thuế đối với các giao dịch tái cấu trúc nội bộ không nhằm mục đích thương mại, tránh làm cản trở các giao dịch tái cấu trúc trong cùng tập đoàn phục	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vụ mục đích quản lý, hoạt động hiệu quả hơn. Cụ thể, miễn thuế đối với các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp giữa các công ty trong cùng tập đoàn có trên 80% sở hữu chéo mà không bên chuyển nhượng hay bên nhận chuyển nhượng nào phát sinh thu nhập từ việc thực hiện giao dịch. + Đồng thời nên xem xét, làm rõ việc miễn thuế đối với thu nhập từ giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp tại Việt Nam, được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của công ty nước ngoài được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mà các công ty nước ngoài này đang trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ phần vốn góp tại công ty Việt Nam. Các giao dịch trên thị trường chứng khoán là các giao dịch có độ minh bạch cao, không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thuế, số lượng giao dịch phát sinh lớn và doanh nghiệp Việt Nam không thể kiểm soát. Việc đánh thuế trên giao dịch này sẽ làm môi trường đầu tư tại Việt Nam kém hấp dẫn, việc tuân thủ là không khả thi và không phù hợp thông lệ quốc tế.	
	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Tại điểm d Khoản 2 Điều 3: - <u>Dự thảo quy định:</u> <i>“d) Thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bao gồm cả tiền thu về bản quyền dưới mọi hình thức trả cho quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập về quyền sở hữu trí tuệ; thu nhập từ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật.</i> <i>Thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), chuyển giao công nghệ được xác định bằng tổng số tiền thu được trừ (-) giá vốn hoặc chi phí tạo ra quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ được chuyển giao, trừ (-) chi phí duy trì, nâng cấp, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ được chuyển giao và các khoản chi được trừ khác.”</i> - <u>Đề xuất của TKV:</u> Đề nghị BTC bổ sung quy định cụ thể về phương pháp xác định “giá vốn” quyền sở hữu trí tuệ đồng thời bổ sung quy định về cơ chế ưu đãi thuế TNDN cho các khoản thu nhập từ: Chuyển nhượng sáng chế/thiết kế do doanh nghiệp Việt Nam tự phát triển; Đăng ký sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước; Phân mềm nguồn mở và công nghệ liên quan đến chuyển đổi số. → <u>Lý do:</u>	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định theo hướng việc xác định giá vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ tại thời điểm phát sinh.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hiện tại, việc xác định giá vốn quyền SHTT còn nhiều khó khăn do tính chất vô hình và phức tạp của tài sản này, cần có quy định rõ ràng về phương pháp xác định giá vốn quyền SHTT sẽ giúp minh bạch hóa và tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đánh giá đúng giá trị tài sản trên bảng cân đối kế toán, phục vụ cho các hoạt động đầu tư, chuyển nhượng, góp vốn hoặc thế chấp.	
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	Tại điểm k khoản 2 Điều 3: Đề xuất: Bổ sung điểm 2k, Điều 3, dự thảo Nghị định như sau: <i>“Các khoản thu về tiền phạt, tiền bồi thường nêu trên không bao gồm các khoản tiền phạt, tiền bồi thường được ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư. Doanh nghiệp khi nhận khoản tiền thu về tiền phạt, tiền bồi thường thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với doanh nghiệp chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền”.</i> → Lý do: Theo quy định hiện hành về hóa đơn chứng từ cũng đã quy định doanh nghiệp chi cần lập hóa đơn trong trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Do đó, đề xuất bổ sung để thống nhất về mặt quy định, theo đó, doanh nghiệp không cần hóa đơn từ bên thu tiền để ghi nhận chi phí hợp lệ đối với các khoản chi tiền phạt, tiền bồi thường.	Nội dung kiến nghị liên quan đến hóa đơn, chứng từ, thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về hóa đơn.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PWC Việt Nam (PWC)	Tại điểm g.2 khoản 2 Điều 3: Quý cơ quan cân nhắc bỏ điều khoản này hoặc đề cập cụ thể là “Đối với tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”. → Đối với các tổ chức tín dụng, thực hiện đánh giá lại các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, do đó sẽ không thể xác định được số <u>thu nhập theo công thức này</u>. tiền thu được từ bán ngoại tệ.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định để loại các tổ chức tín dụng ra khỏi phạm vi điều chỉnh của điểm này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại điểm d khoản 1 Điều 3: a) Để đảm bảo phản ánh đúng với các chi phí liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, đề nghị sửa nội dung cụ thể là: “trừ (-) chi phí duy trì, gia hạn, sửa đổi, nâng cấp, phát triển liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ được chuyển giao và các khoản chi được trừ khác”. b) Việc xác định “giá vốn hoặc chi phí tạo ra quyền sở hữu trí tuệ”: cần quy định	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định theo hướng việc xác định giá vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về kế

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		rõ được xác định bằng phương pháp nào. c) Cần có điều khoản quy định về nguyên tắc xử lý khi các chi phí đã được hưởng ưu đãi ở điều khoản này với các điều khoản khác để tránh trùng lặp lợi ích hoặc gây nhầm lẫn.	toán và pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ tại thời điểm phát sinh. Tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã quy định: “<i>Các khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác; khoản chi đã được chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp</i>” không được tính vào chi phí được trừ.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại điểm 1 khoản 2 Điều 3: Dự thảo Nghị định quy định: “Các khoản thu nhập nhận được bằng hiện vật, bao gồm cả hàng hóa không phải thanh toán thì giá trị của hiện vật và hàng hóa không phải thanh toán được xác định bằng giá trị của hàng hóa, dịch vụ tương đương tại thời điểm nhận”. Đề nghị cân nhắc quy định về thu nhập chịu thuế là hàng hóa không phải thanh toán phải bảo đảm không mở rộng phạm vi thu nhập chịu thuế được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025: “Các khoản tài trợ, tặng cho bằng tiền hoặc hiện vật nhận được;”. Đồng thời đề nghị cân nhắc xác định hàng hóa không thanh toán không bao gồm quà tặng thương mại, khuyến mại, chiết khấu; đồng thời loại trừ hàng hóa không thanh toán có giá trị không đáng kể.	Các khoản thu nhập miễn thuế đã được loại trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN. Đối với các khoản thu nhập còn lại, bao gồm cả quà tặng thương mại, khuyến mại, chiết khấu thanh toán đều phải tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật Thuế TNDN; riêng đối với khoản chiết khấu thương mại nhận được sẽ ghi giảm giá vốn hàng bán (không ghi vào thu nhập khác).
	Ông Nguyễn Quốc Thái	Tại điểm r Khoản 2 Điều 3: - Nên quy định rõ các khoản thu nhập này được miễn thuế nếu công ty đối tác đã nộp thuế TNDN tại Việt Nam. Điều này sẽ tránh được tình trạng đánh thuế hai lần và phù hợp với nguyên tắc công bằng thuế. - Tham khảo các quy định hiện hành về thu nhập miễn thuế đối với cổ tức/lợi nhuận được chia → Điểm r Khoản 2 Điều 3 quy định đây là một khoản thu nhập khác chịu thuế: “Các khoản thu nhập từ các hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước được chia từ thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.” Phân tích: Thông thường, các khoản lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết trong nước (từ các pháp nhân Việt Nam) đã được công ty đối	Nội dung góp ý đã được quy định tại khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tác nộp thuế TNDN rồi. Nếu tiếp tục đánh thuế TNDN tại doanh nghiệp nhận cổ tức/lợi nhuận này, sẽ dẫn đến đánh thuế hai lần trên cùng một khoản lợi nhuận, đi ngược lại nguyên tắc tránh đánh thuế trùng mà pháp luật thuế TNDN hiện hành thường áp dụng (ví dụ: thu nhập từ cổ tức của cổ phiếu được miễn thuế nếu đã nộp thuế TNDN).	
	Bộ Công an	Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định quy định: "Bộ Tài chính quy định cụ thể nghĩa vụ thuế quy định tại khoản này". Tuy nhiên, khoản này là quy định về đối tượng phải nộp thuế, không có nội dung về nghĩa vụ thuế. Đồng thời, cần nhắc quy định trực tiếp về nghĩa vụ thuế của đối tượng tại khoản này tại dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với các đối tượng nộp thuế khác.	Đề nghị giữ như quy định tại dự thảo Nghị định vì theo Nghị định và Thông tư về thuế TNDN hiện hành thì tại Nghị định chỉ quy định về đối tượng nộp thuế, trong đó có nhà thầu nước ngoài, còn nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài đang được quy định tại Thông tư số 103/2024/TT-BTC.
	Thanh tra Chính phủ	1. Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu quy định đối với: (1) trường hợp công ty mẹ là doanh nghiệp nước ngoài chuyển nhượng công ty con tại Việt Nam cho một doanh nghiệp nước ngoài khác; (2) trường hợp bản chất là chuyển nhượng dự án đầu tư nhưng thông qua hình thức các hợp đồng ủy quyền toàn phần, hợp đồng góp vốn bằng dự án để tránh thuế. 2. Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, nghiên cứu quy định riêng đối với các trường hợp cho thuê tài sản giữa các bên phát sinh giao dịch liên kết.	1. Nội dung (1) đã được quy định tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến. Nội dung (2) nếu chuyển nhượng thông qua hình thức bằng hợp đồng góp vốn mà có đánh giá tăng tài sản thì phân chênh lệch tăng đã chịu thuế TNDN theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định; nếu thông qua hợp đồng ủy quyền mà bản chất là chuyển nhượng vốn thì căn cứ quy định về <i>nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế</i> tại khoản 25 Điều 3 Luật Quản lý thuế, cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế đối với trường hợp này. 2. Về giao dịch liên kết, hiện tại Chính phủ đã có Nghị định số 132/2020/NĐ-CP điều chỉnh riêng cho các đối tượng này.
Thu nhập được miễn thuế	Vietcombank	- Tại điểm c khoản 4 Điều 4: Đề nghị bổ sung vào điểm c <u>"thu nhập từ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng"</u>. → Tại Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định:	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 không có khoản này.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
(Điều 4)		<i>“Điều 106. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng</i> <i>1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng là môi trường thử nghiệm việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện; tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”</i> Như vậy, TCTD được triển khai cơ chế thử nghiệm. Theo đó, cần có cơ chế ưu đãi về thuế để thúc đẩy các TCTD triển khai, thúc đẩy phát triển KHCN và chuyển đổi số của đất nước.	
		- Tại khoản 7 Điều 4: Đề nghị bỏ cụm từ <i>“liên doanh, liên kết kinh tế”</i> → Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư hiện hành không có khái niệm về liên doanh, liên kết kinh tế. Thay vào đó, có thể xem xét sử dụng thuật ngữ hợp tác kinh doanh theo pháp luật về đầu tư.	Đã chỉnh sửa câu chữ theo quy định của Luật Thuế TNDN.
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Đề nghị bổ sung nội dung giao đầu môi Bộ/cơ quan cụ thể là cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời bổ sung nội dung quy định, quy trình xác nhận: - Hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được miễn thuế; - Sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế; - Sản phẩm sản xuất thử nghiệm; sản xuất thử nghiệm có kiểm soát được miễn thuế.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định là “cơ quan có thẩm quyền xác nhận” do “cơ quan có thẩm quyền” là cơ quan nào sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Về quy trình xác nhận thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Tại điểm a khoản 9 Điều 4: <i>“a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại theo quy định của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</i> b) Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản này được ghi tăng vào phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.” <u>Đề nghị sửa đổi bổ sung:</u> <i>“a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa,</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sắp xếp lại theo quy định của <i>Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp</i>. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản này được ghi tăng vào phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.” Lý do: Cập nhật để đồng bộ với dự thảo Nghị định về cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp hướng dẫn Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/8/2025, thay thế Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP).	Nghị định cho phù hợp.
		Tại điểm b khoản 9 Điều 4: <i>“Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sở hữu thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại theo quy định của Chính phủ. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản này được ghi tăng vào phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ tại doanh nghiệp cổ phần hóa, sắp xếp lại.”</i> → Lý do: Về bản chất, khi cổ phần hóa, sắp xếp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là sở hữu (doanh nghiệp cấp II) có tính chất tương đồng với việc thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (được quy định tại điểm a) và cũng thuộc đối tượng điều chỉnh Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP và cũng thuộc đối tượng điều chỉnh tại dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 5) về cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (hướng dẫn Luật số 68/2025/NĐ-CP).	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã quy định cụ thể đối tượng.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại điểm a khoản 4 Điều 4: Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc nội dung “<i>Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được miễn thuế đảm bảo các điều kiện sau: Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</i>” → Lý do: (i) Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Việc yêu cầu hợp đồng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là không khả thi trong thực tế triển khai. Hiện nay, hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước không có đủ nguồn lực để thực hiện việc thẩm định, xác nhận các hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo như dự thảo quy định; (iii) Quy định này có thể tạo thêm thủ tục hành chính, làm tăng chi phí tuân thủ và phát sinh gánh nặng không cần thiết cho doanh nghiệp, đi ngược với chủ trương cải cách thủ tục hành chính và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.	Tiếp thu, bỏ yêu cầu về điều kiện được miễn thuế.
		Tại điểm d tại khoản 11 của Điều 4: Sửa đổi và bổ sung điểm d tại khoản 11 của Điều 4 như sau: “d) Thu nhập từ hoạt động có thu của... Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương <i>quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố hoặc quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương</i> được thành lập theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm, Quỹ phát triển đất, Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh, Quỹ hỗ trợ đầu tư và quỹ, tổ chức khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định hoặc quyết định.” → Lý do: + Điều 65 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về quỹ phát	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc sửa lại quy định như trên để bảo đảm các quỹ, các loại hình quỹ (được thành lập theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025) đều được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế. + Đối tượng “quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương” đã được quy định tại Điều 40 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	
		Tại điểm a khoản 13 Điều 4: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 13 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: “Hoạt động chuyển giao công nghệ quy định tại khoản này phải bảo đảm được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về chuyển giao công nghệ.” → Lý do: điểm d khoản 3 Điều 23 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định: “3. Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với một số doanh nghiệp, dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định này gồm: đ) Đối với dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao là Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”. Theo đó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để tránh tăng thủ tục hành chính, trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định rõ hoạt động này cần phải có giấy chứng nhận thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
	Bộ Y tế	Tại điểm d (trang 14) khoản 11 Điều 4: Thu nhập được miễn thuế, đề nghị bổ sung cụm từ “Thu nhập từ hoạt động có thu của Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi, Quỹ Bảo hiểm Y tế, Quỹ hỗ trợ học nghề, Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ trợ giúp pháp lý Việt Nam, Quỹ viễn thông công ích, Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo, Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân tại nước ngoài, Quỹ phát triển nhà, Quỹ phát	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung: “Thu nhập từ hoạt động có thu của các quỹ tài chính nhà nước và quỹ, tổ chức khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do <u>Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</u> quy định hoặc quyết định” đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỀ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương được thành lập theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm, Quỹ phát triển đất, Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh, Quỹ hỗ trợ đầu tư và quỹ, tổ chức khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận <i>do cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i> quy định hoặc quyết định” vào “Thu nhập từ hoạt động có thu của Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam..... Quỹ hỗ trợ đầu tư và quỹ, tổ chức khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận <i>do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định hoặc quyết định</i>”	67/2025/QH15.
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	Kiến nghị bổ sung điểm d khoản 8 Điều 4 như sau: d) Khoản bồi thường của Nhà nước quy định tại khoản này được xác định theo pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. → Lý do: Liên quan đến khoản tiền bồi thường, hỗ trợ từ Nhà nước khi thu hồi đất dễ thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội: - Đối với cá nhân: được miễn thuế TNCN theo quy định tại tiết n3 n.3 điểm n khoản 1 Điều 3 Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 12 Thông tư 92/2015/TT-BTC. <u>“Điều 3. Các khoản thu nhập được miễn thuế</u> <u>n.3) Thu nhập từ bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là tiền bồi thường, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất, kể cả các khoản thu nhập do các tổ chức kinh tế bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện thu hồi đất theo quy định.</u> <u>Căn cứ để xác định thu nhập từ bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi đất, bồi thường tái định cư và chứng từ chi tiền bồi thường”.</u> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp:	Dự thảo Nghị định đã bổ sung “khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật khác” để bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tế.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Trước đây, Luật Thuế TNDN 2008, khoản bồi thường, hỗ trợ từ nhà nước khi thu hồi đất không thuộc diện được miễn thuế TNDN mà là khoản thu nhập khác, doanh nghiệp phải nộp thuế. Như vậy, có sự bất hợp lý, không thống nhất trong các quy định pháp luật về thuế đối với cùng một khoản bồi thường áp dụng đối với cá nhân và doanh nghiệp. Hiện nay, theo Luật thuế TNDN 2025 khoản bồi thường của nhà nước là được được quy định là khoản thu nhập được miễn thuế (theo quy định tại khoản 8 Điều 4 – Thu nhập được miễn thuế: <i>8. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam; khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có mối quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập; <u>khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật</u>).</i> => Luật Thuế TNDN 2025 đã sửa đổi, bổ sung các quy định để khắc phục được các bất cập, vướng mắc, bất hợp lý đối với việc thực hiện Luật cũ; tháo gỡ được các bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật về thuế TNDN nhằm đảm bảo sự rõ ràng, thống nhất và ổn định của chính sách. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật thuế TNDN 2025, quy định cụ thể khoản thu nhập được miễn thuế d) Khoản bồi thường của Nhà nước quy định tại khoản này được xác định theo <u>pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</u>. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017: Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không bao gồm việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Như vậy, dự thảo Nghị định hiện tại chưa quy định rõ trường hợp khoản bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước cho tổ chức, doanh nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là khoản được miễn tiền thuế TNDN; dẫn đến việc doanh nghiệp phải nộp thuế TNDN đối với khoản bồi thường này như quy định tại Luật cũ. Điều này là không phù hợp với quy định của Luật Thuế TNDN 2025, đi ngược lại các	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tập trung xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị Quyết 68-NQ/TW). Liên quan các quy định của pháp luật về đất đai việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất do Nhà nước thực hiện (khoản 1 Điều 94 Luật Đất đai: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Nhà nước bảo đảm). <u>Về mặt nguyên tắc thì khoản tiền bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước khi doanh nghiệp bị thu hồi đất không phải đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh, mà là do Nhà nước trả lại giá trị quyền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp cho những thiệt hại khi bị thu hồi đất.</u> Tổ chức, doanh nghiệp không còn đất để sản xuất kinh doanh, phải bỏ chi phí để mua đất, cơ sở sản xuất mới, tốn chi phí di dời hoặc phải ngừng sản xuất, giải thể,...mà vẫn phải nộp thuế TNDN đối với khoản tiền này làm cho doanh nghiệp không đủ nguồn vốn để mua đất khác để đầu tư, tái sản xuất, kinh doanh; <u>công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kéo dài.</u> Ngoài ra, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng, theo đó Đảng và Nhà nước chủ trương việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư <u>đảm bảo người có đất bị thu hồi có cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, được tổ chức lại sản xuất.</u> Do vậy, khoản tiền bồi thường này được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp (tương tự như đối với cá nhân) là hoàn toàn hợp lý, thống nhất với Luật Thuế TNDN 2025 và phù hợp với các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tập trung tháo gỡ các vướng mắc của các quy định pháp luật; khơi thông nguồn lực, thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển trong thời kỳ “phát triển vươn mình của đất nước”.	
	Entrepreneus du Monde	Chúng tôi nhận thấy khoản 12 Điều 4 về thu nhập được miễn thuế quy định về phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa. Điều khoản này có ý nghĩa quan trọng trong việc khuyến khích phát triển các hoạt động xã hội hóa, tuy nhiên chúng tôi cho rằng cần làm rõ thêm một số khái niệm để đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn. Cụ thể, tại điểm b khoản 12 Điều 4 của dự thảo Nghị định có đề cập đến "Các cơ sở công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ	Khái niệm cơ sở công lập được quy định tại Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Cơ quan có thẩm quyền tùy vào từng lĩnh vực ngành nghề cụ thể sẽ là các cơ quan

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quan có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa". Để các tổ chức có thể xác định mình có thuộc đối tượng theo điều khoản này không, chúng tôi đề xuất được làm rõ: * Khái niệm "Cơ sở công lập" trong các lĩnh vực xã hội hóa hiện đang được định nghĩa và quy định cụ thể tại những văn bản quy phạm pháp luật nào? * Các cơ quan nào là cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa? Hơn nữa, điểm b khoản 12 Điều 4 của dự thảo Nghị định cũng quy định "Cơ sở xã hội hoá phải đáp ứng danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định". Chúng tôi đề xuất được làm rõ danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định đang được quy định cụ thể tại những văn bản nào? Việc làm rõ sẽ tạo điều kiện để các tổ chức có thể tra cứu và tuân thủ.	khác nhau (thông thường là cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp công lập đó). Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định là Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1466/QĐ-TTg.
	Ông Hồ Tấn Thịnh	Tại khoản 12 Điều 4: "Điều 119. Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số luật liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh, Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023, sửa đổi bổ sung: "1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 4 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 61/2020/QH14 như sau: "10. Phần thu nhập không chia của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để lại để đầu tư phát triển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó; phần thu nhập không chia của cơ sở y tế thực hiện xã hội hóa nhưng không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã." " Tại khoản 12, Điều 4, dự thảo Nghị định chưa đề cập đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thực hiện xã hội hóa. Vì vậy đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn, đồng thời làm rõ chi tiết "Cơ sở khám chữa bệnh" nêu trên là cơ sở loại hình nào (công lập, tư nhân hay cả 2).	Tại khoản 12 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định về thu nhập miễn thuế gồm: "12. <i>Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó đáp ứng tỷ lệ tối thiểu do Chính phủ quy định</i>", đồng thời tại khoản 2 Điều 19 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã bãi bỏ nội dung về thuế TNDN tại Luật khám chữa bệnh số 15/2023/QH15. Do đó, cơ sở khám chữa bệnh không thực hiện xã hội hóa thì không áp dụng quy định tại khoản này.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Công an	Tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo Nghị định quy định về thu nhập được miễn thuế quy định "hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp được ưu đãi miễn thuế theo quy định tại Nghị định này là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đáp ứng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ theo quy định tại Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã". Tuy nhiên, qua rà soát Nghị định số 113/2024/NĐ-CP không có quy định cụ thể về tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ. Đồng thời, việc quy định tiêu chí "đáp ứng tỷ lệ giao dịch nội bộ" là chưa phù hợp với điều kiện tại khoản 2 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; theo đó, khoản 2 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ quy định đối tượng được miễn thuế là "thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn".	Tiếp thu, bỏ quy định về điều kiện đáp ứng tỷ lệ giao dịch nội bộ ra khỏi nội dung khoản này.
	Thanh tra Chính phủ	Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính giải thích từ ngữ đối với "hải sản" phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật hiện hành.	Cụm từ "hải sản" đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và là nội dung kế thừa quy định hiện hành, không phát sinh vướng mắc trong thực hiện.
	Đài truyền hình Việt Nam	Đề xuất sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 4 quy định về thu nhập được miễn thuế như sau: bổ sung điểm đ) "Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, không phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh." → Lý do: Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: "Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán trong các trường hợp sau: a) Thực hiện điều chỉnh theo định kỳ 05 năm một lần kể từ năm 2026 khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố bảng giá đất lần đầu theo quy định của Luật Đất đai năm 2024; đ) Khi kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản công theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền." Khoản chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất trong các trường hợp nêu trên không phải là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh, không hình thành dòng tiền	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN đã được quy định cụ thể tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoặc lợi nhuận thực tế, mà chỉ là sự điều chỉnh về mặt giá trị tài sản trên sổ sách kế toán, nên cần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.	
Căn cứ tính thuế (Điều 5)			
Công ty TNHH E&Y Việt Nam Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Đề xuất bổ sung tại khoản 3 Điều 6 như sau: “Điều 6. Xác định thu nhập tính thuế 3. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp nếu có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn, bao gồm cả thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư và hoạt động khác. Riêng thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập (lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập”.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định.
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại khoản 3 Điều 6: 1. Đề nghị làm rõ quy định tại khoản 3 như sau: “Điều 6. Xác định thu nhập tính thuế 3. <i>Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn. Riêng thu nhập lỗ từ</i>	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa câu chữ để thể hiện rõ nội dung quy định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập (lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế, và ngược lại. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập."</i> → Tại Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 Quy định về việc bù trừ lãi và lỗ đối với hoạt động liên quan đến chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư như sau: Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn (trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế). Theo đó có thể hiểu là chỉ có thu nhập (lãi/lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập (lỗ/lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế, còn lại Doanh nghiệp có thể bù trừ lãi từ hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp với bất kỳ hoạt động kinh doanh bị lỗ và ngược lại do doanh nghiệp lựa chọn, trừ các khoản thu nhập tại Khoản 4 điều 7 Doanh nghiệp phải xác định riêng. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định đang chỉ không chế trường hợp <u>thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập (lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế.</u> (đoạn này có thể hiểu là không được bù trừ thu nhập (lỗ) của từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư với thu nhập (lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế, vì không thể có trường hợp lãi bù trừ với lãi), theo đó trái với Luật 67. 2. Đề xuất làm rõ quy định về việc bù trừ thu nhập giữa các dự án đầu tư tại quy định của Nghị Định. Cho phép doanh nghiệp được phép bù trừ thu nhập giữa các	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi trừ các trường hợp ngoại lệ không được phép bù trừ như đã quy định trong Nghị định. → Quy định tại điểm này chưa làm rõ trong trường hợp công ty có các dự án đầu tư khác nhau mà đang được hưởng các mức ưu đãi thuế TNDN khác nhau thì có được bù trừ giữa các dự án đầu tư đang có lãi với dự án đầu tư đang bị lỗ hay không?	
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	Đề xuất: Làm rõ hơn quy định, cho phép bù trừ lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm cả số lỗ còn trong thời hạn chuyển lỗ vào lãi của hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư. Cụ thể, sửa đổi Khoản 3, Điều 6 như sau: <i>"3. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp có nhiều dự án đầu tư) thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ (bao gồm cả số lỗ phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành còn trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định) thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn. Riêng thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập (lãi) của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập."</i> → Lý do: Kiến nghị bổ sung để làm rõ hơn về việc cho phép bù trừ cả số lỗ phát sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đang còn trong thời hạn chuyển lỗ vào lãi của các hoạt động sản xuất, kinh doanh do doanh nghiệp tự lựa chọn; để đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp cũng như tạo sự nhất quán và xuyên suốt về chính sách thuế. Ngoài ra, bổ sung quy định làm rõ trường hợp doanh nghiệp có nhiều dự án đầu tư thì cũng được bù trừ thu nhập giữa các dự án theo quy định.	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại khoản 2 Điều 6: Đề nghị nghiên cứu bổ sung về công thức xác định thu nhập chịu thuế quy định	Tiếp thu, chỉnh sửa nội dung quy định về

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TNDN trong trường hợp giả định như sau: Doanh nghiệp có các khoản chi phí được trừ là chi phí nghiên cứu và phát triển. Sau khi chi phí nghiên cứu và phát triển được tính mức bổ sung với tỷ lệ 200%, các khoản chi phí được trừ lớn hơn tổng của doanh thu và các khoản thu nhập khác (kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam), do đó, thu nhập chịu thuế nhỏ hơn 0. Vậy, trong trường hợp này, các khoản chi phí được trừ sẽ xác định như thế nào để phù hợp với thu nhập chịu thuế? và các khoản chi phí được trừ chưa được khấu trừ hết khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại kỳ tính thuế này có được mang sang kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tiếp theo để xác định thu nhập chịu thuế không?	mức chi bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định theo hướng “Việc xác định mức chi được trừ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại điểm này phải đảm bảo sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp không bị lỗ.”.
Xác định lỗ và chuyển lỗ (Điều 7)	Techcombank	Đề xuất đối với lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD phát sinh trước kỳ tính thuế TNDN năm 2025 chưa hết thời hạn chuyển lỗ thì kể từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025 được tiếp tục chuyển lỗ cho thời hạn chuyển lỗ còn lại vào thu nhập tính thuế chung từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD. Theo đó, đề xuất bổ sung 1 khoản cuối Điều 7 theo hướng: Các quy định về chuyển lỗ tại Điều này được áp dụng cho các khoản lỗ phát sinh trước kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 còn thời hạn chuyển lỗ. → Lý do: - Theo Luật thuế TNDN năm 2025, kể từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025: + Cho phép bù trừ 2 chiều lỗ/ lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD, nên DN không phải hạch toán riêng các loại thu nhập (thu nhập từ chuyển nhượng BĐS và thu nhập từ hoạt động SXKD). + Đối với DN có nhiều hoạt động SXKD (hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD), nếu có lỗ thì được chuyển lỗ vào thu nhập tính thuế của chung từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD. - Trước kỳ tính thuế TNDN năm 2025, đối với lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS, hoạt động SXKD chưa hết thời hạn chuyển lỗ (được chuyển lỗ 5 năm liên tục) thì chưa có quy định tại dự thảo về số lỗ tương ứng với thời hạn chuyển lỗ	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		còn lại thì được xử lý chuyển lỗ tiếp tục như thế nào. Do đó, đề xuất bổ sung 1 khoản cuối Điều 7 như bên là để phù hợp với quy định với Luật Thuế TNDN năm 2025 cho phép bù trừ 2 chiều lỗ/ lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD (DN không phải hạch toán riêng các loại thu nhập), phù hợp thẩm quyền quy định về chuyển lỗ của Chính phủ và tránh vướng mắc trong thực hiện.	
		+ Đề xuất sửa đổi tại khoản 2 Điều 7 như sau: “2. ... Doanh nghiệp tạm thời chuyển lỗ vào thu nhập của các quý của năm sau khi lập tờ khai tạm nộp quý xác định số thuế tạm nộp theo quý và chuyển chính thức vào năm sau khi lập tờ khai quyết toán thuế năm”. Lý do: - Theo Luật thuế TNDN năm 2025, kể từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025: + Cho phép bù trừ 2 chiều lỗ/ lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD, nên DN không phải hạch toán riêng các loại thu nhập (thu nhập từ chuyển nhượng BĐS và thu nhập từ hoạt động SXKD). + Đối với DN có nhiều hoạt động SXKD (hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD), nếu có lỗ thì được chuyển lỗ vào thu nhập tính thuế của chung từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD. - Trước kỳ tính thuế TNDN năm 2025, đối với lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS, hoạt động SXKD chưa hết thời hạn chuyển lỗ (được chuyển lỗ 5 năm liên tục) thì chưa có quy định tại dự thảo về số lỗ tương ứng với thời hạn chuyển lỗ còn lại thì được xử lý chuyển lỗ tiếp tục như thế nào. Do đó, đề xuất bổ sung 1 khoản cuối Điều 7 như bên là để phù hợp với quy định với Luật Thuế TNDN năm 2025 cho phép bù trừ 2 chiều lỗ/ lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động SXKD (DN không phải hạch toán riêng các loại thu nhập), phù hợp thẩm quyền quy định về chuyển lỗ của Chính phủ và tránh vướng mắc trong thực hiện.	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Đề rõ ràng, đề xuất điều chỉnh khoản 4, Điều 7 như sau: “Điều 7. Xác định lỗ và chuyển lỗ 4. Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, <u>chấm dứt dự án đầu tư mà doanh nghiệp ủy quyền chi</u>	Hiện hành, pháp luật về quản lý thuế, về kế toán hiện không còn quy định loại hình chi nhánh hạch toán độc lập như trước đây, vì vậy, để đảm bảo đồng bộ pháp luật, không

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>nhánh hạch toán độc lập quản lý</u> phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, <u>chấm dứt dự án đầu tư mà doanh nghiệp ủy quyền chi nhánh hạch toán độc lập quản lý</u> của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp không phải quyết toán thuế theo quy định), số lỗ của doanh nghiệp phát sinh trước khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc của <u>dự án đầu tư mà doanh nghiệp ủy quyền chi nhánh hạch toán độc lập quản lý bị chấm dứt</u> phải được theo dõi chi tiết theo năm phát sinh và bù trừ vào thu nhập cùng năm của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc được tiếp tục chuyển vào thu nhập của các năm tiếp theo của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất để đảm bảo nguyên tắc chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.” → Xét quy định tại khoản 5, Điều 12, Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 (được trích dẫn bên dưới), chúng tôi hiểu Luật cho phép kết chuyển lỗ từ dự án đầu tư. “5. Doanh nghiệp thành lập hoặc doanh nghiệp <u>có dự án đầu tư</u> từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền phạt nếu có), đồng thời được kế thừa các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (<u>kể cả các khoản lỗ chưa được kết chuyển</u>) của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư trước khi chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, điều kiện chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.” Trên thực tế, rất nhiều doanh nghiệp ủy quyền cho chi nhánh quản lý dự án đầu tư. Căn cứ vào quy định của Luật, đề xuất làm rõ khả năng kết chuyển lỗ phát sinh từ dự án đầu tư do doanh nghiệp ủy quyền cho chi nhánh quản lý.	quy định tại dự thảo Nghị định nội dung về chuyển lỗ đối với chi nhánh hạch toán độc lập như kiến nghị. Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định việc bù trừ lãi/lỗ áp dụng đối với các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, giữa các dự án đầu tư trong cùng một doanh nghiệp hoặc giao cho chi nhánh phụ thuộc quản lý.
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	Đề xuất: Bổ sung cơ chế chuyển lỗ từ các năm trước, trong trường hợp doanh nghiệp vừa có hoạt động ưu đãi thuế TNDN vừa có hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN: Bổ sung nội dung sau vào Điều 7, dự thảo Nghị định: <i>“Trường hợp trong các kỳ tính thuế trước, doanh nghiệp đang bị lỗ (nếu còn trong thời hạn chuyển lỗ) thì doanh nghiệp phải chuyển lỗ tương ứng với các</i>	Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hoạt động có thu nhập, sau đó vẫn còn lỗ thì chuyển vào thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh do doanh nghiệp tự lựa chọn (nếu không tách riêng được lỗ của từng hoạt động thì chuyển lỗ vào thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trước) ”.</i> → Lý do: Do quy định tại dự thảo Nghị định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến việc doanh nghiệp gặp khó khăn khi xác định chuyển lỗ từ các năm trước, nhất là trong trường hợp doanh nghiệp đồng thời có cả hoạt động ưu đãi thuế và hoạt động không được ưu đãi thuế. Đề xuất này góp phần làm rõ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình áp dụng chính sách. Nội dung này đã được quy định cụ thể trong các văn bản trước đây (<i>Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 96/2015/TT-BTC</i>) và đã áp dụng thống nhất và ổn định, vì vậy kiến nghị bổ sung vào Nghị định để doanh nghiệp có căn cứ áp dụng.	
Doanh thu (Điều 8)	Vietcombank	- Tại điểm b khoản 2 Điều 8: Đề nghị bổ sung quy định: Trường hợp cung ứng dịch vụ có tính liên tục theo các kỳ quy ước với khách hàng, có thể xác định doanh thu vào kỳ tiếp theo kỳ cung ứng dịch vụ. → Theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ, đối với dịch vụ bán theo kỳ nhất định thì có thể lập hóa đơn chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Trong trường hợp này, theo pháp luật thuế GTGT, có thể kê khai thuế GTGT theo thời điểm lập hóa đơn. Đề pháp luật thuế TNDN đồng bộ với thuế GTGT và hóa đơn, cần bổ sung quy định kê khai thuế TNDN vào kỳ tiếp theo. - Tại khoản 3 Điều 8: Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm tính thuế với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, trong đó làm rõ không áp dụng tạm nộp thuế với hoạt động chuyển nhượng bất động sản là tài sản bảo đảm theo pháp luật về bảo đảm. → Thông tư 80/2021/TT-BTC quy định về quản lý thuế đối với chuyển nhượng BĐS khác địa bàn, trong đó có khai thuế, tạm nộp thuế (điểm b.1 Khoản 3 Điều 17): không phải nộp hồ sơ khai thuế quý và xác định số thuế tạm nộp hàng quý bằng (=) doanh thu tính thuế TNDN của chuyển nhượng BĐS tại từng tỉnh nhân (x) 1%.	Ghi nhận đề nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN Nội dung kiến nghị thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý thuế. Hiện tại, Bộ Tài chính đang nghiên cứu sửa Luật Quản lý thuế, đề nghị đơn vị có ý kiến tham gia khi dự thảo được gửi lấy ý kiến rộng rãi.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Theo đó, kể cả giá chuyển nhượng nhỏ hơn vốn vay, lãi và chi phí chuyển nhượng thì TCTD vẫn phải tạm nộp thuế TNDN trên địa bàn theo doanh thu tính thuế (giá chuyển nhượng) và khi quyết toán thuế phải thực hiện thông qua việc bù trừ/hoàn thuế đối với số tiền đã tạm nộp. Tuy nhiên, do BDS bảo đảm tiền vay không phải BDS của TCTD, không ghi nhận doanh thu của BDS nên TCTD không có cơ sở để quyết toán thuế TNDN	
		- Tại điểm o khoản 3 Điều 8: Đề nghị xem xét lại cụm từ “trừ các khoản hoa hồng môi giới bảo hiểm”. Do nếu khoản thu hoa hồng mà trừ đi chính nó thì doanh thu sẽ bằng 0.	Tại dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa lại theo hướng đối với hoạt động ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, việc xác định doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.
		- Tại điểm g khoản 3 Điều 8: Đề nghị sửa “số tiền bên mua dịch vụ trả từng kỳ theo hợp đồng” thành “số tiền dịch vụ <u>phát sinh</u> từng kỳ theo hợp đồng” → Nếu đã trả tiền trước cho nhiều năm thì không còn phát sinh “trả từng kỳ” nữa. Do đó, dùng cụm từ “trả từng kỳ” là không hợp lý.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này được kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua.
		- Tại điểm h khoản 3 Điều 8: + Sửa “hoạt động tín dụng” thành “hoạt động <u>kinh doanh</u> ” + Sửa “thu từ lãi tiền gửi, thu từ lãi tiền cho vay, doanh thu về cho thuê tài chính phải thu phát sinh trong kỳ tính thuế” thành “ <u>doanh thu</u> ” → Điều 145 Luật Các TCTD 2024 quy định nguyên tắc chung để hạch toán doanh thu của hoạt động kinh doanh nói chung của TCTD. Do đó, đề nghị cho phép TCTD thực hiện theo Luật Các TCTD với toàn bộ doanh thu hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Luật Các TCTD không quy định khái niệm “hoạt động tín dụng” mà chỉ quy định “hoạt động ngân hàng”, trong đó có khái niệm “cấp tín dụng”.	Tại dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa lại theo hướng đối với hoạt động ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, việc xác định doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.
		- Tại điểm k khoản 3 Điều 8: Đề nghị quy định rõ doanh thu dịch vụ tài chính phải sinh được xác định theo lãi/lỗ quy định bởi pháp luật về kế toán.	Tại dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa: <i>Đối với dịch vụ tài chính phải sinh là số tiền thu từ việc cung ứng các dịch vụ tài chính phải sinh thực hiện trong kỳ tính thuế theo quy định của pháp luật ngân hàng và pháp luật</i>

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Tại khoản 2 Điều 8: Đề nghị bổ sung thêm đoạn nội dung sau để quy định chi tiết cho hoạt động vận tải hàng không: "2. Thời điểm xác định doanh thu <u>... Đối với hoạt động vận tải hàng không thời điểm xác định doanh thu là thời điểm đại lý hoàn thành việc xuất vé. DN ghi nhận doanh thu tiền vé và khoản phí dịch vụ/hoa hồng (nếu có) từ việc xuất vé đó, không phụ thuộc vào thời điểm khách hàng thực hiện chuyến bay."</u> → Căn cứ vào thực tế, tại thời điểm xuất vé DN ghi nhận đã hoàn thành việc cung ứng dịch vụ và được hưởng hoa hồng từ việc bán vé. DN nên được ghi nhận doanh thu tiền vé cùng với doanh thu từ phí dịch vụ/hoa hồng, không căn cứ vào thời điểm khách hàng thực tế thực hiện chuyến bay. Trường hợp khách hàng hoãn/ hủy chuyến vẫn thu phí dịch vụ/hoa hồng và ghi nhận doanh thu tiền vé theo giá trị thực tế.	<i>chứng khoán.</i> Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN
		Tại khoản 3 Điều 8: 1. Đề nghị bổ sung vào đoạn cuối của khoản 3.g - Điều 8 nội dung quy định hướng dẫn cụ thể điều kiện áp dụng trường hợp "<i>phân bổ cho số năm trả tiền trước</i>" và trường hợp "<i>xác định theo doanh thu trả tiền một lần</i>" để áp dụng dễ dàng và thống nhất. 2. Đề nghị bổ sung khoản 3, Điều 8 nội dung quy định về phương pháp tính Doanh thu tính thuế TNDN đối với các sản phẩm hàng hóa - dịch vụ đặc thù nhưng đã khá phổ biến trên thị trường. Bao gồm: + Dịch vụ đặc thù <i>có sự khác nhau về Doanh thu trả trước và Doanh thu thực tế tiêu dùng</i>, như: dịch vụ viễn thông trả trước, Internet trả trước,... + Doanh thu với các trường hợp sử dụng Voucher, Coupon; điểm tích lũy;... → Bổ sung nội dung hướng dẫn cụ thể hơn về điều kiện áp dụng trường hợp phân bổ doanh thu hay tính một lần với dịch vụ trả tiền trước để áp dụng dễ dàng và thống nhất.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua, đồng thời quy định này cho phép doanh nghiệp lựa chọn, việc lựa chọn theo hình thức nào là quyền chủ động của doanh nghiệp, không yêu cầu điều kiện khi lựa chọn. Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN. Việc phân bổ doanh thu tính thuế hay tính một lần là do doanh nghiệp lựa chọn, trừ trường hợp được hưởng ưu đãi thuế thì việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của số năm thu tiền trước chia (:

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Luật hóa để áp dụng thống nhất trong xác định Doanh thu tính thuế đối với các HH-DV đặc thù nhưng đã khá phổ biến trên thị trường như dịch vụ viễn thông trả trước, Internet trả trước; sản phẩm cung cấp dạng Voucher, Coupon;.... - Theo công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18/06/2020 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn ghi nhận doanh thu dịch vụ Viễn thông "Doanh thu bán thẻ viễn thông trả trước phải được xác định trên cơ sở <u>dung lượng thực tế</u> mà khách hàng đã sử dụng trong kỳ, khoản tiền thu bán thẻ nhưng khách hàng chưa sử dụng dịch vụ sẽ không được phản ánh vào doanh thu trong kỳ của doanh nghiệp viễn thông". Tại điểm n khoản 3 Điều 8: - Đề nghị <i>bổ sung ví dụ</i> cho khoản 3.n - Điều 8 về thời điểm xác định Doanh thu tính thuế cho trực quan hơn. - Đề nghị bổ sung thêm nội dung quy định về <i>thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày lập hóa đơn theo quy định về lập hóa đơn</i> đối với các dịch vụ tương tự khác như dịch vụ viễn thông, dịch vụ CNTT,... cũng có đặc thù cần thời gian chốt số liệu/ đối soát khối lượng thực tiêu dùng. Theo đó nội dung đề nghị sửa lại như sau: <i>"n) Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là số tiền cung cấp điện, nước sạch ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày xác nhận chỉ số công tơ điện và được ghi trên hóa đơn tính tiền điện, tiền nước sạch.</i> <i>Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông trả sau là số tiền cung cấp dịch vụ ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày lập hóa đơn tính tiền cước viễn thông.</i> <i>Đối với các trường hợp cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin được bán theo kỳ nhất định, doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số tiền cung cấp dịch vụ ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày lập hóa đơn theo quy định về lập hóa</i>	cho số năm thu tiền trước. Ghi nhận đề nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	<u>đơn.</u> Tại điểm c khoản 1 Điều 8: Đề tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho DNNN kinh doanh TMĐT khi họ xác định số thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, đề nghị thêm điểm c vào khoản 1 Điều 8 như sau: “Điều 8. Doanh thu <i>1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.</i> <i>a) Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là doanh thu không có thuế giá trị gia tăng.</i> <i>b) Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.</i> <i>c) Đối với dịch vụ được doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là doanh thu cung cấp dịch vụ không có thuế giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp nước ngoài đã đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ hoặc doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng cho các trường hợp còn lại”</i> → Khoản 1, Điều 8 đặt ra quy định xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp. Tuy nhiên, đối với doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú (CS TT) tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số (DNNN kinh doanh TMĐT) quy định tại khoản 2d, Điều 2, của Luật thì: ▪ Họ không thể áp dụng kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ quy định tại Điều 11 (Luật thuế GTGT số 48/2004/QH15 – Luật thuế GTGT). Điều 11 quy định để áp dụng phương pháp khấu trừ, cơ sở kinh doanh thực hiện	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ. DNNN kinh doanh TMĐT sẽ không thể đáp ứng được. Họ không thuộc trường hợp khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp vì rơi vào điều khoản loại trừ tại Điều 12.2.a3 Luật thuế GTGT. Tại khoản 2 Điều 8: Chúng tôi thấy rằng về bản chất, quy định hiện hành về thuế TNDN khi xác định doanh thu đã phù hợp với các quy định về kế toán. Trong tương lai, chúng tôi hiểu rằng Bộ Tài chính sẽ cho phép các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng BCTC được lập theo IFRS hoặc VAS. Do đó, để đồng bộ hóa các quy định với pháp luật về kế toán, giảm bớt gánh nặng cho người nộp thuế khi xác định doanh thu, chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN, chúng tôi đề xuất làm rõ quy định để tránh vướng mắc như sau: “Điều 8. Doanh thu 2. Thời điểm xác định doanh thu a) Đối với hoạt động bán hàng hoá (bao gồm cả trường hợp bán hàng hóa trong nước và xuất khẩu) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, phù hợp với các quy định về kế toán, chuẩn mực kế toán tài chính mà người nộp thuế lựa chọn áp dụng.” → Thời điểm xác định doanh thu đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, tuy nhiên trong thực tế vẫn có những quan điểm của cơ quan thuế cho rằng riêng đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu thì thời điểm xác định doanh thu thực hiện theo quy định của thuế GTGT. Cách hiểu trên vừa không thực hiện đúng theo quy định về thuế TNDN hiện hành, vừa không đúng bản chất của thuế TNDN là đánh trên thu nhập của tổ chức phát sinh trong 1 kỳ kế toán/kỳ tính thuế. Do thu nhập tính thuế được xác định = doanh thu (-) chi phí, nên ngoài chỉ tiêu doanh thu, việc xác định chi phí đúng kỳ cũng rất cần thiết. Tuy nhiên, khác với doanh thu bán hàng hóa có thể được xác định lại theo báo cáo bán hàng, hóa đơn đầu ra và bộ chứng từ tờ khai xuất khẩu đi kèm, thì chi phí đầu vào là tập hợp của rất nhiều loại chi phí khác nhau (chi phí sản xuất trực tiếp, gián tiếp, chi phí bán	Ghi nhận đề nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hàng, vận chuyển, kiểm định chất lượng liên quan đến hàng bán,...). Việc xác định lại chi phí do thay đổi thời điểm xác định doanh thu tính thuế so với hạch toán kế toán là không khả thi. Trong khi đó, công việc này đã được xác định đáng tin cậy dựa theo sổ sách kế toán của doanh nghiệp được lập trong kỳ, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp. Vì thế nếu quy định thời điểm xác định doanh thu/chi phí cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp khác với quy định của kế toán sẽ khiến số liệu kê khai thuế TNDN giảm đi đáng kể độ tin cậy, và khiến doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian để thực hiện đối chiếu, tách từng khoản chi phí tương ứng với doanh thu theo kỳ.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại điểm b, khoản 2, Điều 8. Doanh thu: <i>Thời điểm xác định doanh thu “b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này”.</i> Đề nghị cơ quan soạn thảo cần bổ sung thời điểm xác định doanh thu đối với trường hợp cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, thẩm định giá, khảo sát, thiết kế kỹ thuật, tư vấn giám sát, lập dự án đầu tư xây dựng, để đảm bảo tính thống nhất giữa Luật thuế GTGT về thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ (Khoản 6 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP) và thời điểm xác định doanh thu theo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNDN; tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc xác định giá trị dịch vụ công	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN
	Thanh tra Chính phủ	Tại điểm r khoản 3 Điều 8: "Hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng (casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh có đặt cược) là số tiền thu được từ hoạt động này bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ đi số tiền đã trả thưởng cho khách", Thanh tra Chính phủ đề nghị nghiên cứu, quy định theo hướng: "Hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng (casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh có đặt cược) là số tiền thu được từ hoạt động này bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong trường hợp khách chơi trúng thưởng thì là số tiền thu được từ hoạt động này bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ đi số tiền đã trả thưởng cho	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì quy định tại dự thảo Nghị định (<i>Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng (casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh có đặt cược) là số tiền thu từ hoạt động này bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khác</i>) đã thể hiện được đầy đủ nội dung ý kiến tham gia

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khách tại thời điểm trả thưởng".	nhưng ở dạng khái quát hơn. Ngoài ra, đây là nội dung kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua.
Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (Điều 9)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1. Tại tiểu điểm b9 điểm b khoản 1 Điều 9: - Đề nghị Cơ quan soạn thảo giải thích rõ khái niệm “<i>vất năm</i>”, “<i>vất tháng</i>” do các khái niệm này chưa được quy định tại văn bản pháp luật khác, có thể dẫn tới cách hiểu và áp dụng không thống nhất. - Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét sửa nội dung “<i>Chi phí hủy, thanh lý tài sản cố định do hư hỏng, không còn nhu cầu sản xuất</i>” thành “<i>Chi phí hủy, thanh lý tài sản cố định do hư hỏng, không còn nhu cầu sản xuất, sử dụng</i>” để đảm bảo đầy đủ. 2. Tại ý d điểm 2.6 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định, đối với nội dung “<i>Đối với tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển,... không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định theo quy định thì chi phí mua tài sản nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm</i>” Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét sửa “<i>được phân bổ dần...</i>” thành “<i>được hạch toán một lần hoặc được phân bổ dần...</i>” để cho phép doanh nghiệp thêm lựa chọn được hạch toán luôn một lần vào chi phí đối với các tài sản có giá trị nhỏ, không bắt buộc doanh nghiệp phải phân bổ.	Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Bộ Quốc phòng	Tại tiết b.1, điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định, sửa lại như sau: “b.1) Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật. Khoản chi ủng hộ, đóng góp cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.”. → Lý do: Nhà nước đã có chính sách về huy động nguồn lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho quốc phòng (khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Luật Quốc phòng số	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì “<i>khoản chi ủng hộ, đóng góp cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng</i>” là khoản chi tài trợ, thực hiện theo quy định tại điểm b5 khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		22/2018/QH14). Do đó, việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi ủng hộ, đóng góp của doanh nghiệp cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng là cần thiết; phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước.	
	Vietcombank	Tại khoản 1 Điều 9: Đề nghị sửa diễn đạt tại khoản 1 Điều 9 từ “đáp ứng đủ các điều kiện” thành “đáp ứng đủ điều kiện a và b hoặc a và c”. Một khoản chi không thể đáp ứng cả 2 điều kiện a và b do đây là hai điều kiện loại trừ lẫn nhau. Tại tiết b3 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề nghị bổ sung thêm khoản chi: <u>“+ Chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc được doanh nghiệp trả cho cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.”</u> → Ngoài tự tổ chức lớp đào tạo nghề theo Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp với các chi phí nêu tại dấu cộng (+) đầu tiên, doanh nghiệp còn triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động bằng hình thức cử đi học, đào tạo theo chương trình chính quy, tại chức tại các cơ sở giáo dục theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp. Do đó, để đảm bảo quyền của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo, cần bổ sung hình thức triển khai hoạt động đào tạo là cử đi đào tạo/bồi dưỡng tại cơ sở giáo dục.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại tiết b5 điểm b khoản 1 Điều 9: + Đề nghị thống nhất cách trình bày các khoản tài trợ cụ thể trong tiêu điểm này: quy định cụ thể hình thức tài trợ, nội dung tài trợ, đối tượng nhận tài trợ (trực tiếp hoặc thông qua đơn vị có chức năng huy động tài trợ). Đồng thời giữ lại quy định về hồ sơ ghi nhận chi phí tài trợ như quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC hiện nay. → Một số khoản tài trợ được quy định rõ hình thức tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật, (ví dụ: tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tài trợ làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách xã hội.) Tuy nhiên, các khoản tài trợ còn lại không quy định hình thức tài trợ. Do đó, cần có quy định về thủ tục, hồ sơ cụ thể để các DN thực hiện thống nhất,	Ghi nhận đề nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tránh phát sinh vướng mắc, đặc biệt khi các khoản chi này không có hóa đơn. + Đề nghị bỏ: “<i>Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường</i>” → Các khoản tài trợ này cũng chính là “Tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học”. Đồng thời, ngoài các khoản tài trợ này còn có các khoản tài trợ khác đáp ứng điều kiện “không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học”. + Đề nghị bỏ “<i>tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế</i>” → Các khoản tài trợ này cũng chính là “tài trợ cho các cơ sở y tế được thành lập theo quy định của PL về y tế mà khoản tài trợ này không phải để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện, trung tâm y tế đó”. Đồng thời, ngoài các khoản tài trợ này còn có các khoản tài trợ khác cho các cơ sở y tế không phải để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện. + Thứ nhất, đề nghị xem xét lại khái niệm “<i>cơ sở văn hóa</i>”. → Pháp luật hiện hành không có khái niệm “cơ sở văn hóa”. Thứ hai, đề nghị bổ sung các khoản tài trợ theo chính sách khuyến khích tại Luật Di sản văn hóa 2024: i) tài trợ đãi ngộ nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể thông qua Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Điều 14; (ii) tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Điều 87; (iii) đóng góp cho Quỹ Bảo tồn di sản văn hóa theo Điều 89. → Cần có chính sách để cụ thể hóa quy định tại Luật Di sản văn hóa, thúc đẩy việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam. Thứ ba, đề nghị bổ sung các khoản tài trợ cho: i) các lễ kỉ niệm do cấp trung ương, cấp tỉnh tổ chức theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP; (ii) các chương trình biểu diễn nghệ thuật do cấp trung ương, cấp tỉnh tổ chức để tuyên truyền cho các lễ kỉ niệm, giới thiệu và quảng bá di sản văn hóa. → Cần có chính sách cụ thể để khuyến khích doanh nghiệp tài trợ cho các hoạt động kỉ niệm, giúp giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời giúp doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm xã hội bằng việc đóng góp cho công tác gìn	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này là kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này là kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu một phần về tài trợ cho Quỹ Bảo tồn di sản văn hóa. Đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa, tại Luật Di sản văn hóa 2024 đã có chính sách đãi ngộ từ Nhà nước. Đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Điều 87 quy định rất chung chung, khó có cơ sở để chứng minh việc tài trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động này. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì các chương trình này nằm trong kế hoạch dự toán chi ngân sách của năm tổ chức, đã

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giữ và phát huy các giá trị truyền thống của đất nước. + Đề nghị làm rõ khái niệm “nhà đại đoàn kết” và “nhà tình nghĩa”. → Dự thảo Nghị định chưa đưa ra định nghĩa cho các khái niệm này. Đồng thời, các văn bản quy định của pháp luật hiện hành cũng không có hướng dẫn cụ thể về “nhà tình nghĩa”, “nhà đại đoàn kết”. Trên thực tế, do không có định nghĩa cụ thể nên doanh nghiệp không dám thực hiện tài trợ. Do đó, đề nghị bổ sung khái niệm để tạo cơ sở pháp lý cho việc tài trợ. + Đề nghị bổ sung quy định chi tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ, tài trợ cho hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ cũng được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. → Đảm bảo đồng bộ với Luật Khoa học Công nghệ. Cụ thể: + Điều 22 Luật KHCN <i>“4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tự đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ; ưu tiên thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.</i> <i>5. [...] Kinh phí tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học và công nghệ quy định tại khoản 4 Điều này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.”</i> + Điều 48 Luật KHCN quy định: <i>“3. Kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ cho hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hợp lý.”</i>	được chi từ ngân sách nhà nước. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì do nội dung này là quy định hiện hành, được thực hiện ổn định thời gian qua. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì khoản chi tài trợ đã được quy định cụ thể tại điểm b5 khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
		Tại tiết b6 điểm 6 khoản 1 Điều 9: + Thứ nhất, đề nghị xem xét lại khoản chi phát sinh về nghiên cứu và phát triển không vượt quá 200% chi phí thực tế. → Tiêu điểm b6 thuộc điểm b quy định về khoản chi thực tế phát sinh khác; do đó phải là khoản chi thực tế phát sinh. Vì vậy, việc quy định việc không vượt 200% chi phí thực tế (đồng nghĩa với việc cho phép chi phí không thực tế) là	Tiếp thu, chỉnh sửa lại kỹ thuật trình bày tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VĂN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		không phù hợp. + Thứ hai, đề nghị nêu rõ văn bản cụ thể quy định việc xác định khoản chi. → Qua rà soát hệ thống pháp luật về khoa học công nghệ hiện nay, chỉ có Nghị định 95/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ quy định việc chi từ Quỹ khoa học và công nghệ mà không quy định chi trực tiếp từ chi phí (không qua Quỹ). Hệ thống pháp luật về KHCN cũng chưa có quy định về xác định chi phí thực tế liên quan hoạt động nghiên cứu và phát triển. Nếu không có các quy định cụ thể, doanh nghiệp sẽ không thể chi cho KHCN được, ảnh hưởng đến việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.	Tại dự thảo Nghị định đang quy định: Việc xác định khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
		Tại tiết b7 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề nghị quy định rõ về trường hợp bất khả kháng (có thể tham chiếu đến Luật Quản lý thuế 2019). → Khoản 1 Điều 156 BLDS 2015 quy định: “<i>Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.</i>” Khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế (QLT) 2019 quy định: “<i>27. Trường hợp bất khả kháng bao gồm:</i> <i>a) Người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ;</i> <i>b) Các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.</i>” Như vậy, khái niệm tại Luật QLT không yêu cầu các điều kiện như “<i>không thể lường trước được</i>”, “<i>không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép</i>” như BLDS. Do có sự khác nhau đó, đề nghị quy định một cách cụ thể để đảm bảo việc hiểu và áp dụng thống nhất	Tiếp thu, thể hiện tại điểm d7 khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định theo hướng: <i>Việc xác định trường hợp bất khả kháng khác làm cơ sở xác định phân giá trị tổn thất được trừ gồm thảm họa, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.</i>
		Tại tiết b9 điểm b khoản 1 Điều 9: + Đề nghị sửa “<i>sản phẩm</i>” thành “<i>sản phẩm, dịch vụ</i>”. → Không giới hạn ở sản phẩm mà cần rộng ra cho cả dịch vụ. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như ngân hàng cũng cần phải thực hiện nghiên cứu/giới thiệu sản phẩm, dịch vụ (SPDV) mới. + Đề nghị quy định rõ cho trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phải gửi báo cáo về sản phẩm mới thì chỉ cần lưu trữ nội bộ. → Pháp luật hiện hành không quy định mọi sản phẩm mới phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước (Ví dụ pháp luật về TCTD hiện nay không yêu cầu phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về dịch vụ cho vay hay thẻ ngân hàng mới). Việc yêu cầu báo cáo như tại Nghị định sẽ tạo ra thủ tục hành chính mới, không phù hợp với chủ trương cắt giảm hiện nay. + Đề nghị bổ sung vào quy định này: (i) chi phí tiền thuê đất trả cho Nhà nước đối với đất thuê của Nhà nước để xây dựng trụ sở sản xuất, kinh doanh; và (ii) tiền nộp bổ sung khi gia hạn sử dụng đất không đưa vào sử dụng hoặc chậm tiến độ so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư theo khoản 8 Điều 81 Luật Đất đai. → Có nhiều lý do dẫn tới việc doanh nghiệp đã thuê đất nhưng chưa thể triển khai xây dựng trụ sở như giấy phép xây dựng, tìm kiếm nhà thầu, thay đổi quy hoạch,... Trong thời gian đó, doanh nghiệp vẫn phải trả tiền thuê đất cho Nhà nước và có thể phải nộp cả tiền bổ sung. Đây là khoản chi theo quy định pháp luật, xuất phát từ nguyên nhân nằm ngoài sự kiểm soát của doanh nghiệp. Do đó, cần thiết phải cho doanh nghiệp tính vào chi phí được trừ. + Đề nghị không chỉ giới hạn ở doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài sản. → Đối với tài sản hoặc phần diện tích bất động sản chưa có nhu cầu sử dụng, mọi doanh nghiệp đều được quyền cho thuê để tối ưu hiệu quả kinh doanh (Khoản 2 Điều 139 Luật TCTD cho phép TCTD được cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của TCTD chưa dùng hết). Do đó, không nên giới hạn khoản chi này ở các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là cho thuê tài sản. + Đề nghị sửa “sản phẩm mới” thành “sản phẩm, <u>dịch vụ mới</u>”. → Không giới hạn ở sản phẩm mà cần rộng ra cho cả dịch vụ. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như ngân hàng cũng cần phải thực hiện nghiên cứu/giới thiệu sản phẩm, dịch vụ (SPDV) mới. Không giới hạn ở SPDV “mới”. Đối với các SPDV hiện có nhưng vẫn cần phải giới thiệu đối với các khách hàng mới thì mới bán được. + Đề nghị giải thích rõ khái niệm “vất năm”, “vất tháng”. → Vất năm, vất tháng không được quy định tại văn bản pháp luật khác, có thể	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định bởi vì đối với những sản phẩm, dịch vụ không phải là mới thì pháp luật hiện thuế TNDN hiện hành không khống chế chi phí quảng cáo, khuyến mại, tiếp thị. Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dẫn tới cách hiểu và áp dụng không thống nhất. + Đề nghị sửa “<i>thanh lý tài sản cố định do hư hỏng, không còn nhu cầu sản xuất</i>” thành “<i>bán tài sản do hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng</i>”. → + Sửa “<i>thanh lý</i>” thành “<i>bán</i>” để đảm bảo bao quát, do thanh lý thường chỉ để chỉ các tài sản hết khấu hao. + Sửa “<i>tài sản cố định</i>” thành “<i>tài sản</i>” do DN cũng thực hiện thanh lý các công cụ, dụng cụ, thiết bị có nguyên giá dưới 30 triệu đồng. + Sửa “<i>sản xuất</i>” thành “<i>sử dụng</i>” do tài sản của các DN kinh doanh dịch vụ như NHTM không dùng cho sản xuất. + Đề nghị bổ sung các khoản chi sau: chi phí hỗ trợ, khen thưởng cho nhân viên của đại lý phân phối, đại lý môi giới, chi phí thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc theo quy định của pháp luật, chi phí thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tài trợ theo quy định về thuế TNDN. → Việc chi hỗ trợ, khen thưởng cho nhân viên của đại lý giúp cho nhân viên thấy rõ được lợi ích của việc bán hàng, từ đó có động lực rõ ràng để bán hàng, đóng góp trực tiếp vào gia tăng doanh thu của doanh nghiệp. Việc chi trực tiếp cho nhân viên mà không chi qua đại lý cũng giúp đảm bảo việc chi đúng đối tượng, đảm bảo quyền lợi cho NLĐ. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp có thể phải chi để thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc như về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ,... Các khoản chi này không trực tiếp làm phát sinh doanh thu nhưng buộc phải thực hiện thì mới có thể tiến hành kinh doanh đúng quy định của pháp luật; do đó cần phải tính vào chi phí được trừ. Về ND thứ ba, khi tài trợ bằng hàng hóa, dịch vụ theo đúng pháp luật thuế TNDN thì doanh nghiệp phải nộp thuế GTGT đầu ra. Hiện nay chưa có quy định rõ ràng về việc đây là chi phí được trừ. Nếu không cho phép tính vào chi phí được trừ với khoản thuế này sẽ gây thiệt thòi cho bên tài trợ. Bên cạnh đó, khi đã cho phép tính trừ phần tiền HHDV (khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo quy định) mà lại không cho phép tính trừ thuế GTGT tương ứng là chưa phù hợp. Tại điểm c khoản 1 Điều 9: + Thứ nhất, đề nghị không quy định phải có “chứng từ thanh toán chi trả tiền”.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nhân viên của đại lý phân phối, đại lý môi giới không phải là người lao động của doanh nghiệp nên việc khen thưởng cho các nhân viên này thuộc trách nhiệm của các đại lý. Tiếp thu, thể hiện tại điểm 2.12 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định Đề nghị giữ như dự thảo vì cụm từ “chứng từ thanh toán...” đã được quy định tại Luật

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Có thể thay bằng “chứng từ kế toán chi tiền”. → Dự thảo đã quy định các khoản chi này không phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Tức là cho phép thực hiện chi bằng tiền mặt. Khi chi bằng tiền mặt thì có thể không có chứng từ thanh toán chi trả tiền + Thứ hai, bổ sung tại quy định này trường hợp: “<i>mua hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thu nhập trong năm chưa đến mức chịu thuế TNCN, GTGT</i>”. → HKD/CNKD có thu nhập chưa đến mức chịu thuế thì không phải khai thuế, không lập hóa đơn. Do đó, DN cũng không thể có được hóa đơn khi mua HHDV của các đối tượng này.	Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại điểm d tiêu khoản 2.4 Điều 9: +Thứ nhất, đề nghị làm rõ “<i>chi hỗ trợ điều trị</i>” là điều trị gì. Ví dụ, quy định rõ “<i>chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh</i>”. → Quy định chưa làm rõ nội dung điều trị. +Thứ hai, đề nghị rà soát lại khái niệm “<i>cơ sở đào tạo</i>”. → Trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp đều không có khái niệm “cơ sở đào tạo”. Đề nghị rà soát để điều chỉnh khái niệm cho phù hợp với pháp luật chuyên ngành. +Thứ ba, đề nghị chuyển khoản chi “<i>bảo hiểm tai nạn</i>” vào tiết 2.8 khoản 2 Điều 9. → Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính của TCTD quy định khoản chi bảo hiểm tai nạn cho người lao động là khoản chi cho người lao động, không phải là khoản chi có tính chất phúc lợi.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại điểm d tiêu khoản 2.4 Điều 9: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “<i>không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm bắt buộc</i>” thành “<i>vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bảo hiểm bắt buộc</i>”. → Việc “<i>không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm bắt buộc</i>” có thể không phải hành vi cố ý mà do sai sót trong tác nghiệp về kế toán, nhân sự. Do đó, nếu chỉ vi phạm hành chính không nghiêm trọng mà bị loại toàn bộ khoản chi bảo hiểm hưu trí bổ sung sẽ không phù hợp, không đảm bảo công bằng. Theo đó, đề nghị chỉ loại chi phí đối với hành vi vi phạm nghiêm trọng (ví dụ có	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua; đồng thời cũng đề ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhiều tình tiết tăng nặng, vi phạm nhiều lần, vi phạm quy mô lớn hoặc đến mức xử lý hình sự). Tại điểm a tiêu khoản 2.6 Điều 9: + Thứ nhất, đề nghị bổ sung các loại tài sản cố định phục vụ cho người lao động gồm: phòng/sân/cơ sở văn hóa, thể thao; phòng vắt, trữ sữa mẹ. → Nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện quy định về chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi cho NLĐ được quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động như sau: <i>“Điều 80. Chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ</i> <i>5. Khuyến khích người sử dụng lao động lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi làm việc, nhu cầu của lao động nữ và khả năng của người sử dụng lao động. Trường hợp người sử dụng lao động sử dụng từ 1.000 người lao động nữ trở lên thì phải lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ tại nơi làm việc.</i> <i>Điều 79. Tăng cường phúc lợi và cải thiện điều kiện làm việc</i> <i>2. Khuyến khích người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở:</i> <i>...b) Xây dựng cơ sở văn hóa, thể thao, y tế, nhà ở và các cơ sở vật chất khác phục vụ người lao động tại nơi có nhiều lao động.”</i> + Thứ hai, đề nghị bổ sung quy định các thiết bị, nội thất <u>chưa</u> đủ điều kiện là tài sản cố định thì không trích khấu hao nhưng được phân bổ vào chi phí. → Các hạng mục nội thất, thiết bị phục vụ cho NLĐ bao gồm cả những tài sản chưa đến 30 triệu đồng (VD như tủ đồ trong nhà nghỉ giữa ca, tủ thuốc/giường bệnh trong phòng y tế, tủ lạnh/lò vi sóng trong nhà ăn,...). Nếu chỉ quy định về việc khấu hao TSCĐ sẽ dẫn tới cách hiểu các tài sản chưa phải là TSCĐ không được tính vào chi phí được trừ. Tại điểm b tiêu khoản 2.6 Điều 9: + Thứ nhất, đề nghị sửa <i>tài sản cố định</i> thành <i>“tài sản cố định (<u>trừ quyền sử dụng đất</u>)”</i>. → TSCĐ bao gồm cả đất – là tài sản đặc thù thuộc sở hữu toàn dân, chỉ cấp quyền sử dụng cho người dân, doanh nghiệp. + Thứ hai, đề nghị chỉ yêu cầu giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với những	Tiếp thu, thể hiện nguyên tắc tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện nguyên tắc tại dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đây là quy định không được trích khấu hao tài sản cố định, không phải quy định về việc trích khấu hao tài sản cố định (quyền sử dụng đất đã không được trích khấu hao theo

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tài sản phải đăng ký quyền sở hữu. → Đối với những tài sản không phải đăng ký QSH, doanh nghiệp chỉ có hợp đồng/hóa đơn; không có các giấy tờ chứng minh QSH do Nhà nước cấp. + Thứ ba, đề nghị rà soát thuật ngữ “thuê mua tài chính”. → Hệ thống pháp luật hiện hành không có quy định về khái niệm “thuê mua tài chính”.	quy định, nếu trừ đi thì lại hiểu thành được trích khấu hao). Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định
		Tại điểm d tiểu khoản 2.6 Điều 9: + Đề nghị sửa “<i>vượt mức quy định hiện hành</i>” thành “<i>vượt mức <u>trích khấu hao và thời gian sử dụng tài sản cố định theo quy định hiện hành</u></i>”. + Đề nghị bỏ quy định thông báo phương pháp trích khấu hao hoặc chỉ quy định thông báo với các phương pháp khác đường thẳng. → Trong báo cáo tài chính hằng năm, doanh nghiệp đã phải thuyết minh về phương pháp trích khấu hao; báo cáo tài chính cũng được nộp cho cơ quan thuế. Do đó, không nên quy định thêm việc thông báo về phương pháp trích khấu hao cho cơ quan thuế. Theo đó, sẽ cắt giảm thêm một thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. + Đề nghị rà soát lại thuật ngữ “<i>doanh nghiệp cổ phần hóa</i>” theo hướng chỉnh sửa thành “<i>doanh nghiệp</i>” (nói chung). → Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập... không chỉ diễn ra với hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp. + Đề nghị sửa “<i>được phân bổ dần</i>” thành “<i>được hạch toán một lần <u>hoặc được phân bổ dần</u></i>”. → Với các tài sản có giá trị nhỏ, việc phân bổ cho nhiều năm vừa không cần thiết, vừa làm tăng thêm tác nghiệp kế toán cho DN. Nếu quy định như dự thảo thì dẫn tới cách hiểu bắt buộc doanh nghiệp phải phân bổ. Do đó, đề nghị cho phép thêm lựa chọn được hạch toán luôn một lần vào chi phí. + Đề nghị bỏ quy định về nguyên giá đối với tài sản cố định tự làm. → + Tại Dự thảo đã quy định không được trừ với “d) Phần trích khấu hao vượt mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa câu chữ cho phù hợp. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này là kế thừa quy định hiện hành, được thực hiện ổn định thời gian qua; đồng thời theo quy định này thì việc hạch toán vào chi phí 1 lần hay phân bổ tối đa không quá 3 năm là quyền lựa chọn của doanh nghiệp. Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khấu hao tài sản cố định.” + Tại điểm c và d khoản 1 Điều 4 Thông tư 45/2013/TT-BTC đã quy định về nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự sản xuất, hình thành từ đầu tư xây dựng. Do đó, việc quy định thêm tại Nghị định với cách diễn đạt khác có thể gây mâu thuẫn, chồng chéo khi triển khai thực hiện. Tại tiết e2 điểm e tiểu khoản 2.6 Điều 9: + Đề nghị làm rõ mục đích của việc đưa ra quy định về giá trị còn lại (VD như để tính thu nhập khác trong tính thuế TNDN). → Dự thảo quy định về thuế TNDN nhưng lại có quy định về xác định giá trị còn lại. VCB hiểu rằng đây là quy định nhằm xác định giá trị còn lại trong tính thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng, thanh lý; không phải quy định về kế toán. Do đó, dự thảo nên làm rõ để tránh hiểu nhầm, áp dụng không thống nhất. + Đề nghị sửa “không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh” thành “<u>không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc không sử dụng phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp theo quy định tại tiết a điểm 2.6 khoản này.</u>” → Đảm bảo tương ứng với quy định về cho phép khấu hao với tài sản sử dụng phục vụ cho NLĐ. + Đề nghị sửa “đất thuộc quyền sở hữu” thành “đất thuộc <u>quyền sử dụng</u>”. → Đất chỉ được cấp quyền sử dụng, không thuộc sở hữu của doanh nghiệp. + Đề nghị bổ sung phần gạch chân “<u>trong trường hợp đất thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp, trừ trường hợp đất đang chờ cấp giấy chứng nhận</u>”. → Sau khi nhận chuyển nhượng đất/được giao đất, cần có thời gian để thực hiện các thủ tục liên quan đến thay đổi GCN QSD đất. Trong khi đó, về cơ bản, DN đã có được quyền sử dụng đất và đất đã tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Đề nghị bỏ “thanh lý hợp đồng”. → Nghị định 175/2024/NĐ-CP không yêu cầu phải thực hiện thanh lý với hợp đồng xây dựng trong mọi trường hợp. + Đề nghị sửa “quyết toán giá trị công trình” thành “quyết toán giá trị công trình <u>(Trường hợp tài sản đã được đưa vào sử dụng trong thời gian chưa thực</u>	Nội dung điểm e2 không có cụm từ “giá trị còn lại”. Tại điểm e1 có cụm từ “giá trị còn lại” trong trường hợp chuyển nhượng, thanh lý xe ô tô, tuy nhiên đây là nội dung kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì trong thời gian chưa có Giấy chứng nhận thì không có giấy tờ chứng minh đất thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa câu chữ cho phù hợp. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung kiến nghị (trường hợp tài sản đã được đưa vào sử dụng trong thời gian chưa thực

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>hiện quyết toán thì được trích khấu hao vào chi phí được trừ theo giá tạm tính).</u>” → Việc quyết toán được thực hiện sau khi công trình được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng và đòi hỏi một thời gian nhất định. Bên cạnh đó, Thông tư 45/2013/TT-BTC cũng đã cho phép tính nguyên giá theo giá tạm tính trong thời gian chưa thực hiện quyết toán; đồng thời cho phép trích khấu hao trong lúc chờ và hướng dẫn cách tính khấu hao sau khi quyết toán. + Đề nghị bổ sung quy định cho phép tính vào chi phí được trừ đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất thuê (ví dụ phòng giao dịch, nhà để máy ATM) nhưng việc trích khấu hao không phù hợp do: (i) Hợp đồng không quy định thời gian thuê cố định (vô thời hạn) hoặc Hợp đồng quy định một bên có thể hủy ngang hợp đồng trong thời gian thuê; (ii) Thời gian thuê ngắn hơn thời gian phải khấu hao theo quy định. → Việc trích khấu hao trong các trường hợp đã nêu là không phù hợp do TS chưa hết thời gian trích khấu hao theo quy định thì hợp đồng thuê bị chấm dứt/có thể bị chấm dứt và DN không được sử dụng TS này nữa. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh là thực tế và phục vụ hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê. Tại tiết e4 điểm e tiểu khoản 2.6 Điều 9: + Đề nghị sửa “<u>hóa đơn chứng từ</u>” thành “<u>hợp đồng</u> và hóa đơn (<u>trong trường hợp phải lập hóa đơn</u>)”; → Không phải mọi trường hợp cho thuê/chuyển nhượng đất đều có hóa đơn. Các trường hợp không có hóa đơn như Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần hoặc cá nhân không kinh doanh chuyển nhượng QSD đất thì chỉ cần có hợp đồng. + Đề nghị làm rõ trong “<u>thực hiện đúng các thủ tục</u>” thì thủ tục là về vấn đề gì? → Nếu chỉ quy định thủ tục nói chung thì có thể dẫn tới cách hiểu bao gồm cả thủ tục về đầu tư (thành lập DN, dự án đầu tư...), thủ tục về xây dựng công trình trên đất, thủ tục khác về hoạt động kinh doanh (cấp phép...). Các thủ tục này không liên quan đến đất. Do đó, sẽ không hợp lý nếu vi phạm trong các thủ tục này ảnh hưởng đến việc phân bổ QSD đất. + Đề nghị sửa “<u>thời hạn được phép sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</u>” thành “<u>thời hạn được phép sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận</u>	<u>hiện quyết toán được trích khấu hao vào chi phí được trừ theo giá tạm tính)</u> đã được quy định tại pháp luật về kế toán hiện hành, còn nội dung này tại dự thảo Nghị định chỉ hướng dẫn về điều kiện trích khấu hao. Vướng mắc phát sinh do quy định về khấu hao TSCĐ hiện hành chưa phù hợp, không liên quan đến chính sách thuế => đề nghị tham gia cụ thể khi Bộ Tài chính xây dựng văn bản hướng dẫn về khấu hao TSCĐ. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì cụm từ “chứng từ” đã bao gồm “hợp đồng”. Nếu sửa như đề xuất sẽ dẫn đến thiếu chứng từ vì ngoài hóa đơn, hợp đồng còn có chứng từ khác như Quyết định giao đất, biên bản bàn giao đất, chứng từ nộp tiền thuê đất.... Tiếp thu, bỏ cụm từ “các thủ tục” ra khỏi dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>quyền sử dụng đất hoặc thời gian cho thuê đất hợp đồng giao đất/cho thuê đất</u>” → Sau khi ký hợp đồng giao đất/cho thuê đất, cần có thời gian để thực hiện các thủ tục liên quan đến thay đổi GCN QSD đất. Trong khi đó, về cơ bản, DN đã có được quyền sử dụng đất và đất đã tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Đề nghị sửa “(bao gồm cả trường hợp <u>dừng hoạt động để sửa chữa, đầu tư xây dựng mới</u>)” thành “(bao gồm cả trường hợp <u>đầu tư xây dựng mới và dừng hoạt động để sửa chữa, tính từ thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư/sửa chữa</u>)”. → (i) Cần đưa đầu tư xây dựng mới lên trước để tránh cách hiểu chỉ khi dừng hoạt động để đầu tư mới có thể phân bổ vào CP (không được tính cho trường hợp đầu tư mới khi chưa hoạt động); (2) Cần làm rõ thời điểm được tính khấu hao khi xây dựng mới do trình tự xây dựng theo Điều 4 Nghị định 175/2024 có nhiều mốc thời gian khác nhau, có thể dẫn tới cách hiểu và áp dụng khác nhau trong tính khấu hao. + Đề nghị bổ sung như sau: “<u>gắn liền với quyền sử dụng đất lâu dài</u>” thành “<u>gắn liền với nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài</u>”. → Có trường hợp chỉ mua tài sản trên đất gắn với đất mà không nhận chuyển nhượng đất nên việc xác định riêng đất chỉ áp dụng với trường hợp có nhận chuyển nhượng đất. + Đề nghị bổ sung như sau: “<u>Tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào sử dụng cộng (+) thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ cộng (+) lệ phí trước bạ.</u>” → Theo pháp luật thuế GTGT, một số TSCĐ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào mà phải tính vào nguyên giá (trong đó có TSCĐ của TCTD). Theo pháp luật về lệ phí trước bạ, “nhà” thuộc đối tượng chịu lệ phí. Pháp luật về kế toán cũng quy định nguyên giá TSCĐ mua sắm gồm thuế không được hoàn lại và lệ phí trước bạ. Do đó, cần bổ sung các loại thuế, lệ phí này vào nguyên giá để đồng bộ với pháp luật khác. + Đề nghị bổ sung như sau: “<u>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 01/01/2025 hoặc Hội đồng nhân dân các cấp sau từ 01/01/2025</u>”. → Theo Luật Đất đai 2024 (có hiệu lực từ 01/01/2025), bảng giá đất do Hội đồng	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định Đề nghị giữ như dự thảo, trường hợp TSCĐ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào mà phải tính vào nguyên giá hoặc phải tính nộp lệ phí trước bạ thì các khoản này cũng được tính vào nguyên giá TSCĐ theo nguyên tắc về xác định nguyên giá TSCĐ do đáp ứng điều kiện là khoản <u>chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào sử dụng</u> Tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định cho phù hợp Điều 14 Luật Đất đai năm 2024

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhân dân các cấp quyết định (khoản 2 Điều 14). Tại điểm g tiểu khoản 2.8 Điều 9: + Đề nghị sửa “<i>tàu xe</i>” thành “<i>phương tiện đi lại</i>”. + Đề nghị sửa “<i>chi phí mua vé máy bay</i>” thành “<i>chi phí mua vé máy bay từ 5 triệu đồng trở lên</i>”. → Chi phí mua vé máy bay tương tự các chi phí khác, chỉ cần áp dụng với mức từ 5 triệu trở lên + Đề nghị sửa cụm từ “<i>thanh toán bằng thẻ ngân hàng của cá nhân thì đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt</i>” thành “<i>thanh toán bởi cá nhân bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt</i>”. → Cần đảm bảo bao quát các loại dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ, không chỉ giới hạn ở “thẻ ngân hàng”, tạo thuận lợi cho các DV thanh toán như chuyển tiền, ví điện tử. + Đề nghị mở rộng các trường hợp mà cá nhân NLĐ được phép thanh toán cho <u>toàn bộ các chi phí</u> của doanh nghiệp, không chỉ giới hạn ở chi phí công tác, vé máy bay. → Nghị định 181/2025/NĐ-CP về thuế GTGT đã cho phép cá nhân được thanh toán theo ủy quyền quy định tại quy chế tài chính/nội bộ của DN đối với toàn bộ các chi phí; do đó, pháp luật thuế TNDN nên quy định tương ứng để đảm bảo đồng bộ, tạo thuận lợi cho DN. + Đề nghị quy định rõ “chứng từ phù hợp” của người cung cấp HHĐV là chứng từ gì. → tại Luật Thuế TNDN 2025 chỉ quy định hóa đơn và chứng từ TTKDTM, không quy định chứng từ một cách chung chung như Luật cũ. Nếu Nghị định quy định “chứng từ” thì có thể dẫn tới quy định hồ sơ nhiều hơn so với Luật; đồng thời dẫn tới việc hiểu và áp dụng không thống nhất (DN có thể bị yêu cầu thêm các loại chứng từ không phù hợp). + Đề nghị quy định rõ “vé máy bay điện tử” có thay thế được “hóa đơn điện tử” không. → Tại điểm d khoản 14 Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định: “<i>Trường hợp tổ chức kinh doanh hoặc tổ chức không kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định cho phù hợp. Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định cho phù hợp. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng: “<i>Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về hóa đơn, chứng từ do người cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất</i>”. Đã chỉnh sửa, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>không thì chứng từ điện tử dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho các cá nhân của tổ chức kinh doanh, cá nhân của tổ chức không kinh doanh thì không được xác định là hóa đơn điện tử.</i> ” Như vậy, chứng từ điện tử trong ngành hàng không (như vé điện tử) không phải là hóa đơn điện tử từ ngày 1/7/2022. Theo đó, trường hợp mua vé máy bay qua website là đặc thù không cần hóa đơn (chỉ cần vé) thì cần quy định rõ để thực hiện thống nhất. + Đề nghị bỏ “thẻ lên máy bay (boarding pass)”. → Hiện này boarding pass được nhiều hãng hàng không cung cấp dưới dạng ảnh, có thể bị giả mạo dễ dàng. Do đó, việc yêu cầu phải có boarding pass là không có nhiều ý nghĩa.	Đã chỉnh sửa, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.
		Tại tiểu khoản 2.12 Điều 9: Đề nghị bổ sung quy định loại trừ thuế GTGT đầu ra của HHDV dùng để tài trợ theo Luật Thuế TNDN (tiểu điểm b5 điểm b khoản 1 Điều 9) khỏi chi phí không được trừ. → Theo pháp luật thuế GTGT, khi dùng HHDV để tài trợ (tặng) cho các mục đích an sinh xã hội (khắc phục thiên tai, làm nhà tình nghĩa,...) thì phải tính thuế GTGT. Tuy nhiên, không giống như HHDV bán ra thông thường, thuế GTGT này không thể thu của người được tài trợ (tặng) nên bên tài trợ phải tính vào chi phí của mình. Nếu không cho phép tính vào chi phí được trừ với khoản thuế này sẽ gây thiệt thòi cho bên tài trợ, không khuyến khích DN tham gia tài trợ theo chủ trương của Chính phủ. Bên cạnh đó, khi đã cho phép tính trừ phần tiền HHDV (khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo quy định) mà lại không cho phép tính trừ thuế GTGT tương ứng là chưa phù hợp. Ngoài ra, các hoạt động tài trợ đã được Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và pháp luật thuế TNDN quy định chặt chẽ về hồ sơ, chứng từ. Do đó, rủi ro gian lận thuế trong hoạt động này là thấp.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại tiểu khoản 2.13 Điều 9: + Thứ nhất, đề nghị sửa “Hiệp hội” thành “hội”. → Chính phủ ban hành Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về “hội”. Trong	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đó, hội có thể có tên gọi khác nhau là hội, hiệp hội, liên đoàn... + Thứ hai, đề nghị sửa “<i>đóng góp vào các quỹ</i>” thành “<i>đóng góp vào các <u>nguồn thu</u></i>”. → Nghị định 126 nêu trên không quy định về quỹ của hội mà chỉ quy định về các nguồn thu tài chính (khoản 1 Điều 26). Do đó, nếu dự thảo quy định là “quỹ” của hội thì dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong triển khai (chưa có quy định hội được thành lập quỹ). + Thứ ba, đề nghị quy định rõ điều kiện của khoản chi cho hội là phiếu thu của hội (không cần hóa đơn). → Các khoản thu phí gia nhập, phí hội viên,... theo Nghị định 126/2024/NĐ-CP nhằm mục đích duy trì kinh phí hoạt động, không phải bán HHDV; do đó hội không phải lập hóa đơn khi thu. Cần thiết phải quy định rõ về chứng từ để các DN cũng như các cơ quan thanh kiểm tra triển khai thống nhất.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định. Nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về hoá đơn, chứng từ, không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này.
		Tại tiểu khoản 2.14 Điều 9: Đề nghị mở rộng quy định này cho cả tổ chức cho thuê địa điểm. → Với trường hợp tổ chức cho thuê địa điểm, cũng xảy ra tình huống doanh nghiệp đi thuê không kí được hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp điện, nước. Trong khi đó, tổ chức cho thuê địa điểm không thể xuất hóa đơn điện, nước do không được phép (bán lẻ điện và kinh doanh nước sạch là ngành nghề kinh doanh có điều kiện).	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định
		Tại tiểu khoản 2.15 Điều 9: Đề nghị sửa “<i>chi phí sửa chữa</i>” thành “<i>chi phí sửa chữa, <u>nâng cấp</u></i>”. → Đối với nhiều tài sản (đặc biệt là các công trình như văn phòng, nhà xưởng), ngoài sửa chữa, doanh nghiệp còn có nhu cầu <u>nâng cấp</u> tài sản cố định để phục vụ hoạt động kinh doanh. Trong khi đó, doanh nghiệp không thể hạch toán tăng nguyên giá với chi phí nâng cấp do tài sản đi thuê không thuộc sở hữu của DN. Vì vậy, hoạt động nâng cấp nhằm phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nên cũng cần được tính vào chi phí được trừ.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Techcombank	- Về tiết b.6 điểm b khoản 1 Điều 9, đề xuất: Cần có quy định/hướng dẫn rõ tại Nghị định này hoặc Thông tư về thuế TNDN	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		các khoản chi cụ thể cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm cơ sở để DN xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp không quy định tại Nghị định này hoặc Thông tư về thuế TNDN, đề nghị Bộ TC có ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về khoa học công nghệ có quy định/ hướng dẫn rõ về các khoản chi cụ thể cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đảm bảo áp dụng được ngay khi Nghị định này có hiệu lực, để tránh vướng mắc cho DN khi thực hiện. → Lý do: Việc xác định các khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được việc dẫn sang quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, rà soát quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện hành và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vừa được Quốc hội thông qua, thì chưa có quy định rõ để xác định khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, vì vậy sẽ vướng mắc cho DN trong xác định các khoản chi này khi xác định thu nhập chịu thuế	Tại dự thảo Nghị định đã quy định các khoản chi này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Hiện tại Bộ KH&CN đang xây dựng các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật KHCN và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số. Tại văn bản tham gia vào các dự thảo Nghị định này, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ KH&CN báo cáo Chính phủ quy định Danh mục các khoản chi phí này.
		- Tại tiết b.9 điểm b khoản 1 Điều 9, đề xuất bổ sung như sau: “b.9) Một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: ... - Chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, chuẩn bị cho việc sản xuất sản phẩm mới, chi phí đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm mới, chi phí dự án phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không thành công”. → Không phải dự án nào của doanh nghiệp cũng tạo ra sản phẩm mới mà có thể là dự án được thực hiện để nâng cấp tính năng, chất lượng của sản phẩm hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng; Dự án có thể tạo ra sản phẩm hữu hình cũng có thể là sản phẩm dịch vụ vô hình nên các dự án này miễn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì đều nên được đối xử giống nhau về chính sách thuế.	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa để phù hợp thực tiễn.
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Tại tiểu điểm b.1 điểm b khoản 1 Điều 9: 1. Đề nghị bổ sung nội dung "thực hiện các chính sách đối ngoại quốc phòng" để làm rõ thêm một trong các trường hợp là nhiệm vụ QPAN và bổ sung thêm nội dung "<i>các nhiệm vụ khác được Đảng, Nhà nước, chính phủ giao</i>" vì đây cũng là	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhóm nội dung tương tự.. Cụ thể như sau: "b.1) Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác (<u><i>bao gồm thực hiện các chính sách đối ngoại quốc phòng</i></u>) theo quy định của pháp luật; <u><i>khoản chi cho thực hiện các nhiệm vụ khác được Đảng, Nhà nước, chính phủ giao</i></u>" 2. Đề nghị quy định rõ "các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác" và "các nhiệm vụ khác được Đảng, Nhà nước, chính phủ giao" các nhiệm vụ này là những nhiệm vụ gì, hình thức văn bản nào làm sở cứ để đưa các chi phí thực hiện nhiệm vụ của Đảng nhà nước giao đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. → Đề nghị bổ sung cụm từ "(<u><i>bao gồm thực hiện các chính sách đối ngoại quốc phòng</i></u>)" để làm rõ hơn cho trường hợp thực tế phát sinh các khoản chi theo chương trình đối ngoại quốc phòng theo nội dung quy định tại Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14. <u><i>"Điều 4. Chính sách của Nhà nước về quốc phòng</i></u> 3. <i>Thực hiện đối ngoại quốc phòng phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chống chiến tranh dưới mọi hình thức; chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối thoại quốc phòng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không tham gia lực lượng, liên minh quân sự của bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i> 4. <i>Huy động nguồn lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng."</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì tại dự thảo Nghị định đã quy định khoản chi "phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật" được tính vào chi phí được trừ. Do đó, trường hợp pháp luật có quy định các khoản chi này là phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thì DN sẽ được tính vào chi phí được trừ.
		Tại tiêu điểm b.5 điểm b khoản 1 Điều 9: 1. Đề nghị sửa đổi nội dung như sau:	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		"-Khoản tài trợ cho giáo dục quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục (<u>bao gồm cả trường hợp tài trợ xây mới trường học</u>) mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; tài trợ cơ sở vật chất ... theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo." → Đề nghị bổ sung cụm từ "(<u>bao gồm cả trường hợp tài trợ xây mới trường học</u>)" để làm rõ hơn cho trường hợp trong thực tế hay phát sinh chương trình tài trợ kinh phí xây dựng các điểm trường mới, trước khi hình thành các trường học với bộ máy chuyên trách quản lý trường và tổ chức huy động tài trợ. Điều này nhằm phù hợp hơn với thực tiễn phát sinh. 2. Đề nghị sửa đổi nội dung như sau: "-Khoản tài trợ cho y tế quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các cơ sở <u>y tế khám bệnh, chữa bệnh</u> được thành lập theo quy định pháp luật về y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế <u>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</u>; tài trợ bằng tiền cho người bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật <u>hoặc thông qua các Bộ thuộc Chính phủ</u>. - Khoản tài trợ cho văn hóa quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các cơ sở văn hóa được thành lập theo quy định pháp luật về văn hóa (<u>bao gồm cả trường hợp tài trợ xây mới cơ sở văn hóa</u>) mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở văn hóa đó; tài trợ trực tiếp cho các hoạt động thường xuyên của cơ sở văn hóa; tài trợ bằng tiền thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật <u>hoặc thông qua các Bộ thuộc Chính phủ</u>. - Khoản tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh quy định tại tiết này gồm: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; tài trợ cho cá nhân bị thiệt hại thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật <u>hoặc thông qua các Bộ thuộc Chính phủ</u>. → Đề nghị sửa đổi lại cụm từ "cơ sở y tế", "bệnh viện, trung tâm y tế" thành "<u>cơ</u>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nếu pháp luật về giáo dục cho phép tài trợ xây mới trường học thì doanh nghiệp tài trợ sẽ được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa câu chữ cho phù hợp. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nếu pháp luật về văn hóa cho phép tài trợ xây mới cơ sở văn hóa thì doanh nghiệp tài trợ sẽ được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>sở khám bệnh, chữa bệnh</i>" nhằm thống nhất với các khái niệm quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh (Khoản 6 Điều 2 và Điều 48). Đề nghị bổ sung đoạn "<i>hoặc thông qua các Bộ thuộc Chính phủ</i>" để bao hàm cả các trường hợp các Bộ tổ chức chương trình kêu gọi tài trợ (Ví dụ giai đoạn Covid tài trợ cho Bộ Y tế các phần mềm, công cụ để điều hành, giám sát, kiểm soát dịch bệnh,...). 3. Đề nghị sửa đổi nội dung như sau: "- Khoản tài trợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có <u>điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và</u> đặc biệt khó khăn là chương trình được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định thực hiện ở các địa phương thuộc địa bàn có <u>điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và</u> đặc biệt đặc biệt khó khăn (bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh, <u>đường dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và</u> đặc biệt đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)." → Bổ sung trường hợp địa bàn khó khăn để đồng nhất với K3 điều 16 về địa bàn được ưu đãi thuế.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15; ngoài ra điểm d5 khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa theo hướng, bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng <u>công trình hạ tầng cầu mới dân sinh</u> ở địa bàn <u>kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn</u> theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để bao quát đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
		Tại tiểu điểm b.6 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề nghị sửa đổi và làm rõ việc tính toán chi phí cho hoạt động KHCN được trừ 200% áp dụng cho cả trường hợp DN có trích lập Quỹ KHCN và DN không trích lập Quỹ KHCN mà hạch toán trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ. Nội dung đề nghị sửa đổi như sau: "b.6) Khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đối với khoản chi phí phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến <u>phục vụ</u> hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển <u>công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</u> của doanh nghiệp được phép tính vào chi phí được trừ tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế cho hoạt động này phát sinh trong kỳ tính thuế tại doanh nghiệp. Việc xác định khoản chi cho <u>hoạt động</u> nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến <u>phục vụ</u> hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</u> quy định tại tiết này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và <u>chuyển đổi số</u>. <u>Trường hợp DN có thực hiện trích lập Quỹ KHCN hay DN không trích lập Quỹ KHCN mà hạch toán trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ đều được tính vào chi phí được trừ tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế cho hoạt động này phát sinh trong kỳ tính thuế."</u>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đối với khoản chi từ Quỹ thì không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN để đảm bảo không tính trùng khoản chi vào chi phí 2 lần. Đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.
		Tại tiêu điểm b.7 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề xuất bổ sung, sửa đổi lại nội dung như sau: "b.7) Phân giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường. Phân giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường được xác định bằng tổng giá trị tổn thất trừ (-) phân giá trị doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường theo quy định của pháp luật. <u>Trường hợp những tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác gây ra cho DN lại khách quan làm ảnh hưởng dây chuyền, gây ra tổn thất cho bên khác thì DN được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với những khoản DN có thỏa thuận bồi thường hoặc chia sẻ thiệt hại với bên liên quan.</u> Bộ Tài chính quy định cụ thể về hồ sơ đối với tài sản, hàng hóa bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác được tính vào chi phí được trừ (bao gồm cả hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, không được bồi thường) và <u>hồ sơ đối với các khoản DN có thỏa thuận bồi thường hoặc chia sẻ cho bên khác cùng bị liên đới ảnh hưởng."</u>	
		Tại tiêu điểm b.9 điểm b khoản 1 Điều 9: 1. Đề nghị sửa lại nội dung cụ thể như sau: "1.b.9) Một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: - ...	

[illegible]

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Tất cả các Quỹ đều được hình thành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, do vậy không nên có nội dung giao BTC chủ trì quy định nữa, tránh chồng chéo. Tại điểm b khoản 1 Điều 9: Đề nghị bổ sung thêm quy định cho phép được tính vào chi phí hợp lý đối với các khoản chi thường cho CBNV trên tỷ lệ chi phí tiết kiệm được so với định mức. Nội dung cụ thể như sau: <i>"1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</i> <i>b) Khoản chi thực tế phát sinh khác, bao gồm:</i> <u><i>b.13) Được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của DN với các khoản tiền chi thường cho người lao động của DN do tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu trong sản xuất và xây dựng so với định mức. Tổng mức tiền thường được trích tối đa 40% giá trị nguyên nhiên vật tư tiết kiệm được và phải được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp."</i></u> → - Đề xuất nhằm phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong việc khuyến khích mỗi DN, mỗi NLĐ tích cực nghiên cứu, sáng tạo trong lao động SXKD, đổi mới cách làm để tăng NSLĐ. Chính sách này sẽ giúp đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, khuyến khích nâng cao trách nhiệm trong việc bảo quản, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và các vật tư khác trong sản xuất và xây dựng. - Trước đây chính phủ cũng đã từng áp dụng (tạm thời) chính sách này được quy định tại Thông tư số 342-TTg ngày 06/11/1975 quy định chế độ tạm thời về thưởng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu trong sản xuất và xây dựng. Cụ thể tại mục 3 của Thông tư như sau: <u><i>"3.Nguồn tiền thưởng: Trích từ 30% đến 40% giá trị vật tư tiết kiệm được theo nguyên tắc: đối với vật tư quý, hiếm thì được trích tỷ lệ cao hơn đối với vật tư thông thường.</i></u> <u><i>Mức tiền thưởng cao nhất cho một người không quá 40% số tiền lương cấp bậc trong từng thời gian sản xuất nhất định (tháng, quý hoặc từng đợt sản xuất).</i></u>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung chi thường cho người lao động của doanh nghiệp nếu nằm trong Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể,... sẽ được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN và được quy định tại điểm 2.8 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Tiền thưởng <u>hạch toán vào chi phí sản xuất</u> của xí nghiệp. Sau khi đã cấp thưởng, nếu có số tiền trích còn thừa thì để lại cuối năm hạch toán giảm giá thành của xí nghiệp."</i> Tại khoản 1 Điều 9: 1. Đề nghị bổ sung thêm quy định cho phép ghi nhận chi phí hợp lý với "các giao dịch thuê/mua hàng hóa - dịch vụ của các đơn vị Hành chính sự nghiệp, các đơn vị vũ trang" và "Chi phí tham gia diễn đàn; chi tài trợ hội thảo, diễn đàn nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ - đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các chương trình của Quốc gia" nếu chi phí phục vụ hoạt động SXKD của DN với chứng từ quyết toán là Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ tương tự như với đối tượng hộ, cá nhân không kinh doanh. → Đề nghị bổ sung quy định để phù hợp hơn với thực tiễn và tạo điều kiện cho DN có cơ chế rõ ràng hơn để được ghi nhận đầy đủ các chi phí cần thiết phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD. Đồng thời đề nghị bổ sung quy định để phù hợp hơn với xu hướng phát triển của các Hiệp hội ngành nghề và chủ trương của Chính phủ về khuyến khích các DN tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ - đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 2. Đề nghị bổ sung quy định KHÔNG BẮT BUỘC thanh toán không dùng tiền mặt với các trường hợp thu mua hàng hóa dịch vụ dùng bảng kê thu mua. Nội dung đề nghị sửa lại cụ thể như sau: "c) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. -Đối với các trường hợp: mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra;... của hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh phải có chứng từ chi trả tiền cho người bán và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp kinh doanh ký và chịu trách nhiệm. <u>-Đối với các trường hợp thuê/mua hàng hóa - dịch vụ của các đơn vị Hành chính sự nghiệp, các đơn vị vũ trang không kinh doanh phục vụ hoạt động SXKD của DN; trả phí tham gia diễn đàn, hội thảo nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ - đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các chương trình của Quốc gia: phải có chứng từ thanh toán chi trả tiền</u>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để đảm bảo minh bạch, đồng thời theo quy định của pháp luật về hóa đơn (Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) thì tổ chức không kinh doanh có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sẽ thực hiện cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì quy định phải thanh toán không dùng tiền mặt đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định mức tiền bắt buộc phải thanh toán không dùng tiền mặt (dưới 5 triệu đồng) để đảm bảo sự minh bạch. Ngoài ra, trong bối cảnh phát triển khoa học công nghệ như hiện nay, dịch vụ ngân hàng đã được cung cấp rộng rãi, phổ biến tới người dân nên việc người dân lập tài khoản ngân hàng dùng để thanh toán không dùng tiền mặt là khá dễ dàng.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>cho người bán/đơn vị tổ chức và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp kinh doanh ký và chịu trách nhiệm.</u> <u>Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập Bảng kê và được tính vào chi phí được trừ. Các khoản chi phí này không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua hàng hóa, dịch vụ trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.</u> d) Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, <u>trừ các khoản chi cho việc thu mua hàng hoá, dịch vụ được lập Bảng kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều này"</u> → Đề nghị bổ sung đoạn nội dung cho phép KHÔNG BẮT BUỘC thanh toán không dùng tiền mặt với các trường hợp thu mua hàng hóa dịch vụ dùng bảng kê thu mua như quy định hiện hành đang áp dụng tại thông tư 96/2015/TT0BTC vì nội dung này vẫn rất phù hợp với thực tiễn. → "Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực. Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập Bảng kê và được tính vào chi phí được trừ. Các khoản chi phí này không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua hàng hóa, dịch vụ trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế." 3.Ngoài ra, Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội cũng xin đề xuất Bộ tài chính bổ sung nội dung liên quan vào các văn bản quy định về hóa đơn là: <u>bổ sung thêm điều kiện cho phép cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ cho các đơn vị HCSN, đơn vị vũ trang có khoản thu hợp pháp từ việc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT</u> (vì người bán vẫn phải có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập).	Nội dung kiến nghị đã được quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này quy định về chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại tiểu điểm e.2 điểm e tiểu khoản 2.6 khoản 2 Điều 9: Đề nghị sửa bổ sung nội dung tại mục e3 khoản 2 Điều 9 tương ứng nội dung CP được trừ đối với phần chi phí khấu hao Tài sản trong thời gian chưa có khách thuê tại mục b9 khoản 1 Điều 9 trên. Nội dung đề nghị bổ sung thêm như sau: "2. Các khoản chi không được trừ 2.6. Chi khấu hao tài sản cố định thuộc một trong các trường hợp sau: e) Một số trường hợp cụ thể được xác định như sau: e.3) <i>Trường hợp tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của DN đang dùng cho sản xuất kinh doanh nhưng phải tạm thời dừng do sản xuất theo mùa vụ khoản chi phí khấu hao TSCĐ trong thời gian tạm dừng được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.</i> <u>Khoản chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê quy định tại mục b9 khoản 1 Điều 9 Nghị định này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.</u> <i>Doanh nghiệp phải lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, lý do của việc tạm dừng tài sản cố định khi cơ quan thuế yêu cầu."</i> → Đề xuất bổ sung nội dung tại mục e3 khoản 2 điều 9 để tương ứng nội dung CP được trừ đối với phần chi phí khấu hao Tài sản trong thời gian chưa có khách thuê tại mục b9 khoản 1 Điều 9 trên.	
		Tại tiểu khoản 2.8 khoản 2 Điều 9: 1. Đề xuất <u>bỏ đoạn nội dung quy định cho trường hợp ủy quyền thanh toán cho người lao động tại tiểu mục g khoản 2.8 - Điều 9 và gộp vào nội dung sửa đổi lại tiểu mục d khoản 1 điều 9</u> với nội dung đề nghị của lại như sau: "1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: d) Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, <u>trừ các khoản chi cho việc thu mua hàng hoá, dịch vụ được lập Bảng kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</u> <u>Trường hợp DN ủy quyền cho người lao động thực hiện mua hàng hóa - thuê mượn dịch vụ phục vụ hoạt động SXKD của DN, chi trả chi phí đi công</u>	Tiếp thu, chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>tác trong nước và nước ngoài có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên với từng lần giao dịch, người lao động sử dụng tài khoản ngân hàng của cá nhân để thực hiện thanh toán bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật về thuế GTGT thì đủ điều kiện được tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:</u> <u>- Có hóa đơn, chứng từ phù hợp do người cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất.</u> <u>- Doanh nghiệp có quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác đối với các chi phí công tác trong nước và nước ngoài.</u> <u>- Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của DN có nội dung ủy quyền cho phép người lao động được phép thanh toán bằng thẻ ngân hàng tài khoản ngân hàng do cá nhân là chủ thẻ tài khoản và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động vào cùng tài khoản mà cá nhân đã sử dụng."</u> → Theo quy định mới của Luật thuế GTGT, bổ sung quy định cụ thể hướng dẫn về việc DN ủy quyền cho người lao động thực hiện tài khoản cá nhân để thanh toán nhằm tạo thuận lợi cho DN triển khai thuận tiện hơn. 2. 2.8. Chỉ cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau: c) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi, trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, doanh nghiệp không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%. Trường hợp năm trước doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính <u>đến hết 31/12 năm sau</u> doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ dự phòng tiền lương thì doanh nghiệp phải tính giảm chi phí của năm sau. → Đề xuất kéo dài thời gian sử dụng Quỹ dự phòng tiền lương từ <u>6 tháng</u> thành <u>1 năm</u> để tạo điều kiện cho DN linh hoạt sử dụng hơn vì thực tế trong hoạt động SXKD có rất nhiều biến động mà DN không lường trước hết được. Ví dụ như	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dịch Covid, thiên tai các năm vừa qua, như khủng hoảng tài chính tiền tệ có thể xảy ra, DN cần duy trì khoản dự phòng trong thời gian dài hơn 6 tháng để chủ động sử dụng hỗ trợ người lao động khi hoạt động SXKD gặp khó khăn, hoặc bản thân người lao động và gia đình gặp khó khăn. 3. Đề xuất: BTC nghiên cứu, xem xét bổ sung các nội dung như sau: 1. Đề xuất bổ sung nội dung cho phép <u>khoản chi phí vé máy bay</u> vì máy bay cũng chỉ là một phương thức di chuyển tương tự như đã khoán chi phí đi lại bằng tàu xe. Ngày nay máy bay cũng đã trở thành một phương thức di chuyển bình dân, phổ biến, nhiều trường hợp chi phí di chuyển bằng máy bay còn thấp hơn chi phí di chuyển bằng tàu hỏa. 2. Đề xuất <u>mở rộng thêm phạm vi các khoản chi phí khoán</u> được tính là CP hợp lý được trừ để tạo điều kiện cho DN được tăng tính chủ động và giảm tải thủ tục hành chính về hóa đơn, chứng từ khi quyết toán chi phí. Nội dung này có thể bổ sung vào mục riêng tại điều 9 của Nghị định. Điều kiện: Cách xây dựng định mức có thể căn cứ theo mức trung bình phát sinh bằng hóa đơn, chứng từ của các năm trước liền kề và có cộng thêm tác động của yếu tố trượt giá bình quân của nền kinh tế từng giai đoạn, đảm bảo phù hợp với giá cả trên thị trường. Các quy định về chi phí khoán phải được quy định cụ thể tại Quy chế Tài chính hoặc quy chế nội bộ của DN. <i>Ví dụ như: Các chi phí văn phòng phẩm, điện văn phòng, nước uống, nước sinh hoạt, xăng xe thường xuyên, chi phí thuê phương tiện đưa đón CBNV đi làm tại các Khu CN, chi phí thuê trông giữ phương tiện của CNVN tại nơi làm việc hàng tháng;...</i> → Đề nghị mở rộng phạm vi các khoản CP thường xuyên, nhỏ lẻ được áp dụng khoán và được tính là CP được trừ để tăng tính chủ động và giảm tải thủ tục hành chính cho DN. Điều này cũng phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. 4. Đề nghị bỏ việc thu hồi "thẻ lên máy bay (boarding pass)", nội dung đề xuất sửa lại đoạn này như sau: <i>"Trường hợp doanh nghiệp có mua vé máy bay qua website thương mại điện tử cho người lao động đi công tác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì chứng từ làm căn cứ để tính vào chi phí được trừ là vé máy bay"</i>	Nội dung kiến nghị đã được quy định tại tiết g điểm 2.8 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định. Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa để phù hợp thực tế. Đã chỉnh sửa dự thảo Nghị định theo hướng bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điện tử, thẻ lên máy bay (boarding pass) và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp có cá nhân tham gia hành trình vận chuyển. Trường hợp doanh nghiệp không thu hồi được thẻ lên máy bay của người lao động thì chứng từ làm căn cứ để tính vào chi phí được trừ là vé máy bay điện tử, quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp có cá nhân tham gia hành trình vận chuyển." → Nội dung đề xuất phù hợp với quy định mới điều chỉnh tại thông tư 12/2025/IT-BTC sửa đổi thông tư 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, hội nghị: "Điều 2. Bãi bỏ, thay đổi từ ngữ liên quan đến một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC 1. Bãi bỏ cụm từ "Riêng chứng từ thanh toán vé máy bay ngoài cước vé (hoặc vé điện tử) phải kèm theo thẻ lên máy bay theo quy định của pháp luật. Trường hợp mất thẻ lên máy bay thì phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị cử đi công tác (áp dụng khi thanh toán chi phí đi lại theo thực tế)" tại khoản 3 Điều 10." Đề xuất này cũng phù hợp với trường hợp doanh nghiệp không thu hồi được thẻ lên máy bay chứng từ cũng là các chứng từ còn lại của trường hợp có thu hồi được. Ngày nay với việc phát triển và ứng dụng CNTT trong ngành hàng không và đường sắt, việc in bản cứng thẻ lên máy bay (boarding pass), vé tàu hỏa bản cứng không còn phù hợp nữa, do đó cần thiết nên giảm tải thủ tục hành chính này.	
		Tại tiểu khoản 2.4 khoản 2 Điều 9: Đề nghị bổ sung quy định về mức CP quản lý kinh doanh được phân bổ (tối đa) đối với các Công ty con tại Việt Nam nhận phân bổ chi phí quản lý kinh doanh từ Công ty Mẹ tại Việt Nam. Đồng thời chỉnh sửa đồng nhất các chi tiêu Doanh thu trong công thức xác định là theo "Doanh thu tính thuế". Nội dung đề nghị sửa đổi cụ thể như sau: "2.4. Phân chi vượt mức quy định đối với các khoản chi sau: a) Phân chi phí quản lý kinh doanh do Công ty mẹ phân bổ cho Công ty con; cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo công thức sau: a1) Doanh nghiệp Trường hợp Công ty mẹ ở nước ngoài phân bổ cho cơ sở	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua và không phát sinh vướng mắc.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thường trú tại Việt Nam:</i> <i>Chi phí quản lý kinh doanh, do công ty ở nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam trong kỳ tính thuế = Doanh thu tính thuế của cơ sở thường trú tại Việt Nam trong kỳ tính thuế / Tổng doanh thu tính thuế của công ty ở nước ngoài, bao gồm cả doanh thu tính thuế của các cơ sở thường trú ở các nước khác trong kỳ tính thuế * Tổng số chi phí quản lý kinh doanh của công ty ở nước ngoài trong kỳ tính thuế.</i> <i>a2) Trường hợp Công ty mẹ là Doanh nghiệp Việt Nam phân bổ cho công ty con tại Việt Nam:</i> <i>Chi phí quản lý kinh doanh, do Công ty mẹ phân bổ cho Công ty con tại Việt Nam trong kỳ tính thuế = Doanh thu tính thuế của Công ty con tại Việt Nam trong kỳ tính thuế / Tổng doanh thu tính thuế của Công ty mẹ, bao gồm cả doanh thu tính thuế của các Công ty con ở trong nước và nước ngoài trong kỳ tính thuế * Tổng số chi phí quản lý kinh doanh của Công ty mẹ trong kỳ tính thuế."</i> → Đề xuất để phù hợp hơn với quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp: "Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định tại Luật này; bảo đảm bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; công nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh".	
		Tại tiểu khoản 2.5 khoản 2 Điều 9: Đề xuất bổ sung thêm nội dung về trích lập <i>dự phòng các khoản đầu tư ra nước ngoài</i> được tính là CP được trừ để tạo sự bình đẳng hơn giữa các DN: <i>"2.5. Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư trong nước và các khoản đầu tư ra nước ngoài), dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp và dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp tham định giá, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập."</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đồng thời đối với các khoản đầu tư ra nước ngoài nếu bị lỗ doanh nghiệp đã được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật của nước nhận đầu tư.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Đề xuất bổ sung thêm nội dung về trích lập dự phòng các khoản đầu tư ra nước ngoài được tính là CP được trừ để tạo sự bình đẳng hơn giữa các DN, phù hợp hơn với quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp: <i>"Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định tại Luật này; bảo đảm bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; công nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh"</i>. Ngoài ra, trong quá Thanh tra Chính phủ thực hiện kiểm tra tại Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội cũng đã có ý kiến đề nghị nghiên cứu đề xuất các Bộ, Thủ tướng Chính phủ phương án xử lý khoản trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nước ngoài.	
		Tại tiểu khoản 2.9 khoản 2 Điều 9: Đề nghị điều chỉnh nội dung cho phù hợp hơn với các quy định của Luật Doanh nghiệp. Đồng thời đề nghị bổ sung thêm khoản c quy định nội dung không áp dụng việc loại trừ chi phí lãi vay tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn. Nội dung sửa lại cụ thể như sau: "2.9. Chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp tư nhân là vốn đầu tư) đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp <u>nhưng tiến độ góp vốn tối đa không được vượt quá thời hạn góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u> kể cả trường hợp doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh; chi trả lãi tiền vay trong quá trình đầu tư đã được ghi nhận vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đầu tư. a) ... b) Chi trả lãi tiền vay tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp <u>nhưng tiến độ góp vốn tối đa không được vượt quá thời hạn góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u> không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế được xác định như sau: - Trường hợp số tiền vay nhỏ hơn hoặc bằng số vốn điều lệ còn thiếu thì toàn bộ lãi tiền vay là khoản chi không được trừ. - Trường hợp số tiền vay lớn hơn số vốn điều lệ còn thiếu theo tiến độ góp vốn:	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		 <u>c) Quy định về loại trừ chi phí lãi vay tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu kể trên không áp dụng đối với DN do Nhà nước sở hữu 100% vốn.</u> → -Trong thực tế có thể điều lệ công ty quy định tiến độ góp vốn khác với quy định của Luật Doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Do vậy cần thiết bổ sung thêm đoạn nội dung giới hạn "tiến độ góp vốn tối đa không được vượt quá thời hạn góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp". Ví dụ 1: tiến độ góp vốn trong điều lệ của Công ty cổ phần có thể đưa ra mức 60 ngày để đảm bảo Công ty sớm có vốn thực hiện SXKD theo kế hoạch, trong khi Luật DN cho phép thời hạn góp vốn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN. => Thời gian tính vốn điều lệ thiếu là từ ngày thứ 61. Ví dụ 2: tiến độ góp vốn trong điều lệ của Công ty cổ phần có thể đưa ra mức 100 ngày để đảm bảo Công ty sớm có vốn thực hiện SXKD theo kế hoạch, trong khi Luật DN cho phép thời hạn góp vốn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN. => Thời gian tính vốn điều lệ thiếu vẫn phải tính từ ngày thứ 91 (thay vì từ ngày thứ 101 của Điều lệ). - Đề xuất sửa đổi để có sự phù hợp hơn giữa các văn bản pháp luật và thực tiễn góp vốn của các chủ sở hữu là Nhà nước.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì chính sách thuế là áp dụng chung, thống nhất, không phân biệt thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp.
		Tại tiểu khoản 2.12 khoản 2 Điều 9: Đề nghị sửa lại nội dung cho phù hợp hơn với bản chất của thuế NTNN để tránh hiểu sai đối với trường hợp thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được đã bao gồm thuế TNDN (đối với DN), TNCN (đối với nhà thầu là cá nhân). Nội dung sửa lại cụ thể như sau: "2.12. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế TNDN của nhà thầu nước	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành. Ngoài ra, nếu trong doanh thu trả cho nhà thầu nước ngoài không bao gồm khoản thuế

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế TNDN; thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân và trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế TNCN của nhà thầu nước ngoài là cá nhân; tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế." → Thuế NTNN bao gồm thuế GTGT và thuế TNDN/TNCN của nhà thầu nước ngoài. Bản chất của thuế NTNN là DN Việt Nam luôn luôn phải nộp thay nhà thầu nước ngoài cho dù thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được có bao gồm hay không bao gồm thuế TNDN.	nhưng doanh nghiệp phải nộp thay thuế cho nhà thầu thì doanh nghiệp sẽ phải nộp thêm khoản thuế cho nhà thầu, làm tăng chi phí của doanh nghiệp; ngược lại, nếu trong doanh thu trả cho nhà thầu đã bao gồm khoản thuế nhà thầu thì doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí đối với khoản doanh thu này (trong doanh thu đã có thuế trả cho nhà thầu) để đảm bảo không tính trùng tiền thuế trả cho nhà thầu khi tính vào chi phí của doanh nghiệp.
		Tại tiểu khoản 2.21 khoản 2 Điều 9: Đề nghị bổ sung cụ thể doanh nghiệp BOO trong quy định để thuận tiện khi áp dụng, đây cũng là một DN có hoạt động kinh doanh đặc thù. Đồng thời đề nghị cho các DN đặc thù mô hình đầu tư PPP được áp dụng mức chi phí lãi vay theo quy định này theo vì mức giới hạn CP lãi vay theo quy định về Giao dịch với bên liên kết. Nội dung đề nghị sửa lại cụ thể như sau: "2.21. Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán, hợp đồng BT, BOT, BTO, BOO và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác không đúng hoặc vượt mức quy định của cơ quan có thẩm quyền. - Chi phí trả lãi tiền vay vượt mức phân bổ theo tỷ lệ doanh thu của các hợp đồng BT, BOT, BTO, BOO. Chi phí lãi vay định mức trong kỳ của các hợp đồng BT, BOT, BTO, BOO được xác định theo công thức sau: Chi phí lãi vay định mức trong kỳ = (Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính/ Tổng doanh thu theo phương án tài chính) x Doanh thu thực hiện trong kỳ. <u>Với các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình đầu tư theo hợp đồng BT, BOT, BTO, BOO, nếu có phát sinh chi phí lãi vay với các bên có quan hệ liên kết được lựa chọn áp dụng mức giới hạn cao hơn về chi phí lãi vay được</u>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>trừ theo quy định này và theo quy định về giao dịch với các bên liên kết "</u> → -Đề nghị bổ sung cụ thể doanh nghiệp BOO trong quy định để thuận tiện khi áp dụng, đây cũng là một DN có hoạt động kinh doanh đặc thù. - Đề xuất Chính phủ tạo điều kiện hơn cho các DN dự án BT, BOT, BTO, BOO bằng cách cho phép các DN này được lựa chọn mức giới hạn cao hơn về chi phí lãi vay được trừ theo quy định của Nghị định này và theo quy định về giao dịch với các bên liên kết (hiện tại là Nghị định 132/2020/NĐ-CP).	Về chi phí trả lãi tiền vay của các bên có giao dịch liên kết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại tiểu điểm b.7 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề đảm bảo quy định được đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện cũng như bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: <i>"b.9) Một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:</i> <i>- Chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng, lạc hậu mất, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; chi phí phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất. Chi phí hủy hàng tại điểm này bao gồm giá trị hàng hủy và chi phí liên quan đến hoạt động hủy hàng.</i> <i>- Chi phí hỗ trợ hoạt động marketing, phát triển thị trường, duy trì, vận hành kênh phân phối (bao gồm cả kênh phân phối thứ cấp) và các hoạt động sau bán hàng phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp"</i> → Lý do: 1. Về hàng hóa bị hủy Quy định tại điểm này về nguyên tắc là phù hợp với quy định xử lý hàng tồn kho trong Thông tư 48/2019. <i>"Điều 4 Thông tư 48/2019:</i> <i>4a) Hàng tồn kho do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, hư hỏng, lạc hậu mất, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng phải được xử lý hủy bỏ, thanh lý."</i> Đối với hàng tồn kho tồn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn thì đã được quy	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định tại phần b7 khoản 1 Điều 9 của Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, các trường hợp hàng tồn kho lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên thì chưa được đề cập cụ thể như tại Thông tư 48/2019. Ngoài ra, “Chi phí hủy hàng” quy định tại điểm này chưa quy định rõ gồm các loại chi phí nào. Thực tế khi tiến hành hủy hàng sẽ phát sinh chi phí thuê bên thứ 3 chuyên về tiêu hủy hàng và giá trị của các hàng hủy. Một số ngành đặc biệt như ngành thực phẩm, dược, y tế có các quy định rất khắt khe về hoạt động. Ví dụ ngành dược có quy định rõ về Thực hành bảo quản (GSP) và vận chuyển (GDP) thuộc - khoản 12 Phụ lục I Thông tư 03/2018/TT-BYT quy định “12.12. Không được cung ứng hoặc tiếp nhận các thuốc sau khi đã hết hạn sử dụng hoặc gần hết hạn sử dụng đến mức chắc chắn sản phẩm sẽ hết hạn trước khi được sử dụng.” – Nhà nhập khẩu dược nước ngoài theo Luật dược không được trực tiếp phân phối và phải phân phối thuốc qua rất nhiều NPP nên khi hàng còn trong kho nhà NK được thì cận date nhưng khi đến tay người mua thì đã không còn hạn nên sẽ không được phép bán cho NPP và buộc phải tiêu hủy. Ngoài ra, còn có những trường hợp về giấy phép thuốc phải thu hồi thuốc và hủy theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Về các chi phí khác Trong thực tế, doanh nghiệp còn phát sinh các khoản chi phí rất lớn cho hoạt động marketing, phát triển thị trường, duy trì kênh phân phối và các hoạt động sau bán hàng để đảm bảo đầu ra của sản phẩm, phục vụ hoạt động bán hàng, kinh doanh của doanh nghiệp. Tương tự các chi phí giới thiệu/marketing sản phẩm mới trước khi bán hàng, các khoản chi này có thể phát sinh vào năm chưa có doanh thu, hoặc phát sinh sau khi đã ghi nhận doanh thu. Việc duy trì kênh phân phối từ nhà sản xuất đến nhà phân phối, các đại lý tiêu thụ và người tiêu dùng là đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động marketing. Hoạt động này để đảm bảo sản phẩm có đầu ra, từ đó thúc đẩy quá trình sản xuất, gia tăng doanh số, tạo động lực tiếp tục sản xuất đối với doanh nghiệp. Nếu đầu ra không được đảm bảo, doanh nghiệp sẽ cắt giảm sản xuất, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.	

NHÓM VĂN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại điểm d khoản 1 Điều 9: Đề xuất: 1. Bổ sung đoạn sau vào khoản 1.d, Điều 9: <i>“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> <i>1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</i> ... <i>d) Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”</i> → Dự thảo Nghị định hiện chưa hướng dẫn cụ thể về “<i>chứng từ không dùng tiền mặt</i>” nhằm tạo quy định thống nhất trong việc áp dụng.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại tiểu khoản 2.8 khoản 2 Điều 9: 1. Chúng tôi đề xuất sửa đổi điểm 2.8, khoản 2, Điều 9 như sau: <i>“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> ... 2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. ... <i>Trường hợp doanh nghiệp phát sinh các khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh ủy quyền cho cá nhân là người lao động thanh toán không dùng tiền mặt hoặc cử người lao động đi công tác (bao gồm công tác trong nước và công tác nước ngoài) nếu có phát sinh chi phí từ 5 triệu đồng trở lên, chi phí mua vé máy bay mà các khoản chi phí này được thanh toán bằng thẻ ngân hàng của cá nhân thì đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:</i> - Có hóa đơn, chứng từ phù hợp do người cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất. - Doanh nghiệp có quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác (đối	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THẺ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>với trường hợp đi công tác).</i> <i>- Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp quy định rõ việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán các khoản chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản công tác phí, mua vé máy bay bằng thẻ ngân hàng do cá nhân là chủ thẻ và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động."</i> → Quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 26 Nghị định 181/2025 (trích dẫn bên dưới) có quy định việc ủy quyền cho cá nhân người lao động không chỉ áp dụng riêng với các khoản chi công tác phí. <i>"i) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."</i> Chúng tôi thấy rằng ngoài các khoản chi công tác phí, các chi phí quản lý khác cũng nên được cho phép thanh toán ủy quyền cho cá nhân người lao động. Đồng thời quy định về thuế TNDN nên quy định cụ thể và đồng nhất với thuế GTGT để đảm bảo người nộp thuế không vướng mắc trong quá trình thực hiện theo quy định. 2. Đề đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng người nước ngoài sang Việt Nam làm việc phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, đề xuất sửa đổi như sau: <i>"2.8. Chỉ cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:</i> <i>a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.</i> <i>b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của</i>	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.</i> → Theo quy định tại Khoản 2.8, Điều 9 của dự thảo, chi phí không được trừ bao gồm các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: “Hợp đồng lao động”, v.v... Căn cứ vào Điều 2, Nghị định 152/2020/NĐ-CP hướng dẫn <i>Bộ luật Lao động</i> ngày 20 tháng 11 năm 2019 về đối tượng Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam gồm hình thức <i>Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp</i> (khác với hình thức “<i>Thực hiện hợp đồng lao động</i>”). Căn cứ Khoản 1, Điều 3, Nghị định 152/2020/NĐ-CP giải thích về trường hợp Người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp: “<i>là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục;</i>” Căn cứ Tiết a, Khoản 8, Điều 9, Nghị định 152/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung bởi Điểm c Khoản 5 Điều 1 Nghị định 70/2023/NĐ-CP) về “<i>Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài trường hợp người lao động nước ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này</i>” (tức ngoại trừ trường hợp Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động) trong hồ sơ <i>đề nghị cấp giấy phép lao động</i>: “<i>Đối với người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng liên tục;</i>” Theo đó, trong phạm vi quy định tại văn bản pháp luật về Lao động không quy định trường hợp người lao động nước ngoài theo hình thức di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có “Hợp đồng lao động” để đủ điều kiện cấp Giấy phép lao	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		động; trong khi đó theo thông lệ, “văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc” thường được gọi là “Thư phái cử” (tiếng Anh là “Assignment Letter”; hoặc “Dispatch Orders”). Như vậy, quy định đang chưa thể hiện đầy đủ các tình huống theo quy định về đối tượng Lao động, trong khi đối với các doanh nghiệp FDI, các chi phí phát sinh cho đối tượng người nước ngoài di chuyển nội bộ là rất lớn.	
		Tại tiểu khoản 2.1 khoản 2 Điều 9: Đề thống nhất cách xử lý đối với các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế, chúng tôi đề xuất sửa đổi như sau: <i>“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> ... <i>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.</i> ... <i>2.16) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá có gốc ngoại tệ khác (trừ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế).”</i> → Chúng tôi thấy rằng việc phân biệt lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản công nợ phải thu và phải trả là chưa nhất quán. Do bản chất các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này dù là do đánh giá phải thu hay phải trả thì đều là chưa thực hiện. Khi giao dịch phát sinh thực tế trong tương lai thì mới có cơ sở để ghi nhận lãi/lỗ thực hiện vào báo cáo tài chính và tính thuế. Trong khi đối với công nợ phải thu thì quy định yêu cầu không tính toàn bộ lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện vào thu nhập chịu thuế/hoặc chi phí được trừ khi tính thuế, việc không điều chỉnh đối với công nợ phải trả có thể khiến cách xử lý không nhất quán và không thể hiện đúng cách xử lý về mặt thuế như đối với các	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành. Ngoài ra, việc cho phép khoản lỗ chênh lệch khi đánh giá lại nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nguồn để trả nợ khoản vay bằng ngoại tệ.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điều chỉnh tạm thời khác thường dựa trên khoản thanh toán thực tế hoặc có bằng chứng về việc giao dịch sẽ thực hiện. Trong thực tế, các doanh nghiệp hiện nay sử dụng nhiều loại tài sản khác nhau để mua bán trên thị trường, bao gồm cả tiền tệ, công nợ, tài sản tài chính có tính chất lưỡng tính. Trường hợp mua 1 loại ngoại tệ và đổi lại bằng việc bán 1 loại ngoại tệ khác sẽ khó có thể xác định được là công nợ phải thu hay phải trả. Xét theo bản chất là giao dịch chưa thực hiện tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm thì chúng tôi thấy rằng đều cần loại các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực tế phát sinh để xác định đúng thu nhập chịu thuế TNDN trong năm tính thuế.	
		Tại tiểu khoản 2.12 khoản 2 Điều 9: Do đó, chúng tôi đề xuất bổ sung khoản 2.12 Điều 9 như sau: <i>"2.12. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ;..... Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ quy định tại điểm này không bao gồm:</i> → <i>Phần thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hàng biếu, hàng tặng không thu tiền theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i> <i>Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.</i> → Đối với thuế GTGT đầu ra liên quan đến quà biếu, tặng, trả thay lương hoặc tiêu dùng nội bộ... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, khoản thuế GTGT này không phải là một loại thuế gián thu mà Công ty phải xuất hóa đơn và tính thuế theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành (cụ thể là Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP). Số tiền này doanh nghiệp sẽ không được thu từ khách hàng hay đối tác và do đó nên được ghi nhận là chi phí của Công ty. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về vấn đề này để làm rõ phần thuế GTGT đầu ra của hàng biếu, tặng ghi nhận vào chi phí thì có được tính vào chi phí được trừ hay không. Xét về bản chất, khoản này liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		doanh nghiệp, và là khoản chi mà doanh nghiệp phải nộp cho NSNN theo quy định nên cần được quy định rõ để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.	
		Tại tiêu điểm b.3 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“b.3) Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động bao gồm:</i> <i>+ Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học.</i> <i>+ Chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp.</i> <i>+ Các chi phí đào tạo khác cho người lao động của doanh nghiệp thuộc chính sách đào tạo, phát triển nhân sự của Công ty. Công ty quy định chi tiết bằng văn bản chính sách đào tạo tại Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể hoặc Quy chế hoạt động của Công ty”</i> → Đối mặt với yêu cầu gia tăng giá trị của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó chất lượng nhân sự Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng, một số công ty (đặc biệt là tập đoàn đa quốc gia) có chính sách cho nhân viên sang các công ty thành viên ở các quốc gia khác/đối tác chiến lược để đào tạo, học tập nghiệp vụ kết hợp với làm việc thực tế, tiếp nhận kiến thức, quy trình làm việc tối ưu (tương tự như các quốc gia hay cử đoàn công chức sang các quốc gia khác trao đổi), những chính sách này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Việc mở rộng phạm vi được trừ cho các khoản chi phí này sẽ giúp các công ty Việt Nam mạnh dạn hơn trong việc đẩy mạnh đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng.	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.
		Tại tiêu điểm b.4 điểm b khoản 1 Điều 9: 1. - Đề nghị quy định rõ hơn về như thế nào là “cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế” – chỉ các tổ chức được Bộ Y Tế/Sở Y Tế cấp phép thành lập mới là “cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế” hay bao gồm cả các tổ chức được thành lập theo luật chuyên ngành (Cấp phép bởi Bộ Nội Vụ, Bộ Khoa học công nghệ) nhưng được quản lý chuyên môn bởi Bộ Y Tế, điều lệ quy định hoạt động trong lĩnh vực y tế. - Đề nghị mở rộng “hình thức tài trợ y tế” thông qua cơ quan, tổ chức có chức	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		năng huy động tài trợ theo quy định pháp luật bao gồm: (i) tài trợ bằng tiền hoặc (ii) tài trợ bằng hiện vật - Đề nghị mở rộng “đối tượng thụ hưởng khoản tài trợ y tế” bao gồm cả cộng đồng cho hoạt động nâng cao nhận thức phòng bệnh, chữa bệnh sớm do đối tượng này không phải người bệnh. Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“Khoản tài trợ cho y tế quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật về y tế, pháp luật chuyên ngành và được quản lý bởi cơ quan y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế tổ chức được cấp phép hoạt động khám chữa bệnh theo pháp luật; tài trợ bằng tiền cho người bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.”</i> → 1. Thực tiễn, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực y tế rất đa dạng và đều có nhiệm vụ cải thiện hệ thống y tế; đồng thời như một hoạt động thường xuyên của ngành y tế, các công ty dược/cung cấp thiết bị y tế hay tài trợ với các hội, hiệp hội (Tổng hội y học Việt Nam, hiệp hội y học Tp HCM, hội tim mạch, hội thấp khớp, hội gan mật, v.v), trung tâm đào tạo nghiên cứu, viện hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng được thành lập theo luật Khoa học công nghệ (Trung tâm Nghiên cứu và Đánh giá Kinh tế Y tế, Viện nghiên cứu phòng chống ung thư, v.v) (gọi chung là các cơ sở, tổ chức được cấp phép theo các luật chuyên ngành nhưng có nghiệp vụ và sứ mệnh hoạt động trong lĩnh vực y tế) để hợp tác tổ chức hội thảo chuyên đề, các buổi sinh hoạt khoa học cho cán bộ y tế, triển khai các dự án nghiên cứu y tế nhỏ. Đồng thời các quy định pháp luật chuyên ngành về y tế đều không định nghĩa như thế nào là “cơ sở y tế” trừ danh sách liệt kê tại Thông tư 20/2019/TT-BYT gần đây nhưng lại thuộc văn bản dưới Luật và Nghị định Do đó, chưa thể xác định được liệu các tổ chức trên có được xem là cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế hoặc không rõ tài trợ cho các trung tâm đào tạo, nghiên cứu cho y tế được xếp vào hình thức tài trợ cho y tế hay giáo dục, nghiên cứu. 2. Đoạn <i>“tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế”</i>	Tại dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa lại cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- theo Điều 48 Luật khám, chữa bệnh thì ngoài “bệnh viện, trung tâm y tế” có rất nhiều hình thức tổ chức của cơ sở khám chữa bệnh như: bệnh xá, nhà hộ sinh, viện có giường bệnh (như Viện truyền máu huyết học truyền máy trung ương), v.v, như vậy khi người nộp thuế tài trợ cho hoạt động thường xuyên khám chữa bệnh của các tổ chức này thì có thuộc khoản chi tài trợ y tế được trừ của Nghị định không. Việc ghi khái quát theo luật chuyên ngành giúp tạo sự công bằng trong tiếp cận nguồn tài trợ và không tạo cách hiểu khác biệt giữa người nộp thuế và cơ quan thuế quản lý khi giải trình về khoản tài trợ. 3. Đoạn “... chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật” hiện đang không còn phù hợp với thực tế: - Việc giới hạn “tài trợ bằng tiền” gây khó khăn cho bên tài trợ khi muốn kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng khoản tài trợ của tổ chức có chức năng nhận tài trợ và của bệnh nhân. - Việc giới hạn mục đích khoản tài trợ “bằng tiền cho người bệnh” gây rất nhiều khó khăn khi các công ty nhận được đề nghị hợp tác từ các tổ chức y tế cho hoạt động truyền thông về nâng cao nhận thức bệnh. 2. Đề xuất ghi rõ các chi phí tài trợ nếu bên nhận tài trợ sử dụng không đúng mục đích thì bên tài trợ vẫn có thể ghi nhận chi phí được trừ. Đề xuất sửa đổi như sau: <i>Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của các khoản tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích của các khoản tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế vẫn tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN cho khoản tài trợ này.</i> → Quy định không ghi rõ trường hợp bên nhận tài trợ sử dụng sai mục đích khoản tài trợ thì chi phí của bên tài trợ có được trừ hay không. Thực tế bên tài trợ không có quyền pháp lý để yêu cầu các tổ chức, các bên nhận tài trợ báo cáo hoạt động tài trợ. Mà việc quản lý hoạt động của các tổ chức nhận tài trợ đã do các cơ quan cấp phép hoạt động quản lý.	Nội dung ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích đã được đưa ra khỏi dự thảo Nghị định để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định chỉ quy định một chiều đối với bên tài trợ thực hiện tài trợ đúng quy định, có đủ hồ sơ, chứng từ là được tính vào chi phí được trừ mà không ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích.
		Tại tiểu điểm b.9 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề xuất điều chỉnh như sau:	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Chi phí vất năm do áp dụng kỳ lương, kỳ chi phí vất tháng được trừ vào kỳ tính thuế phát sinh chi phí (không phải kỳ thực tế chi trả).</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh các khoản chi như: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm, doanh nghiệp thực tế chưa chi (không thuộc trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề) thì các khoản chi này thuộc các khoản chi không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế phát sinh chi phí. Doanh nghiệp sẽ được ghi nhận chi phí vào kỳ thực tế chi trả.</i> → Nghị định hiện đang không ghi rõ “chi phí vất năm” này có cần hóa đơn, chứng từ như điểm c và chứng từ thanh toán tại điểm d của Nghị định hay không để được trừ trong năm tính thuế? Hay được tính vào chi phí được trừ của năm tiếp theo khi có hóa đơn chứng từ và thanh toán không dùng tiền mặt. Làm rõ nội dung đoạn “...hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi”...	Nội dung này đã được lược bỏ khỏi Dự thảo Nghị định cho phù hợp.
	TKV	Tại tiêu điểm b.9 điểm b khoản 1 Điều 9: - <u>Dự thảo quy định</u>: “b.9. Một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: <i>Chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài sản nhưng chưa có khách thuê, không có doanh thu từ cho thuê; sau đó tài sản cố định tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu, nếu tài sản cố định nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của doanh nghiệp và được quản lý, theo dõi hạch toán theo quy định về quản lý tài sản cố định thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi phí khấu hao tài sản cố định trong thời gian chưa có khách thuê.</i> - <u>Đề xuất sửa đổi của TKV</u>: “b.9. Một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: <i>Chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài sản nhưng chưa</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>có khách thuê, không có doanh thu từ cho thuê; sau đó tài sản cố định tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, nếu tài sản cố định nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của doanh nghiệp và được quản lý, theo dõi hạch toán theo quy định về quản lý tài sản cố định thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi phí khấu hao tài sản cố định trong thời gian chưa có khách thuê.”</i> → <u>Lý do sửa đổi:</u> Hiện nay, TKV đang cho thuê văn phòng tại Trung tâm giao dịch Than – Khoáng sản Việt Nam (Hà Nội) và Trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh. Tuy nhiên, do tình hình thị trường cho thuê văn phòng tại Hà Nội và Quảng Ninh có nhiều biến động và có tính cạnh tranh cao nên hiện nay, TKV vẫn còn một phần diện tích chưa tìm được đối tác thuê và chưa xác định được thời gian chính xác sẽ cho thuê hết diện tích còn lại. Theo Dự thảo quy định, chi phí khấu hao tài sản cho thuê sẽ được ghi nhận nếu <i>“sau đó tài sản tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu”</i>. Tuy nhiên, TKV không thể dự đoán chính xác thời điểm phát sinh doanh thu trong tương lai để ghi nhận chi phí khấu hao cho thuê tài sản hiện tại vào chi phí được trừ. Việc chờ đợi đến khi có doanh thu mới được tính chi phí khấu hao sẽ gây khó khăn trong việc hạch toán và xác định chi phí hợp lý tại thời điểm hiện tại. Để đảm bảo rằng chi phí khấu hao của tài sản vẫn được xem xét là chi phí hợp lý và được trừ khi tính thuế TNDN, phù hợp với thực tế kinh doanh, TKV đề xuất bỏ cụm từ <i>“và phát sinh doanh thu”</i>. Tại điểm d tiểu khoản 2.4 khoản 2 Điều 9: - <u>Dự thảo quy định:</u> <i>“Phân chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế, bao gồm: chi đảm hiếu, hỷ của bản thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản</i>	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ của người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại tiết d điểm này) và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác”</i> - Đề xuất của TKV: (i) Điều chỉnh thành 02 tháng lương bình quân (ii) Bổ sung các nội dung: chế độ ăn giữa ca, ăn định lượng, chi phí gửi trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo; (iii) Bổ sung cụm từ “do doanh nghiệp quyết định theo thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động” vào sau cụm từ “và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác”. - Và sửa thành “Phần chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động vượt quá <u>02 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế</u>, bao gồm: chi khám chữa bệnh, chi phí khám chữa bệnh và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại tiết d điểm này); <u>chế độ ăn giữa ca, ăn định lượng, chi phí gửi trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác do doanh nghiệp quyết định theo thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động</u>”. → Lý do sửa đổi: (i) Hỗ trợ chi phí gửi trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo - Theo Quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ Luật lao động, trách nhiệm của người sử dụng lao động “Giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động”	Đề nghị giữ quy định 01 tháng lương bình quân vì đây là khoản chi phúc lợi (chi thêm cho người lao động nhưng nằm ngoài lương, thưởng), không phải khoản chi phát sinh thường xuyên cho người lao động (khoản này đã nằm trong quy định về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động). Chế độ ăn giữa ca, ăn định lượng đã nằm trong khoản chi lương, thưởng cho người lao động nên không quy định tại điểm này. Đối với chi phí gửi trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo: nếu doanh nghiệp xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo để trông miễn phí cho con của người lao động thì đã được trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại tiết a điểm 2.6 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định; nếu doanh nghiệp trả tiền cho người lao động mà được quy định cụ thể trong Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể thì được tính vào chi phí tiền lương, tiền công theo quy định tại điểm 2.8 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Tại Điều 82 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về giúp đỡ, hỗ trợ của người sử dụng lao động về chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động “<i>Căn cứ điều kiện cụ thể, người sử dụng lao động xây dựng phương án, kế hoạch giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo đối với người lao động có con trong độ tuổi gửi trẻ, mẫu giáo bằng tiền hoặc hiện vật. Người sử dụng lao động quyết định mức và thời gian hỗ trợ sau khi trao đổi, thảo luận với bên người lao động thông qua đối thoại tại nơi làm việc quy định tại Điều 63, Điều 64 của Bộ luật Lao động và Chương V Nghị định này</i>”. Tuy nhiên do chưa có quy định về nguồn chi cũng như mức chi vì vậy đề nghị bổ sung nội dung này vào nội dung chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động (ii) Chế độ ăn giữa ca, ăn định lượng Tại Khoản 9, Điều 34 Nghị định 44 quy định: “<i>Chế độ ăn giữa ca hoặc ăn định lượng đối với người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động</i>” và có hiệu lực từ ngày <u>01/01/2025</u>. Tuy nhiên do chưa có quy định về nguồn chi cũng như mức chi vì vậy đề nghị bổ sung nội dung này vào nội dung chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động (iii) Những khoản chi có tính chất phúc lợi khác Để tránh cách hiểu khác những khoản chi có tính chất phúc lợi khác là những khoản nào vì vậy đề nghị do doanh nghiệp sẽ quyết định các khoản chi nhưng đề cao sự thỏa thuận của doanh nghiệp. (iv) Điều chỉnh thành 02 tháng lương bình quân Do phát sinh một số khoản chi mới nên cần tăng giới hạn chi từ 01 tháng lương bình quân lên 02 tháng lương bình quân. Đồng thời cũng giới hạn mức trần đề doanh nghiệp cân đối chi cho phù hợp giữa các loại hình doanh nghiệp, không gây mất công bằng xã hội.	
		Tại điểm h tiểu khoản 2.8 khoản 2 Điều 9: - <u>Dự thảo quy định</u>: “<i>h. Các khoản chi được trừ sau đây nhưng nếu chi không</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đúng đối tượng, không đúng mục đích:</i> <i>Các khoản chi thêm cho lao động nữ, cụ thể:..... <u>Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con lần thứ nhất hoặc lần thứ hai</u>.</i> - Đề xuất của TKV: “<i>Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con</i>” → - <u>Lý do sửa đổi</u>: để đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước về việc không hạn chế sinh con thứ 3 trở lên.	
		Tại điểm i tiểu khoản 2.8 khoản 2 Điều 9: - <u>Dự thảo quy định</u>: “<i>Chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động không theo đúng quy định hiện hành</i>” - Đề xuất sửa đổi của TKV: “<i>Chi trả trợ cấp mất việc làm, <u>bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động không theo đúng quy định hiện hành</u></i>” → <u>Lý do sửa đổi</u>: Tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định “<i>Chi phí bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, đồng thời là chi phí hợp lý khi tính thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở sử dụng lao động theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>”. Tuy nhiên tại Thông tư số 28/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bãi bỏ Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH) đã không còn quy định cụ thể về việc các chi phí bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời được xác định là chi phí hợp lý khi tính, nộp thuế TNDN. Do đó, TKV đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung quy định, hướng dẫn về nội dung trên để doanh nghiệp có đầy đủ cơ sở thực hiện, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.
		Tại tiểu khoản 2.16 khoản 2 Điều 9:	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- <u>Dự thảo quy định</u>: “2.16. <u>Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế</u>, bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế). Đối với khoản nợ phải thu và khoản cho vay có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, được tính vào chi phí được trừ là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh thu hồi nợ hoặc thu hồi khoản cho vay với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận khoản nợ phải thu hoặc khoản cho vay ban đầu.” - <u>Đề xuất sửa đổi của TKV</u>: “2.16. <u>Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế</u> (<u>sau khi bù trừ với lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế</u>), bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển (<u>không bao gồm</u> lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả, <u>nợ phải thu</u> có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế). → <u>Lý do sửa đổi</u>: Hiện nay, phần lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đã được xác định là doanh thu tài chính để tính thu nhập chịu thuế. Cho nên khi loại trừ các khoản chi không được trừ là lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái cần phải bù trừ với các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ. Tại tiểu khoản 2.20 khoản 2 Điều 9: - <u>Dự thảo quy định</u>: “2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế 2.20. <u>Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm</u> a) Trường hợp nộp một lần, mức thực tế phát sinh của năm được xác định trên cơ sở tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phân bổ cho số năm khai thác còn lại.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đây là quy định về chi phí, khoản lãi đã quy định ở thu nhập khác và cho bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá. Ngoài ra, đối với khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối kỳ, dự thảo Nghị định không quy định phải tính vào doanh thu tài chính/thu nhập khác (trừ khoản nợ phải trả) như pháp luật về kế toán. Việc cho phép khoản lỗ chênh lệch khi đánh giá lại nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nguồn để trả nợ khoản vay bằng ngoại tệ. Nếu quy định thêm cả nợ phải thu thì thực tế tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng theo thời gian nên trường hợp quy định đánh giá lại khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ chủ yếu phát sinh thu nhập, doanh nghiệp phải thực hiện nộp thuế đối với khoản này sẽ thiệt cho doanh nghiệp vì đây không phải khoản thu nhập thực tế phát sinh. Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp. Về quy định chuyển tiếp để xử lý số tiền cấp quyền của các giấy phép đã cấp và đã nộp tiền từ những năm trước theo quy định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>b) Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã nộp Ngân sách Nhà nước".</i> <i>- Đề xuất của TKV sửa thành:</i> <i>"2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> <i>2.20. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức chi phí được trừ trong năm</i> <i>Mức chi phí được trừ trong năm = Tổng số tiền CQKTKS của giấy phép khai thác chia (:) Tổng số sản lượng khai thác theo Giấy phép khai thác nhân (x) sản lượng khai thác thực tế trong năm.</i> <i>Hoặc:</i> <i>Mức chi phí được trừ trong năm = Tổng số tiền CQKTKS phải nộp của giấy phép khai thác chia (:) Tổng số năm khai thác theo Giấy phép khai thác.</i> <i>Đối với các giấy phép được cấp phép trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của từng năm (kể từ năm Nghị định này có hiệu lực) được xác định bằng số tiền CQKTKS đã nộp, chưa tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ tính thuế trước khi Nghị định này có hiệu lực cộng (+) tổng số tiền CQKTKS phải nộp kể từ khi Nghị định này có hiệu lực đến khi hết hạn Giấy phép chia (:) cho số năm khai thác còn lại kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thì hành. Số tiền CQKTKS đã tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ tính thuế trước khi Nghị định này có hiệu lực thì không xử lý lại theo hướng dẫn tại Nghị định này."</i> <i>→ Lý do sửa đổi:</i> <i>(i) Dự thảo Nghị định hướng dẫn về trường hợp thu nộp tiền CQKTKS một lần chưa phù hợp với quy định tại Luật Địa chất và khoáng sản</i> <i>Theo Khoản 2.20 Điều 9 Dự thảo Nghị định quy định về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thuế TNDN, thì:</i> <i>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> <i>2.20. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm</i> <i>a) Trường hợp nộp một lần, mức thực tế phát sinh của năm được xác định trên cơ sở tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phân bổ cho số năm khai thác</i>	của Thông tư số 96/2015/TT-BTC: đây là nội dung xử lý hồi tố nên đề nghị không đưa vào dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>còn lại.</i> <i>b) Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã nộp Ngân sách Nhà nước".</i> Tuy nhiên, theo Điều 132 Nghị định 193/2025/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản quy định về tiền CQKTKS, cụ thể: <i>"Điều 132. Công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</i> <i>2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm được xác định như sau:</i> $T_{hn} = T : X$ <i>Trong đó:</i> <i>T_{hn} - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm tại thời điểm phê duyệt;</i> <i>T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;</i> <i>X - Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo năm, kể từ năm cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến năm hết thời hạn khai thác."</i> Như vậy, từ thời điểm 01/7/2025, tiền CQKTKS được thu hàng năm và quyết toán định kỳ 5 năm/1 lần nên sẽ không còn trường hợp nộp tiền CQKTKS một lần. Do đó, việc quy định cho trường hợp nộp 1 lần là không cần thiết. <i>(ii) Dự thảo Nghị định chưa đảm bảo được nguyên tắc doanh thu phù hợp với chi phí khi xác định tiền CQKTKS</i> Căn cứ Chuẩn mực kế toán số 01 quy định nguyên tắc phù hợp "<u><i>Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau</i></u>" và căn cứ Khoản 2.22 Điều 9 Dự thảo Nghị định quy định về các khoản chi không được trừ "<u><i>2.22. Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế</i></u>". Căn cứ Khoản 2.20 Điều 9 Dự thảo Nghị định quy định <i>mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã nộp Ngân sách Nhà nước.</i> Trong thực tế, số tiền nộp NSNN không bằng chi phí tiền CQKTKS phân bổ theo sản lượng thực tế khai thác hàng năm (tương ứng với doanh thu của năm). Do đó, hai quy định trên đang chưa phù hợp nguyên tắc ghi nhận chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN. <i>(iii) Dự thảo Nghị định chưa xử lý được những vướng mắc về tiền CQKTKS của các giấy phép đã cấp phép và đã nộp tiền từ những năm trước theo quy định của Thông tư 96/2015/TT-BTC.</i>	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định các khoản không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm: Số tiền CQKTKS vượt mức thực tế phát sinh của năm... Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền CQKTKS của năm mà doanh nghiệp đã nộp vào NSNN. Nghị định số 67/2019/NĐ-CP của Chính phủ (trước kia là Nghị định số 203/2013/NĐ-CP) quy định việc nộp tiền CQKTKS đối với các Giấy phép phải hoàn thành vào nửa đầu thời hạn cấp phép. Do đó, trong nửa sau của giấy phép sẽ không phát sinh số phải nộp tiền CQKTKS. Vì vậy, số tiền CQKTKS phân bổ vào chi phí trong thời gian này sẽ là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN. Điều này gây thiệt thòi cho doanh nghiệp mặc dù doanh nghiệp đã thực hiện hạch toán và nộp tiền vào NSNN theo đúng quy định. Thực tế, đối với các đơn vị thuộc Tập đoàn TKV, trong giai đoạn 2014-2016, căn cứ nguyên tắc doanh thu phù hợp với chi phí theo Chuẩn mực kế toán số 01 và quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Thông tư số 96/2015/TT-BTC, TKV và các đơn vị thực hiện phân bổ tiền CQKTKS vào giá thành trong kỳ theo sản lượng khai thác, mà không phân bổ theo số thực nộp, cụ thể: <i>Số tiền CQKTKS phân bổ vào giá thành = Sản lượng khoáng sản nộp thuế tài nguyên (x) Chi phí đơn vị CQKTKS.</i> Trong đó: + Sản lượng khoáng sản nộp thuế tài nguyên trong kỳ: Căn cứ vào sản lượng kê khai và nộp thuế tài nguyên trong kỳ. + Chi phí đơn vị CQKTKS = Tổng số tiền CQKTKS chia (:) Tổng sản lượng khai thác. Chi phí phân bổ vào giá thành theo công thức trên thường thấp hơn số tiền CQKTKS đã nộp trong kỳ. Bắt đầu từ năm 2017, TKV và các đơn vị thực hiện việc phân bổ tiền CQKTKS vào giá thành trong kỳ theo số thực nộp như quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC. Hiện nay, TKV phát sinh trường hợp nhiều Giấy phép đã nộp hết tiền CQKTKS phải nộp theo thông báo nhưng đã hạch toán vào chi phí kế toán các kỳ liên quan đồng thời tính thuế TNDN hoãn lại. Tính đến 31/12/2024 giá trị chênh lệch giữa chi phí kế toán và chi phí tính thuế hàng năm của tiền CQKTKS đang được theo dõi tổng cộng là 1.079 tỷ đồng; tương ứng số dư Tài sản thuế TNDN	

NHÓM VĂN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoãn lại trên Báo cáo tài chính là 216 tỷ đồng và chưa có hướng xử lý theo các quy định hiện hành. Liên quan đến nội dung này, TKV đã có rất nhiều văn bản báo cáo, xin ý kiến Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế nhưng đến nay vẫn chưa được hướng dẫn, xử lý dứt điểm. TKV đã có các Văn bản số 171/TKV-KT ngày 12/01/2017 và số 1173/TKV-KTTC ngày 22/03/2017 gửi Tổng cục thuế báo cáo những vướng mắc trên. Ngày 11/05/2017, Tổng cục thuế đã có văn bản trả lời số 1922/TCT-DNL ghi nhận vướng mắc của TKV để nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Năm 2022, KTNN thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn cũng đã có ý kiến về nội dung vướng mắc tiền CQKTKS trên và đề nghị Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế để được hướng dẫn, xử lý. TKV đã tiếp tục có các Văn bản: số 3457/TKV-KTTC ngày 29/7/2022; số 4361/TKV-KTTC ngày 28/9/2022; số 1724/TKV-KTTC ngày 19/4/2023 gửi Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đề nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tuy nhiên đến nay Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế vẫn chưa có văn bản trả lời. Bên cạnh đó, KTNN cũng đã có Văn bản số 941/KTNN-CNVI ngày 26/10/2022 gửi Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tài chính trả lời đối với vướng mắc trên. Và ngày 14/12/2023 Bộ Tài chính có văn bản số 13830/BTC-TCDN trả lời KTNN; theo ý kiến của Bộ Tài chính: <i>“Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP và Thông tư 96/2015/TT-BTC. Tại công văn số 5685/BTC-HCSN ngày 05/6/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính đã có ý kiến tham gia về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP nêu trên.”</i> Đặc biệt, năm 2022, khi Tổng cục thuế được giao chủ trì sửa đổi Thông tư số 78/2014/TT-BTC, TKV đã có văn bản số 3457/TKV-KTTC ngày 29/7/2022 gửi Tổng cục thuế đề nghị sửa đổi một số nội dung tại Khoản 2.34 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 về việc chi phí được trừ đối với tiền CQKTKS. Tổng cục thuế đã ghi nhận ý kiến của TKV và sẽ sửa đổi, bổ sung. Sau đó, việc sửa đổi Thông tư số 78/2014/TT-BTC phải tạm dừng, chờ sửa đổi Luật thuế TNDN.	

NHÓM VĂN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Như vậy, đến nay các cơ quan chức năng chưa ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, nên vướng mắc trên vẫn chưa được xử lý dứt điểm. Trong trường hợp Dự thảo Nghị định không quy định nội dung xử lý những tồn tại, vướng mắc này như đề xuất ở trên thì doanh nghiệp sẽ không có căn cứ để xử lý được số liệu trên sổ sách kế toán theo quy định	
	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Tại điểm b.2 khoản 1 Điều 9: 1.1. “Khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp”. <u>Đề nghị sửa đổi bổ sung:</u> “Khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp và đơn vị cấp trên.” → <u>Lý do:</u> Trong thực tế hoạt động tại doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp Nhà nước) ngoài khoản chi hỗ trợ phục vụ hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp còn phát sinh nhu cầu chi hỗ trợ các tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội đơn vị cấp trên (các tổ chức này thường xuyên phối hợp/hỗ trợ/làm việc/chi đạo trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp).	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì khoản chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên là chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại điểm 2.13 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.
		Tại điểm b.5 khoản 1 Điều 9: 1. Gạch đầu dòng thứ ba: “Khoản tài trợ cho văn hóa quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các cơ sở văn hóa được thành lập theo quy định pháp luật về văn hóa mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở văn hóa đó; tài trợ trực tiếp cho các hoạt động thường xuyên của cơ sở văn hóa; tài trợ bằng tiền thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.” <u>Đề nghị sửa đổi:</u> Bổ sung chi tiết để làm rõ các đối tượng “cơ sở văn hóa”. Ví dụ: Trường hợp tài trợ chi phí để tu bổ, xây dựng nghĩa trang liệt sỹ, ủng hộ tôn tạo di tích lịch sử, đình, đền, chùa,.....thì đối tượng nào được xác định là đủ điều kiện xác định chi phí được trừ. → <u>Lý do:</u> khái niệm “Cơ sở văn hóa” hiện nay theo quy định còn rộng, có nhiều cách hiểu. Việc bổ sung chi tiết các đối tượng cụ thể sẽ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong quá trình áp dụng, đồng thời hạn chế việc phát sinh văn bản hướng dẫn hoặc giải đáp vướng mắc của Cơ quan quản lý thuế. 2. Gạch đầu dòng thứ năm:	Tại dự thảo Nghị định đã bỏ khái niệm “cơ sở văn hoá” và chỉnh sửa quy định rõ các khoản tài trợ cho văn hoá được tính vào chi phí được trừ.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“Khoản tài trợ làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách xã hội quy định tại điểm này theo quy định của Thủ tướng Chính phủ dưới các hình thức: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật <u>để xây nhà cho hộ nghèo</u> bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật. Đối tượng chính sách xã hội quy định tại khoản này bao gồm: Người có công theo quy định của pháp luật về người có công; đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.” <u>Đề nghị sửa đổi:</u> “Khoản tài trợ làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách xã hội quy định tại điểm này theo quy định của Thủ tướng Chính phủ dưới các hình thức: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.....” → <u>Lý do:</u> Đối tượng chính sách, xã hội đã được định nghĩa và có bao gồm nhiều thành phần không giới hạn chỉ hộ nghèo.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì tại dự thảo Nghị định quy định khoản tài trợ làm nhà cho đối tượng chính sách xã hội đã bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo.
		Tại điểm b.5 khoản 1 Điều 9: <u>Đề nghị bổ sung:</u> a. “Các chi phí phát sinh tại Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ để triển khai xây dựng phương án mua, xử lý nợ và tái cơ cấu doanh nghiệp: - Chi phí thẩm định giá, tư vấn pháp lý và các chi phí khác để nghiên cứu, triển khai xây dựng phương án mua nợ, xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp; - Khoản chi để duy trì, quản lý, khai thác, xử lý đối với tài sản bảo đảm đối với Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ đang quản lý hoặc đã nhận bàn giao; - Chi phí thẩm định giá khoản nợ, tài sản để bán, góp vốn, liên danh, liên kết, hợp tác kinh doanh bằng nợ, tài sản; - Chi phí cho cán bộ, người lao động của Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ được cử tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát, cử biệt phái tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổ chức mà	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung khoản tài trợ đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ hoặc các doanh nghiệp đang trong giai đoạn tái cơ cấu”; b. Chi phí mua sắm công cụ dụng cụ, đồ dùng, thực phẩm,... phục vụ bếp ăn tập thể tại doanh nghiệp; → <u>Lý do:</u> a. <i>Đối với nội dung đề nghị bổ sung điểm 2.3.a nêu trên:</i> - Theo khoản 3 Điều 13 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP các khoản nợ phải thu phát sinh từ nghiệp vụ mua nợ của CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM là một loại hàng hóa; theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP và Điều 21 Thông tư số 62/2021/TT-BTC để triển khai phương án mua nợ, xử lý nợ CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM thường phải phát sinh trước các khoản chi phí thường xuyên liên quan như: thuê dịch vụ thẩm định giá; tham gia đấu giá mua nợ, tư vấn pháp luật, chi phí di công tác/làm việc,...trong quá trình xây dựng phương án mua, xử lý nợ đó kết quả có thể dẫn tới việc hoặc CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM không mua, xử lý được khoản nợ (phương án đánh giá không khả thi/không thống nhất việc mua nợ, bán đấu giá nợ/tài sản bảo đảm,... không thành;....) dẫn tới không phát sinh doanh thu hoặc mua được khoản nợ và sau khi kế thừa quyền chủ nợ thì CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM mới phát sinh thu nợ tạo doanh thu hoặc qua nhiều lần bán đấu giá nhưng chưa/mới thành công,.... Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ có vai trò là công cụ của Chính phủ hỗ trợ nền kinh tế, các Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ thực hiện xử lý nợ, tái cơ cấu tại các doanh nghiệp (trong đó có bao gồm tái cơ cấu về sở hữu thông qua chuyển nợ thành vốn góp và cử người tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp có vốn góp). Do đa số doanh nghiệp phát sinh xử lý nợ đều có có tình hình tài chính khó khăn (phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu tại các tổ chức tín dụng) dẫn tới trong quá trình phục hồi có thể cần hỗ trợ chi phí từ Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (đặc biệt là đối với chi trực tiếp liên quan người được cử tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát). b. <i>Đối với nội dung đề nghị bổ sung điểm 2.3.1.b nêu trên :</i>	Tiếp thu, quy định nguyên tắc tại điểm 2.6

NHÓM VĂN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đối với các doanh nghiệp tổ chức bếp ăn tập thể: ngoài chi phí tài sản cố định (được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo điểm a khoản 2.6 Điều 9 thì còn phát sinh các chi phí liên quan tổ chức bếp ăn tập thể như mua sắm công cụ dụng cụ, đồ dùng, thực phẩm,...do đó đề nghị bổ sung làm rõ thêm quy định về chi phí được trừ đối với các khoản chi này.	khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định.
		Tại điểm b.12 khoản 1 Điều 9: "Khoản đóng góp vào các Quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ, bao gồm: Quỹ viên thông công ích, Quỹ phòng, chống tác hại thuốc lá, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, <u>Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp</u> và các Quỹ đặc thù khác.". <u>Đề nghị bỏ nội dung:</u> "Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp". → <u>Lý do:</u> tại khoản 2, 3 Điều 15 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 có hiệu lực từ ngày 01/4/2022 quy định Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và các khoản nộp về "Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp" thành "nộp về ngân sách nhà nước".	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định
		Tại tiểu khoản 2 khoản 2.2 Điều 9: Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính bao gồm: vi phạm luật giao thông, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm pháp luật về thuế <i>bao gồm cả tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế</i> và các khoản phạt về vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật. <u>Đề xuất sửa đổi bổ sung:</u> Các khoản tiền phạt theo quyết định vi phạm hành chính bao gồm: vi phạm luật giao thông, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm pháp luật về thuế <i>bao gồm cả tiền chậm nộp thuế phát sinh khi thanh tra, kiểm tra theo quy định của Luật Quản lý thuế</i> và các khoản phạt về vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật. → <u>Lý do:</u> Đề xuất sửa đổi như trên để phân biệt hai trường hợp: Theo Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) thì quyết định vi phạm hành chính là cơ sở/căn cứ để xác định hành vi vi phạm hành chính. Nên trường hợp khi thanh tra, kiểm tra thuế có phát sinh	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi hành chính về thuế và truy thu (bao gồm cả tiền chậm nộp thuế phát sinh) thì khoản chi này không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Còn đối với trường hợp doanh nghiệp tự chủ động rà soát phát hiện sai sót, trên cơ sở quy định pháp luật về thuế doanh nghiệp chủ động kê khai điều chỉnh, bổ sung nên có thể phát sinh tăng hoặc giảm nghĩa vụ thuế phải nộp, dẫn đến có thể phát sinh thuế chậm nộp (không phát sinh quyết định xử phạt vi phạm hành chính) thì xem xét trong trường hợp này cho phép doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.	
		Tại điểm d tiểu khoản 2.4 khoản 2 Điều 9: <u>Đề nghị bổ sung:</u> các khoản chi cho người lao động nhân dịp lễ, tết, sinh nhật. → <u>Lý do:</u> Khoản chi nêu trên, trong thời gian qua đã được Cơ quan Thuế có văn bản phản hồi xác định là khoản chi có tính chất phúc lợi theo quy định. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại doanh nghiệp cho thấy vẫn còn phát sinh một số vướng mắc trong quá trình xác định bản chất các khoản chi, dẫn đến việc doanh nghiệp phải có văn bản hỏi đáp và Cơ quan Thuế phải trả lời từng trường hợp cụ thể. Để hạn chế tình trạng nêu trên, đồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo rà soát, tổng hợp từ các văn bản hướng dẫn, phản hồi của Cơ quan Thuế trong thời gian qua liên quan đến các khoản chi được xác định là có tính chất phúc lợi. Trên cơ sở đó, đề xuất bổ sung thêm giúp doanh nghiệp có cơ sở áp dụng đồng bộ, đúng quy định, giảm thiểu vướng mắc trong quá trình thực hiện. (https://ketoanthienung.net/quy-dinh-ve-chi-phi-cho-nhan-vien-di-nghi-mat-di-lai-ngay-le-tet.htm)	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì tại điểm này dự thảo Nghị định đã quy định “và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác”.
		Tại tiểu khoản 2.5 khoản 2 Điều 9: <u>Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng:</u> dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp và dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp tham định giá, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập.”.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>Đề nghị sửa đổi bổ sung:</u> “Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù về trích lập dự phòng:....” → <u>Lý do:</u> Luật 68/2025/QH15 giao Chính phủ quy định cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù (như SCIC, CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM, PVN, EVN,...). Theo đó, tại các Nghị định này sẽ quy định một số nội dung đặc thù trong đó có trích lập dự phòng. Ngoài ra, việc trích lập dự phòng của các tổ chức tín dụng cũng được quy định riêng tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP. Do đó, việc đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn về trích lập dự phòng riêng để đảm bảo pháp luật về thuế dẫn chiếu theo quy định của Ngân hàng nhà nước, Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù về trích lập dự phòng là phù hợp.	Nghị định.
		Tại điểm c tiểu khoản 2.8 khoản 2 Điều 9: “Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi, trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập dự phòng tiền lương phải đảm bảo <u>sau khi trích lập, doanh nghiệp không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%.</u> Trường hợp năm trước doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc kỳ tính thuế doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ dự phòng tiền lương thì doanh nghiệp phải tính giảm chi phí của năm sau.” <u>Kiến nghị:</u> Về trích lập lập quỹ dự phòng tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước đang có tiếp cận khác nhau tại các Nghị định của Chính phủ. Xem xét rà soát để có định hướng áp dụng phù hợp/tối ưu.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua. Ngoài ra, quy định về thuế là áp dụng chung, thống nhất cho các thành phần kinh tế, không phân biệt giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Lý do: Theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP: “2. Căn cứ quỹ tiền lương thực hiện xác định theo quy định tại Mục 2, Mục 3 và Mục 4 Chương III Nghị định này, <u>doanh nghiệp được sử dụng toàn bộ quỹ tiền lương này để chi trả hết trong năm cho người lao động và Ban điều hành hoặc trích lại một phần lập quỹ lương dự phòng cho năm sau</u> sau khi đã chi trả đủ mức tiền lương chế độ và tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật Lao động. <u>Mức trích quỹ lương dự phòng tối đa không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện của năm đó và phải chi trả hết trước ngày 30 tháng 6 năm sau liền kề; sau thời điểm này, nếu doanh nghiệp chưa chi trả hết thì phải hoàn nhập phần dự phòng chưa chi trả hết vào khoản thu nhập khác của doanh nghiệp.</u>” Theo quy định này thì việc trích lập quỹ lương dự phòng là việc doanh nghiệp được giữ lại một phần quỹ lương đã trích của năm thực hiện để chi vào năm tiếp theo (chi trả hết trước ngày 30/6 của năm liền kề) trong khi theo dự thảo Nghị định hướng dẫn thuế TNDN thì việc trích lập dự phòng là một khoản chi phí trích riêng vào chi phí (“<u>sau khi trích lập, doanh nghiệp không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%</u>”).	
		Tại tiểu khoản 2.10 khoản 2 Điều 9: Dự thảo Nghị định quy định: “Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.” Đề nghị sửa đổi bổ sung: “Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế (không bao gồm Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ kế thừa quyền chủ nợ từ tổ chức tín dụng) vượt quá mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.” → Lý do: Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ sau khi mua nợ sẽ kế thừa/thế quyền chủ nợ từ tổ chức tín dụng theo hợp đồng vay đã được Tổ chức tín dụng ký kết (trong đó bao gồm thỏa thuận về lãi suất/chi phí lãi tiền vay).	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đây là quy định áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp đi vay vốn của cá nhân hoặc đơn vị không phải là tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế.
	Hiệp hội Bất động sản Việt	Tại điểm b.6 khoản 1 Điều 9: Đề xuất:	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nam	- Cần làm rõ các khoản chi liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được phép tính vào chi phí được trừ với tỷ lệ là 200% theo chi phí thực tế phát sinh hay còn có các mức tỷ lệ nào khác, nếu có cần quy định cụ thể hơn. - Bổ sung cơ chế để xác định khoản chi này bao gồm cụ thể những chi phí gì và điều kiện về thủ tục, hồ sơ cụ thể để được trừ là như thế nào thay vì tham chiếu chung đến quy định pháp luật chuyên ngành. → Lý do: Quy định này cần được làm rõ để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình áp dụng, tránh trường hợp có các cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Tại điểm b.9 khoản 1 Điều 9: Đề xuất: Bổ sung điểm b9, khoản 1, Điều 9, dự thảo Nghị định như sau: "... <i>- Chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, chuẩn bị cho việc sản xuất sản phẩm mới, chi phí đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm mới nhưng không thành công hoặc dừng triển khai.</i> ... <i>- Chi phí khôi phục, đóng cửa doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; các khoản chi phí liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp, chi phí trước thành lập doanh nghiệp.</i> ... <i>- Chi phí tài trợ quy hoạch dự án cho các địa phương, chi phí phục vụ các công tác xã hội, trách nhiệm cộng đồng tại địa phương.</i> <i>- Các khoản chi phải nộp bổ sung theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu tương ứng trong các kỳ tính thuế trước.</i> ... <i>- Chi phí hủy, thanh lý tài sản cố định do hư hỏng, không còn nhu cầu sản xuất hoặc tài sản cố định đã hết khấu hao.</i> ..." → Lý do: Các chi phí này đều là các chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra	Đã chỉnh sửa, bổ sung thêm điều kiện để được tính vào chi phí được trừ theo mức 200% đối với khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển. Việc xác định khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghiệp công nghệ số. Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định. Riêng đối với khoản chi tài trợ đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do khoản chi tài trợ đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, cần đưa các chi phí này vào chi phí hợp lệ để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tại điểm b.10 khoản 1 Điều 9: Đề xuất: Sửa đổi nội dung tại điểm b10, Khoản 1, Điều 9 dự thảo Nghị định như sau: <i>“b.10) Khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.</i> <i>Công trình công cộng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản này là công trình công cộng, cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng hoặc hỗ trợ đầu tư, xây dựng là công trình không phục vụ mục đích kinh doanh, không thu tiền. Công trình quy định tại tiểu này được thực hiện theo danh mục quy định tại điểm 2 Mục I và Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng”.</i> → Lý do: Danh sách các công trình công cộng thỏa mãn đã được quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ. Trên thực tế, việc xây dựng các công trình công cộng này đều gián tiếp phục vụ và thúc đẩy cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; do đó quy định như hiện tại là không cần thiết và cũng sẽ dẫn đến khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc áp dụng, đồng thời không thể hiện đúng tinh thần khuyến khích của chính sách trong việc xây dựng các công trình công cộng phục vụ cộng đồng. Tại tiểu khoản 2.21 khoản 2 Điều 9: Đề xuất: Bãi bỏ quy định này hoặc cần đánh giá tổng thể để làm rõ đối tượng áp dụng quy định là những doanh nghiệp nào, các dự án BT, BOT, BTO trong lĩnh vực nào (ví dụ các dự án BOT trong lĩnh vực xây dựng cầu, đường, v.v.), để tránh áp dụng đại trà ảnh hưởng đến các doanh nghiệp đang có hoạt động ổn định. → Lý do: Quy định tại dự thảo Nghị định đang không chế chi phí lãi vay theo tỷ lệ doanh thu đối với toàn bộ các hợp đồng BT, BOT, BTO; sẽ gây ra một số khó khăn cho nhiều doanh nghiệp khi áp dụng như sau:	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để thống nhất với quy định tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP về thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định cũng đã chỉnh sửa câu chữ cho phù hợp. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15; đồng thời, quy định này phù hợp với thực tế hoạt động của các dự án BOT, BTO,...

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Phần lớn chi phí lãi vay phát sinh sẽ được vốn hoá trong giai đoạn dự án chưa có doanh thu, dẫn đến quy định về khống chế chi phí lãi vay theo tỷ lệ doanh thu là không phù hợp. - Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ đã bị khống chế theo EBITDA căn cứ theo Nghị định hướng dẫn về giao dịch liên kết. Trong trường hợp tiếp tục bị khống chế theo tỷ lệ doanh thu sẽ dẫn đến sự chông chéo, tạo ra vướng mắc khi xác định. - Tạo ra sự bất bình đẳng giữa các hình thức đầu tư, gây khó khăn và là rào cản cho doanh nghiệp, kìm hãm sự phát triển kinh tế tư nhân.	
		Tại tiểu khoản 2.22 khoản 2 Điều 9: Đề xuất: Quy định cụ thể hơn về các trường hợp “<i>khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành</i>”. Ví dụ như chi phí tiền lương làm thêm giờ trong 1 năm không vượt quá 200 giờ, chi phí khuyến mại không phù hợp với pháp luật xúc tiến thương mại,... → Lý do: Để doanh nghiệp có căn cứ cụ thể khi áp dụng và không gặp phải các vướng mắc như sau: - Khó khăn, áp lực đối với các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi phát sinh thêm nhiều chi phí, thủ tục để xem xét toàn bộ quy định pháp luật chuyên ngành liên quan khi quyết toán thuế. - Trường hợp doanh nghiệp không tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành thì đã chịu chế tài xử phạt của pháp luật chuyên ngành. - Khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định và kê khai nghĩa vụ thuế TNDN do chịu nhiều ảnh hưởng của pháp luật chuyên ngành đòi hỏi kiến thức chuyên sâu về luật hơn là kiến thức về thuế và kế toán thông thường; - Tăng rủi ro môi trường kinh doanh, giảm hấp dẫn môi trường đầu tư.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Amcham	Tại tiểu điểm b.9 điểm b khoản 1 Điều 9: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung hướng dẫn làm rõ phạm vi áp dụng của quy định tại tiểu điểm b.9, điểm b, khoản 1, Điều 9. Cụ thể, cần xác định rõ cụm từ “các khu” được hiểu là bao gồm những loại hình khu vực nào, chẳng hạn như: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao và các khu vực khác có hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để cho thuê	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. → Quy định tại tiểu điểm b.9 hiện chưa xác định rõ phạm vi các loại “khu” mà doanh nghiệp chỉ trả chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng. Cụm từ “các khu” được sử dụng trong quy định là chưa cụ thể, có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất giữa các đối tượng áp dụng. Trên thực tế, hiện nay tồn tại nhiều loại hình khu vực có hoạt động đầu tư, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng như: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao và các khu vực phát triển hạ tầng khác. Việc không làm rõ phạm vi này có thể gây ra vướng mắc trong quá trình thực hiện, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định tính hợp lý của khoản chi để được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.	
		Tại tiểu điểm b.10, Điểm b, Khoản 1, Điều 9: Đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn rõ hoặc bổ sung các trường hợp thực tế cho thấy có khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng và đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hỗ trợ. → Khoản 1 của tiểu điểm b.10 quy định khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng nhưng đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó, khoản 2 của tiểu điểm b.10 nêu rằng công trình công cộng, cơ sở hạ tầng là công trình không phục vụ mục đích kinh doanh. Quy định này chưa nêu rõ liệu khoản chi nào hỗ trợ xây dựng công trình công cộng nhưng lại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hỗ trợ mà công trình này không phục vụ mục đích kinh doanh.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.
		Tại tiểu điểm b.12, Điểm b, Khoản 1, Điều 9: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung về Quỹ phòng, chống thiên tai vào dự thảo Nghị định. Việc bổ sung có thể được thực hiện tại tiểu điểm b.12 hoặc tại tiểu điểm b.5, điểm b, khoản 1, Điều 9 liên quan đến khoản chi tài trợ cho hoạt động phòng, chống thiên tai. → Quy định tại khoản này chưa đề cập đến Quỹ phòng, chống thiên tai được thành lập theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP. Mặc dù khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP đã quy định rõ về việc khoản đóng góp, tài trợ tự nguyện cho Quỹ này được tính vào chi phí được trừ, tuy nhiên, đề	Tại điểm b12 là khoản đóng góp có tính chất “bắt buộc” vào các Quỹ nên Quỹ phòng, chống thiên tai không thuộc đối tượng quy định tại điểm này. Tuy nhiên, tại điểm b5 dự thảo Nghị định đã quy định: “<i>Khoản tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh bằng tiền hoặc hiện vật quy định tại điểm này gồm: tài trợ để phòng, chống, khắc phục hậu quả</i>

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đảm bảo tính hệ thống và tập trung các quy định liên quan đến thuế trong cùng một văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN, tiêu điểm b.12 vẫn nên liệt kê Quỹ phòng, chống thiên tai vào dự thảo Nghị định này.	<i>thiên tai, dịch bệnh trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; tài trợ cho cá nhân bị thiệt hại thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật”.</i>
	PWC	Tại điểm m khoản 2 Điều 9: Quý cơ quan cân nhắc giới hạn hoặc đưa ra hướng dẫn cụ thể hơn để áp dụng điều khoản này. → Quy định này khá rộng, chẳng hạn trong trường hợp pháp luật chuyên ngành không có hướng dẫn cụ thể “điều kiện chi”, “nội dung chi” nào là được phép, hoặc không được phép thì sẽ dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Quý cơ quan cân nhắc giới hạn hoặc đưa ra hướng dẫn cụ thể hơn để áp dụng. Chẳng hạn như đối với các chi phí khuyến mại, thì có thể hiểu pháp luật chuyên ngành sẽ là luật thương mại và các văn bản hướng dẫn. Theo đó, trong luật thương mại hay các văn bản hướng dẫn sẽ không có một điều khoản cụ thể về “điều kiện chi” hay “nội dung chi” của các chi phí khuyến mại. Tuy nhiên, sẽ có điều khoản quy định về các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại. Liệu có thể hiểu rằng, nếu chi phí khuyến mại không liên quan đến các hành vi bị cấm thì được hiểu là đã đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành?	Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định chi tiết điểm này.
		Tại điểm b.9 khoản 1 Điều 9: Quý cơ quan cân nhắc loại bỏ yêu cầu về việc phải có <u>“bản báo cáo nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm mới gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành”</u>. Quý cơ quan cân nhắc loại bỏ yêu cầu <u>“Sản phẩm mới phải có đầy đủ hồ sơ về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm mới gửi cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”</u> Quý cơ quan cân nhắc làm rõ định nghĩa “chi phí khôi phục” trong điều khoản <u>“Chi phí khôi phục, hoàn nguyên, đóng cửa doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị</u>	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.</i>” Quý cơ quan cần nhắc bổ sung: <i>“Chi phí vất vả do áp dụng kỳ lương, kỳ chi phí vất vả tháng.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh các khoản chi như: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi (không thuộc trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề) thì các khoản chi này thuộc các khoản chi không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế <u>nhưng được tính vào kỳ tính thuế tiếp theo khi thực tế chi trả và có đầy đủ chứng từ theo quy định tại điều này</u>”</i> Trong hoạt động kinh doanh, đa số doanh nghiệp được tự do quyết định về các khoản <i>“Chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, chuẩn bị cho việc sản xuất sản phẩm mới, chi phí đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm mới”</i>. Đối với các ngành sản xuất dịch vụ thông thường, không có quy định nào yêu cầu doanh nghiệp phải nộp báo cáo phát triển thị trường hoặc phát triển sản phẩm mới đến cơ quan quản lý nhà nước. Tương tự, đối với các khoản phí giới thiệu/marketing sản phẩm, hiện nay không có quy định <i>“nào yêu cầu doanh nghiệp phải gửi hồ sơ về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm mới”</i>. Doanh nghiệp về cơ bản được phép hoạt động, phát triển sản phẩm theo đúng ngành nghề đã được cấp phép tại Giấy phép đăng ký đầu tư, giấy phép đăng ký doanh nghiệp. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp phải lập hồ sơ về chủ trương đầu tư là chưa sát với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, chúng tôi đề xuất: 1) Loại bỏ yêu cầu về việc phải có <u><i>“bản báo cáo nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm mới gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành”</i></u>. 2) Loại bỏ yêu cầu <u><i>“Sản phẩm mới phải có đầy đủ hồ sơ về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm mới gửi cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”</i></u> nhằm mục đích: - Giảm gánh nặng, và đơn giản hóa về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp;	Đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định cho phù hợp. Đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Đưa quy định sát với thực tiễn kinh doanh; - Tạo thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp tập trung phát triển kinh doanh, đổi mới sáng tạo. Đối với “Chi phí khôi phục, đóng cửa doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.”, Quý cơ quan cần nhắc làm rõ “Chi phí khôi phục” được hiểu là gì. Nếu khoản chi phí này được hiểu là chi phí hoàn nguyên môi trường, chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng, thì mặc dù các chi phí này phát sinh sau khi dự án hoàn tất hoặc sau khi đã hoàn trả mặt bằng, tuy nhiên khoản chi phí này là cần thiết và là nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thực hiện (chẳng hạn theo hợp đồng với bên cho thuê, nếu tại thời điểm ký hợp đồng ban đầu, doanh nghiệp không đồng ý thực hiện nghĩa vụ này thì doanh nghiệp cũng không thể thuê được tài sản để thực hiện dự án, tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh), do đó, Quý cơ quan cần nhắc khoản chi trích trước/dự phòng này vẫn nên được xem xét là một khoản chi có liên quan đến hoạt động kinh doanh và được trừ cho mục đích tính thuế TNDN. Đối với khoản “Chi phí vất vả năm do áp dụng kỳ lương, kỳ chi phí vất vả tháng”, bao gồm các khoản chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi, Quý cơ quan nên cần nhắc khoản chi này chỉ là một khoản điều chỉnh mang tính chất tạm thời, nghĩa là trong kỳ tính thuế hiện tại, doanh nghiệp chưa thực hiện chi trả nên sẽ không được tính vào chi phí được trừ. Tuy nhiên, trong kỳ tính thuế tiếp theo khi doanh nghiệp đã thực tế chi trả, có hóa đơn chứng từ để hỗ trợ khoản chi, thì khoản chi nên được tính vào chi phí được trừ.	Trích lập dự phòng thực hiện theo quy định của pháp luật dự phòng; trích trước thực hiện theo điểm 2.7 khoản 2 Điều 9 dự thảo. Dự thảo quy định nội dung này nhằm đơn giản chính sách, đồng thời phản ánh khoản thực chi mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện khôi phục, đóng cửa doanh nghiệp. Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Nghị định
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại tiểu điểm b5 điểm b khoản 1 Điều 9: 1. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: <i>Khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các tổ chức, cá nhân, bao gồm: ...; chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức có chức năng huy động tài trợ cho nghiên cứu</i>	Việc quy định cụ thể các đối tượng được áp dụng tiêu điểm này thuộc chức năng/phạm vi của pháp luật chuyên ngành, cụ thể là pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do đó, tại dự thảo Nghị định đã dẫn chiếu “chuyên gia, nhà khoa học, cá

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật”.</i> a) Đề thực hiện được một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần có sự tham gia của nhiều cá nhân, đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định cụ thể các đối tượng được áp dụng tiêu điểm này. b) Gạch đầu dòng thứ 7, đề nghị sửa “<i>quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố</i>” thành “<i>quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố hoặc quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>”, đồng thời, đề nghị bổ sung thêm đối tượng “<i>quỹ đổi mới công nghệ quốc gia</i>”, “<i>quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương</i>” và “<i>trung tâm đổi mới sáng tạo</i>”. → Lý do: Điều 65 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc sửa lại quy định như trên để bảo đảm các quỹ, các loại hình quỹ (được thành lập theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025) đều được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Bổ sung đối tượng “quỹ đổi mới công nghệ quốc gia”, “quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương” và “trung tâm đổi mới sáng tạo” phù hợp với quy định tại Điều 64 và Điều 40 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Khoản 2 Điều 47 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về công nhận các loại hình tổ chức trong đó có trung tâm đổi mới sáng tạo.	nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”. Tiếp thu một phần, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
		Tại điểm b.6 khoản 1 Điều 9: cần ban hành hướng dẫn cụ thể về các loại chi phí được tính, các tiêu chí rõ ràng để xác định “<i>hoạt động nghiên cứu và phát triển</i>” như đã nêu tại mục 1 của văn bản này.	Đã bổ sung thêm điều kiện được tính vào chi phí được trừ tại điểm này. Tuy nhiên, việc xác định khoản chi nào là chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thuộc phạm vi của pháp luật chuyên ngành (pháp luật về

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ số) nên đề nghị Bộ KH&CN nghiên cứu ban hành danh mục cụ thể các khoản chi này để tránh vướng mắc trong thực hiện.
	Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (Kocham)	Tại khoản 2.6 Điều 9: Kiến nghị Dự thảo Nghị định cần quy định rõ doanh thu tương ứng dùng để xác định chi phí được trừ có thể phát sinh trong kỳ tính thuế hiện tại, trong quá khứ hoặc tương lai, miễn là có cơ sở hợp lý để xác định mối liên hệ giữa chi phí và doanh thu đó. → Tại khoản 2.6 về chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), hiện một số doanh nghiệp thành viên Kocham có tài sản là máy móc thiết bị đã dừng sản xuất và có quyết định thanh lý. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) trong trường hợp doanh nghiệp đã có quyết định giải thể thì vẫn phải tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định cho đến khi tài sản thực sự được thanh lý. Tuy nhiên, cơ quan thuế hiện không chấp nhận chi phí khấu hao trong giai đoạn này là chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này cũng thiếu sự nhất quán với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật thuế TNDN, theo đó chi phí khấu hao của tòa nhà trong thời gian không có người thuê vẫn được coi là chi phí được trừ. Trong cả hai trường hợp, tài sản đều không tạo ra doanh thu tại thời điểm phát sinh chi phí, nhưng vẫn cần được khấu hao theo quy định kế toán. Bên cạnh đó, theo quy định tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật thuế, nguyên tắc chung là chi phí được tính vào chi phí được trừ phải có doanh thu tương ứng, trừ một số trường hợp ngoại lệ được quy định cụ thể. Tuy nhiên, khái niệm "doanh thu tương ứng" vẫn chưa được làm rõ về mặt thời gian: doanh thu này có bắt buộc phải là doanh thu của năm hiện tại, hay có thể là doanh thu phát sinh trong quá khứ hoặc tương lai.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì tài sản cố định đã dừng sản xuất và có quyết định thanh lý thì không còn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên không được trích khấu hao theo nguyên tắc tại tiết a điểm này. Hiện vẫn còn quy định khác nhau giữa pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Do đó, để thực hiện mục đích lập Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, để xác định nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.
		Tại tiểu khoản 2.2 khoản 2 Điều 9: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp mới có quy định rằng nếu doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật khác thì các chi phí liên quan có thể không	Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định rõ nội dung này.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		được coi là chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế. Liên quan đến nội dung này, đề nghị trong Nghị định hướng dẫn cần quy định một cách rõ ràng và cụ thể: Vi phạm ở mức độ nào? Mức độ liên quan giữa hành vi vi phạm và chi phí phát sinh đến đâu thì mới bị coi là không được trừ vào chi phí hợp lý. Ví dụ: Trong trường hợp doanh nghiệp vận chuyển sản phẩm đến khách hàng nhưng người lái xe vi phạm tín hiệu giao thông trong quá trình vận chuyển, thì chi phí vận chuyển này có bị coi là không hợp lệ về mặt thuế hay không? Tương tự, nếu thời gian làm thêm của người lao động vượt quá giới hạn do Bộ luật Lao động quy định, nhưng doanh nghiệp vẫn trả tiền làm thêm giờ theo hợp đồng lao động đã ký và người lao động thực tế đã làm việc trong thời gian đó, thì đây không thể bị coi là hành vi bất hợp pháp. Trong trường hợp đó, tiền lương làm thêm vẫn là khoản chi trả hợp pháp và không nên bị loại khỏi chi phí hợp lý khi tính thuế. Mặt khác, khi vi phạm các luật khác, doanh nghiệp có thể đã bị xử phạt hành chính (ví dụ: phạt tiền). Nếu trong trường hợp này, ngoài tiền phạt không được tính vào chi phí, các chi phí liên quan khác cũng bị loại, thì doanh nghiệp sẽ bị "phạt hai lần" cho cùng một hành vi – vừa chịu xử phạt hành chính, vừa bị loại trừ chi phí về thuế. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị: Nghị định cần giới hạn rõ ràng và cụ thể các trường hợp chi phí không được công nhận do vi phạm pháp luật khác, thay vì áp dụng chung chung, để đảm bảo tính công bằng và minh bạch cho doanh nghiệp.	
	Bộ Y tế	Tại điểm b5 (trang 22) khoản 1 Điều 9, đề nghị bổ sung khoản chi được trừ khi tính thu nhập chịu thuế: Khoản tài trợ cho các tổ chức, cơ sở hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tàn tật, người già không nơi nương tựa mà khoản tài trợ không phải là để góp vốn, mua cổ phần ở các tổ chức, cơ sở đó.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung khoản tài trợ đã được quy định tại điểm b5 khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
	Bà Phạm Thu Hà	Tôi xin phép có ý kiến về chi phí khấu hao máy móc trong trường hợp số lượng hàng hóa được sản xuất dưới công suất thông thường. Những chi phí khấu hao ứng với tỷ lệ chênh lệch giữa công suất thực tế thấp hơn so với công suất bình thường đang bị loại ra khỏi chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	Nội dung này chưa rõ hiện doanh nghiệp đang lựa chọn thực hiện trích khấu hao theo phương pháp nào?

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(TNDN) trong các cuộc thanh tra, kiểm tra với lý do “chi phí không tương ứng với doanh thu”. Các doanh nghiệp sản xuất mới thành lập hoặc trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh gần hết khấu hao do nhận được đơn đặt hàng, chưa đạt đến mức công suất sản xuất bình thường (đã đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư). Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 (VAS 02), “Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất... Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định chỉ được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ”. Doanh nghiệp thực hiện ghi nhận theo VAS 02 là ghi nhận phần chi phí cố định (mà đại diện là chi phí khấu hao máy móc) vào giá vốn hàng bán để đi thẳng vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không đi qua tài khoản hàng tồn kho. Tuy nhiên, những chi phí này lại bị loại khỏi chi phí được trừ khi tính thuế TNDN do “chi phí không tương ứng với doanh thu”. Những chi phí này là chi phí thực tế phát sinh của doanh nghiệp. Không một doanh nghiệp nào khi hoạt động lại mong muốn sản xuất ít, không bán được sản phẩm. Khi gặp khó khăn trong việc bán hàng, doanh nghiệp không thể duy trì sản xuất số lượng lớn để tránh tồn kho lớn thì lại bị loại những chi phí này ra khi tính thuế TNDN, khiến doanh nghiệp khó khăn chồng chất khó khăn.	Đây là vướng mắc cụ thể cần có đủ thông tin thì mới có cơ sở trả lời kiến nghị của Cá nhân (vướng mắc chính sách hiện hành về khấu hao)
	Bà Thanh Trúc	Tại khoản 1 Điều 9: <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> 1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:” → Tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ, người nộp thuế trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh rất nhiều chi phí mới và không được ghi rõ trong Nghị định. Do đó, tinh thần Nghị định cần cởi mở để người nộp thuế có thể mạnh dạn đầu tư, áp dụng	Ý kiến tham gia về câu chữ, Ban soạn thảo đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để đảm bảo văn phong của văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung này cũng đã được thể hiện tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoặc triển khai các công nghệ, ý tưởng mới và chi trả các chi phí liên quan đến phát triển tình hình kinh doanh dù chưa được thể hiện rõ trong Nghị định.	
		Tại điểm b.2 Khoản 1 Điều 9: <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>“b.2) Khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của hệ thống tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong doanh nghiệp.”</i> → Tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam được quy định tại các luật chuyên ngành và có hệ thống tổ chức phức tạp bao gồm các cấp trung ương, cơ sở và thường trực thuộc tổ chức tổng, chi là có đại diện nằm tại doanh nghiệp (ví dụ: Công đoàn là tổ chức chính trị-xã hội, nhưng công đoàn cơ sở lại trực thuộc Liên đoàn lao động Thành phố và có đại diện tại doanh nghiệp). Theo các luật về tổ chức “các tổ chức chính trị - xã hội”, tài chính được sử dụng cho nhiều nhiệm vụ không chỉ là để duy trì hoạt động của tổ chức mà còn để hỗ trợ cho các cá nhân tham gia tổ chức -ví dụ như công đoàn có nhiệm vụ “đào tạo đoàn viên, thăm hỏi, trợ cấp cho đoàn viên, chi trả phụ ” Do đó, nếu chỉ giới hạn mục đích chi để “hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức” thì không phù hợp cho tinh thần và sứ mệnh hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
		Tại điểm b.3 Khoản 1 Điều 9: <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>“b.3) Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động bao gồm:</i> + <i>Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học.</i> + <i>Chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp.</i> + <i>Các chi phí đào tạo khác cho người lao động của doanh nghiệp thuộc chính sách đào tạo, phát triển nhân sự của Công ty. Công ty quy định chi tiết bằng văn bản chính sách đào tạo tại Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể hoặc Quy chế hoạt động của Công ty”</i> → Đối mặt với yêu cầu gia tăng giá trị của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó chất lượng nhân sự Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng, một số công ty (đặc biệt là tập đoàn đa quốc gia) có chính sách cho nhân viên sang các	Dự thảo Nghị định đã được chỉnh sửa cho phù hợp thực tiễn.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công ty thành viên ở các quốc gia khác/đối tác chiến lược để đào tạo, học tập nghiệp vụ kết hợp với làm việc thực tế, tiếp nhận kiến thức, quy trình làm việc tối ưu (tương tự như các quốc gia hay cử đoàn công chức sang các quốc gia khác trao đổi), những chính sách này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Việc mở rộng phạm vi được trừ cho các khoản chi phí này sẽ giúp các công ty Việt Nam mạnh dạn hơn trong việc đẩy mạnh đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng.	
		Tại điểm b.4 Khoản 1 Điều 9 khoản tài trợ về y tế: 1. - Đề nghị quy định rõ hơn về như thế nào là “<i>cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế</i>” – chỉ các tổ chức được Bộ Y Tế/Sở Y Tế cấp phép thành lập mới là “<i>cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế</i>” hay bao gồm cả các tổ chức được thành lập theo luật chuyên ngành (Cấp phép bởi Bộ Nội Vụ, Bộ Khoa học công nghệ) nhưng được quản lý chuyên môn bởi Bộ Y Tế, điều lệ quy định hoạt động trong lĩnh vực y tế. - Đề nghị mở rộng “<i>hình thức tài trợ y tế</i>” thông qua cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định pháp luật bao gồm: (i) tài trợ bằng tiền hoặc (ii) tài trợ bằng hiện vật - Đề nghị mở rộng “<i>đối tượng thụ hưởng khoản tài trợ y tế</i>” bao gồm cả cộng đồng cho hoạt động nâng cao nhận thức phòng bệnh, chữa bệnh sớm do đối tượng này không phải người bệnh. <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>“Khoản tài trợ cho y tế quy định tại tiết này gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật về y tế, pháp luật chuyên ngành và được quản lý bởi cơ quan y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế tổ chức được cấp phép hoạt động khám chữa bệnh theo pháp luật; tài trợ bằng tiền cho người bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.”</i> → Lý do: 1. Thực tiễn, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực y tế rất đa dạng và đều có nhiệm vụ cải thiện hệ thống y tế; đồng thời như một hoạt động thường xuyên của	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngành y tế, các công ty dược/cung cấp thiết bị y tế hay tài trợ với các hội, hiệp hội (Tổng hội y học Việt Nam, hiệp hội y học Tp HCM, hội tim mạch, hội thấp khớp, hội gan mật, v.v), trung tâm đào tạo nghiên cứu, viện hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng được thành lập theo luật Khoa học công nghệ (Trung tâm Nghiên cứu và Đánh giá Kinh tế Y tế, Viện nghiên cứu phòng chống ung thư, v.v) (gọi chung là các cơ sở, tổ chức được cấp phép theo các luật chuyên ngành nhưng có nghiệp vụ và sứ mệnh hoạt động trong lĩnh vực y tế) để hợp tác tổ chức hội thảo chuyên đề về, các buổi sinh hoạt khoa học cho cán bộ y tế, triển khai các dự án nghiên cứu y tế nhỏ. Đồng thời các quy định pháp luật chuyên ngành về y tế đều không định nghĩa như thế nào là “cơ sở y tế” trừ danh sách liệt kê tại Thông tư 20/2019/TT-BYT gần đây nhưng lại thuộc văn bản dưới Luật và Nghị định Do đó, chưa thể xác định được liệu các tổ chức trên có được xem là cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế hoặc không rõ tài trợ cho các trung tâm đào tạo, nghiên cứu cho y tế được xếp vào hình thức tài trợ cho y tế hay giáo dục, nghiên cứu. 2. Đoạn “<i>tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế</i>” - theo Điều 48 Luật khám, chữa bệnh thì ngoài “bệnh viện, trung tâm y tế” có rất nhiều hình thức tổ chức của cơ sở khám chữa bệnh như: bệnh xá, nhà hộ sinh, viện có giường bệnh (như Viện truyền máu huyết học truyền máy trung ương), v.v, như vậy khi người nộp thuế tài trợ cho hoạt động thường xuyên khám chữa bệnh của các tổ chức này thì có thuộc khoản chi tài trợ y tế được trừ của Nghị định không. Việc ghi khái quát theo luật chuyên ngành giúp tạo sự công bằng trong tiếp cận nguồn tài trợ và không tạo cách hiểu khác biệt giữa người nộp thuế và cơ quan thuế quản lý khi giải trình về khoản tài trợ. 3. Đoạn “... <i>chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật</i>” hiện đang không còn phù hợp với thực tế: → Việc giới hạn “tài trợ bằng tiền” gây khó khăn cho bên tài trợ khi muốn kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng khoản tài trợ của tổ chức có chức năng nhận tài trợ và của bệnh nhân (ví dụ như Covid-19 vừa rồi rất nhiều tổ chức, công ty tài trợ vật tư y tế, thiết bị y tế trực tiếp cho MTTQ Việt Nam chứ không tài trợ tiền và CV 1440/TCT-CS cũng cho phép các tổ chức này tài trợ bằng hiện vật cho bệnh	Tiếp thu, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung “tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật”

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhân.) Đại dịch Covid-19 vừa rồi cho thấy tầm quan trọng của việc tuyên truyền, cải thiện, nâng cao nhận thức phòng bệnh trong cộng đồng, phát hiện và điều trị bệnh sớm ở bệnh nhân và hiện Bộ Y T đang dự thảo Luật Phòng bệnh sẽ góp phần tạo hành lang pháp lý cho hoạt động này. Theo tinh thần trên, các các công ty tài trợ tài chính và kết hợp với các quỹ, bệnh viện, các cơ quan y tế thực hiện các chiến dịch giáo dục cộng đồng về các căn bệnh, hành vi sinh hoạt (Chiến dịch “Vì một Việt Nam không gánh nặng bệnh tật bởi HPV của Bộ Y Tế”, Chiến dịch #TiktokForHealth giữa Tổng Hội Y học Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ bệnh nhân ung thư, Hệ thống Tiêm chủng VNVC và Hệ thống BVĐK Tâm Anh). Việc giới hạn mục đích khác khoản tài trợ “<i>bằng tiền cho người bệnh</i>” gây rất nhiều khó khăn khi các công ty nhận được đề nghị hợp tác từ các tổ chức y tế cho hoạt động truyền thông về nâng cao nhận thức bệnh. 2. Ghi rõ các chi phí tài trợ nếu bên nhận tài trợ sử dụng không đúng mục đích thì bên tài trợ vẫn có thể ghi nhận chi phí được trừ. <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của các khoản tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích của các khoản tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế vẫn tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN cho khoản tài trợ này.</i> → Quy định không ghi rõ trường hợp bên nhận tài trợ sử dụng sai mục đích khoản tài trợ thì chi phí của bên tài trợ có được trừ hay không. Thực tế thanh kiểm tra thuế cho thấy khi bên nhận tiền (cả nhận tài trợ và tiền khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ) vi phạm, thì chi phí của người mua đều không được trừ; cách áp dụng này rất bất cập cho người tài trợ do theo luật định bên tài trợ không có quyền pháp lý để yêu cầu các tổ chức, các bên nhận tài trợ báo cáo hoạt động tài trợ. Mà việc quản lý hoạt động của các tổ chức nhận tài trợ đã do các cơ quan cấp phép hoạt động quản lý.	Nội dung ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích đã được đưa ra khỏi dự thảo Nghị định để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định chỉ quy định một chiều đối với bên tài trợ thực hiện tài trợ đúng quy định, có đủ hồ sơ, chứng từ là được tính vào chi phí được trừ mà không ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích.
		Tại điểm b.9 Khoản 1 Điều 9: 1. Cần quy định rõ năm tính thuế được trừ cho chi phí vất năm này để tránh rơi	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vào phần chi phí không được trừ tại khoản 2.7 dự thảo Nghị định. <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>Chi phí vất vả do áp dụng kỳ lương, kỳ chi phí vất vả tháng thực tế chi trả.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp có chi trả các khoản chi như: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động cho kỳ tính thuế trước liền kề nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi (không thuộc trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề) thì các khoản chi này thuộc các khoản chi không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế thực tế chi trả.</i> → Nghị định hiện đang không ghi rõ “<i>chi phí vất vả</i>” này có cần hóa đơn, chứng từ như điểm c và chứng từ thanh toán tại điểm d của Nghị định hay không để được trừ trong năm tính thuế? Hay được tính vào chi phí được trừ của năm tiếp theo khi có hóa đơn chứng từ và thanh toán không dùng tiền mặt. Nếu hiểu “<i>chi phí vất vả</i>” sẽ được trừ khi tính thuế TNDN năm tiếp theo thì đoạn “<i>chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi</i>” cần phải ghi rõ được trừ vào năm tính thuế phải trả nhưng chưa trả hay năm tiếp theo khi thực trả trước hạn quyết toán thuế. 2. Quy định rõ các chi phí hủy hàng trong khoản này gồm những khoản nào. Quy định “<i>chi phí hủy hàng</i>” được trừ cần có sự linh hoạt cho các ngành chịu điều chỉnh bởi luật chuyên ngành lớn và vì an sinh xã hội như được, thực phẩm – không chỉ giới hạn trong các lý do “<i>hàng tồn kho hư hỏng, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng</i>”. <u>Cần nhắc điều chỉnh:</u> <i>Chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; chi phí phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất. Chi phí hủy hàng tại điểm này bao gồm giá trị hàng hủy và chi phí liên quan đến hoạt động hủy hàng.</i> → “<i>Chi phí hủy hàng</i>” quy định tại ND chưa quy định rõ gồm các loại chi nào;	Nội dung này đã được bỏ ra khỏi dự thảo Nghị định. Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thực tế khi tiến hành hủy hàng sẽ phát sinh chi phí thuê bên thứ 3 chuyên về tiêu hủy hàng và giá trị của các hàng hủy. Một số ngành đặc biệt như ngành thực phẩm, dược, y tế có các quy định rất khắt khe về hoạt động. Ví dụ ngành dược có quy định rõ về Thực hành bảo quản (GSP) và vận chuyển (GDP) thuộc - khoản 12 Phụ lục I Thông tư 03/2018/TT-BYT quy định <i>“12.12. Không được cung ứng hoặc tiếp nhận các thuốc sau khi đã hết hạn sử dụng hoặc gần hết hạn sử dụng đến mức chắc chắn sản phẩm sẽ hết hạn trước khi được sử dụng.”</i> – Nhà nhập khẩu dược nước ngoài theo Luật được không được trực tiếp phân phối và phải phân phối thuốc qua rất nhiều NPP nên khi hàng còn trong kho nhà NK dược thì cận date nhưng khi đến tay người mua thì đã không còn hạn nên sẽ không được phép bán cho NPP và buộc phải tiêu hủy. Ngoài ra, còn có những trường hợp về giấy phép thuốc phải thu hồi thuốc và hủy theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 3. Quy định rõ cách xử lý khoản dự phòng không được tính vào chi phí được trừ tại điểm 2.5 khi xác định <i>“chênh lệch thiếu được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện về khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định”</i> tại điểm này. → Khoản 2.5 Nghị định có quy định <i>“Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng”</i> sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Như vậy, có một số điểm chưa rõ ràng để xác định <i>“trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dùng bù trừ”</i> ở tiết này: (i) phần giá trị không được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại 2.5 được bù trừ vào với giá trị NVL tiêu hủy để xác định <i>“chênh lệch hạch toán giá vốn hàng bán của doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện về khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.”</i>; hoặc (ii) không bù trừ <i>“khoản trích lập dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính”</i> để xác định <i>“phần chênh lệch thiếu được hạch toán”</i> và giá trị NVL tiêu hủy sau khi bù trừ với khoản trích lập dự phòng theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có) được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện về khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc. Ngoài ra, hiện vẫn còn quy định khác nhau giữa pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Do đó, để thực hiện mục đích lập Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, để xác định nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo quy định. Nghị định không ghi rõ giá trị “<i>trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dùng bù trừ</i>” quy định tại điểm này là giá trị được tính theo quy định tại Thông tư 48/2019 hiện hành hay được áp dụng theo chuẩn mực kế toán quốc tế (theo lộ trình tại Quyết định số 345/2020/QĐ-BTC thì sau 2025 là giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS); ngoài ra, Tại khoản 2.5 Điều 9: - Xem xét về một chuẩn mực về ghi nhận khoản dự phòng cho cả thuế và kế toán giúp minh bạch sổ sách và giảm thủ tục phải thực hiện khi tính toán lại dù cùng bản chất là “dự phòng”. - Bổ sung về cách xử lý các khoản “dự phòng không được trừ trong năm tính thuế” nhưng sau đó hoàn nhập, thực sự xử lý khoản dự phòng tại sổ sách kế toán theo quy định về kế toán để thống nhất với quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về “chênh lệch tạm thời để tính tài sản thuế thu nhập hoãn lại/thuế thu nhập hoãn lại phải trả”. → Theo lộ trình tại Quyết định 345/2020/QĐ-BTC thì sau 2025 là giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS, như vậy việc yêu cầu trích lập dự phòng phải đúng theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính để tính vào chi phí được trừ liệu có còn đúng với Quyết định 345 trên hay không. Việc duy trì 2 văn bản pháp luật quy định khác nhau cho một vấn đề sẽ gây khó khăn, bối rối cho người nộp thuế áp dụng và khi IFRS được sử dụng rộng rãi thì việc phải tính toán lại dự phòng theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính chỉ phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết. Nghị định hiện cũng không quy định cách xử lý giá trị hoàn nhập các khoản “dự phòng” bị loại ở kỳ tính thuế trước có được ghi nhận vào chi phí tính thuế của các kỳ tính thuế tiếp theo hay không khi hoàn nhập, giảm giá trị dự phòng về kế toán hoặc khoản dự phòng (ngoại trừ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn NVL quy định trên) thực sự phát sinh. Trong khi Chuẩn mực kế toán VAS hiện đang có quy định về “chênh lệch tạm thời để tính tài sản thuế thu nhập hoãn lại/thuế thu nhập hoãn lại phải trả”	
		Tại điểm d Khoản 2.6 Điều 9: - Xem xét dùng một chuẩn mực về <i>chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài</i>	Hiện vẫn còn quy định khác nhau giữa pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Do đó,

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>sản cố định</i> cho cả thuế và kế toán giúp minh bạch sổ sách và giảm thủ tục phải thực hiện khi tính toán lại dù cùng bản chất là “dự phòng”. - Quy định rõ hơn về việc chi phí khấu hao của tài sản cố định được trừ sẽ chi theo hướng dẫn hiện hành của BTC để đảm bảo tính công bằng và quyền lợi của người nộp thuế khi tài sản vẫn thực sự sử dụng theo khung khấu hao của BTC. → Tương tự như ở trên, Quyết định 345/2020/QĐ-BTC bắt buộc IFRS được sử dụng từ sau 2025, vậy việc yêu cầu trích khấu hao theo yêu cầu của Bộ Tài Chính có còn phù hợp hay không. Khi có sự khác biệt giữa IFRS và quy định của BTC về trích khấu hao thì chi phí khấu hao của tài sản cố định sẽ được trừ đầy đủ theo khung khấu hao của BTC, không cần quan tâm IFRS hạch toán chi phí khấu hao như thế nào do thực tế thanh kiểm tra các năm qua, nhiều đoàn kiểm tra sẽ không cho người nộp thuế được tiếp tục trích khấu hao để tính thuế TNDN theo khung của BTC khi thời gian khấu hao tự quyết định của người nộp thuế chấm dứt trước.	để thực hiện mục đích lập Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, để xác định nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.
		Tại điểm g khoản 2.8 Điều 9: - Mở rộng mục đích cử người lao động di chuyển do nhu cầu và nhiệm vụ công việc cho cả trong và ngoài tỉnh thành và việc chi trả/hoàn trả chi phí được quy định trong Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ. - Quyết định và văn bản cho người nước ngoài đi công tác không bắt buộc khi di chuyển trong cùng tỉnh/thành vì mục đích công việc thường xuyên. - Không yêu cầu cụ thể hóa đơn cho trường hợp công tác nước ngoài, chỉ yêu cầu chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho khoản chi từ 5 triệu và chứng từ chứng minh chi phí thực sự phát sinh (ví dụ: biên lai quẹt thẻ, thu tiền có đồng ngoại tệ của nước công tác.) → Tùy vào tính chất công việc như team sale, người lao động có thể di chuyển nhiều giữa các đối tác làm việc trong thành phố và sẽ phải tự thanh toán một số chi phí và yêu cầu công ty thanh toán không dùng tiền mặt lại sai; ngoài ra, sau Nghị quyết về thay đổi địa giới hành chính sát nhập tỉnh, việc di chuyển trong cùng một thành phố sẽ dài hơn và có thể sẽ phát sinh các chi phí lưu trú trong cùng tỉnh/thành phố. Việc chỉ giới hạn mục đích “<i>đi công tác</i>” với cách hiểu “<i>phải là di chuyển khác tỉnh/thành phố</i>” trước giờ khi thực hành thanh kiểm tra	Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định trong trường hợp doanh nghiệp uỷ quyền cho người lao động trực tiếp mua hộ hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ 5 triệu đồng trở lên, mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thì tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế không còn phù hợp với tình hình địa giới hành chính hiện tại từ ngày 01/07. Thực tế cho thấy khi công tác nước ngoài, sẽ rất khó để lấy hóa đơn do quy định về hóa đơn (tùy NCC có hóa đơn hay không) và thời điểm xuất hóa đơn của các nước rất khác nhau; việc yêu cầu cụ thể hóa đơn từ NCC ở nước ngoài tạo rất khó khăn hành chính cho doanh nghiệp cũng như người lao động.	
		Tại Khoản 2.12 Điều 9: - Quy định về nguyên tắc “thuế TNDN nộp thay NTNN được trừ khi xác định chi phí được trừ” và bỏ đoạn “mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp” - bỏ đoạn “thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân” - bỏ đoạn “tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế.” → Lý do: - Thực tế thanh kiểm tra thuế các năm qua cho thấy cơ quan thuế hay chất vấn và loại trừ chi phí thuế TNDN nộp thay khi hợp đồng nhà thầu nước ngoài quy định doanh thu nhà thầu nước ngoài đã bao gồm thuế TNDN; dù về nguyên tắc về nghĩa vụ khấu trừ, kê khai nộp thuế NTNN: + TH1: Nếu hợp đồng quy định doanh thu đã bao gồm thuế TNDN, Công ty Việt Nam luôn khấu trừ thuế TNDN trước khi thanh toán và nhà thầu luôn nhận được giá trị ít hơn giá trị trên hợp đồng; hoặc + TH2: Nếu hợp đồng quy định doanh thu không bao gồm thuế NTNN, Công ty Việt Nam trích thêm chi phí để nộp thuế NTNN và ghi nhận chi phí. Như vậy việc chỉ cho TH2 được trừ phần thuế TNDN nộp thay bất cập dù cả 2 TH đều tuân thủ quy định về thuế. - Tương tự với thuế TNCN vì thực tế sẽ có trường hợp doanh nghiệp hạch toán riêng biệt các khoản phải trả để dễ quản lý và bị các đoàn thanh kiểm tra loại trừ chi phí dù đây là kỹ thuật hạch toán. Ngoài ra, tiết 1 điều 9 luật thuế TNDN 2025 không quy định về “thuế TNCN”, bổ sung tại dự thảo không phù hợp với Luật. Đoạn “tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế.” bị trùng với	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành. Ngoài ra, nếu trong doanh thu trả cho nhà thầu nước ngoài không bao gồm khoản thuế nhưng doanh nghiệp phải nộp thay thuế cho nhà thầu thì doanh nghiệp sẽ phải nộp thêm khoản thuế cho nhà thầu, làm tăng chi phí của doanh nghiệp; ngược lại, nếu trong doanh thu trả cho nhà thầu đã bao gồm khoản thuế nhà thầu thì doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí đối với khoản doanh thu này (trong doanh thu đã có thuế trả cho nhà thầu) để đảm bảo không tính trùng tiền thuế trả cho nhà thầu khi tính vào chi phí của doanh nghiệp. Tương tự như trên đối với thuế TNCN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khoản 2.2	
	Ông Nguyễn Quốc Thái	Tại khoản 1 Điều 9: -Nên bỏ yêu cầu "gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành" và thay thế bằng các yêu cầu về hồ sơ nội bộ rõ ràng, minh bạch (ví dụ: quyết định của Ban giám đốc, báo cáo nghiên cứu nội bộ, kế hoạch marketing, biên bản nghiệm thu...) để chứng minh tính hợp lý và sự cần thiết của các khoản chi này. - Hoặc, nếu muốn duy trì yếu tố "pháp luật chuyên ngành", thì cần quy định rõ ràng trường hợp nào pháp luật chuyên ngành yêu cầu "gửi" và trường hợp nào không, để tránh hiểu lầm và áp dụng cứng nhắc. - Đảm bảo nguyên tắc "chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh" là ưu tiên hàng đầu, chứ không phải là yêu cầu về thủ tục hành chính rườm rà. → Điều 9.1.b.9 liệt kê các khoản chi như: chi phí đấu thầu, nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới không thành công, tiền thuê đất/cơ sở hạ tầng khi chưa hoạt động, khấu hao tài sản cho thuê khi chưa có khách, chi phí khôi phục/đóng cửa doanh nghiệp, chi phí marketing sản phẩm mới trước khi bán, chi phí vật nắm, chi phí hủy hàng tồn kho/tài sản cố định. ☐ Tuy nhiên, lại đặt ra một số điều kiện khá cứng nhắc: "Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi phí trên khi có đầy đủ bản báo cáo nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm mới gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành." hoặc "Sản phẩm mới phải có đầy đủ hồ sơ về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm mới gửi cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành." ☐ Phân tích: Yêu cầu "gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành" có thể tạo thêm gánh nặng thủ tục hành chính không cần thiết và không thực tế cho doanh nghiệp. Không phải mọi hoạt động nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm mới hay marketing đều có quy định phải "gửi" cho cơ quan quản lý nhà nước. Điều này có thể làm cho các chi phí thực tế và cần thiết của doanh nghiệp bị loại trừ vì lý do thủ tục, không khuyến	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khích đổi mới và phát triển sản phẩm.	
		Tại điểm b.3 khoản 1 Điều 9: Ban soạn thảo làm rõ giúp đối tượng “người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp” để thoả chi phí đào tạo được trừ thuế TNDN. Làm rõ: “giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động” thì có ràng buộc khoá học đó phải liên quan đến nghề nghiệp được phân công/giao cho người lao động hay không? → Quy định “Chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp” chưa rõ là có bao gồm chi phí đào tạo cho nhân viên đã vào làm việc trong 1 thời gian nhất định? “giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động” thì có ràng buộc khoá học đó phải liên quan đến nghề nghiệp được phân công/giao cho người lao động hay không?	Tiếp thu, tại dự thảo Nghị đã bổ sung quy định rõ các khoản chi và điều kiện chi tại điểm này.
		Tại điểm c khoản 1 Điều 9: Khuyến nghị quy định rõ tại Nghị định: “d) Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ về thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp chi phí không cần hoá đơn cho mục đích thuế theo quy định” → Cần nêu ra ví dụ như: biên bản xác nhận của người bán đã nhận tiền (nếu người mua trả bằng tiền mặt); hoặc lệnh chuyển khoản ngân hàng (nếu người mua chuyển khoản),.... để làm cơ sở cho người mua yêu cầu người bán ký xác nhận. Trong trường hợp dùng “Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp kinh doanh ký và chịu trách nhiệm.” thì chúng tôi hiểu là không cần đáp ứng điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt. Khái niệm “chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt” hiện chưa được làm rõ.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định
		Tại điểm b.5 khoản 1 Điều 9: Khuyến nghị ban soạn thảo quy định rõ hơn như sau:	Nội dung ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích đã được đưa ra khỏi dự

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của các khoản tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích của các khoản tài trợ thì bên nhận tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, bên tài trợ được trừ các chi phí tài trợ nếu thoả các điều kiện khác theo quy định nêu trên” → Chúng tôi chưa rõ quy định “Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của các khoản tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích của các khoản tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.” có ảnh hưởng đến chi phí được trừ thuế TNDN của bên tài trợ hay không vì Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 9 quy định: “2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi). 2.22. Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	thảo Nghị định để đảm bảo nguyên tắc dự thảo Nghị định chỉ quy định một chiều đối với bên tài trợ thực hiện tài trợ đúng quy định, có đủ hồ sơ, chứng từ là được tính vào chi phí được trừ mà không ràng buộc bên nhận tài trợ phải sử dụng đúng mục đích.
		Tại điểm b.9 khoản 1 Điều 9: 1. Đề nghị bổ sung các chi phí sau: Điểm b.9 liệt kê một số khoản chi phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ nhưng chưa cân nhắc những khoản chi phí sau (vì cũng thường xuyên phát sinh ở doanh nghiệp): - Chi phí khấu hao tài sản cố định (hữu hình hoặc vô hình) theo mục đích kế toán có thời gian hữu dụng kép dài hơn cho mục đích thuế (ví dụ thời gian hữu dụng cho mục đích kế toán là 10 năm nhưng cho mục đích thuế chỉ có tối đa 3 năm) thì trong kỳ thuế năm thứ 4 trở đi, chi phí kế toán vẫn còn hạch toán vào sổ sách nhưng chi phí thuế lại bằng 0 thì khi khai quyết toán thuế, doanh nghiệp phải điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN lên tương ứng (để khớp với cách tính thuế TNDN hoặc lại phải trả của kế toán). - Các khoản trích trước vào chi phí năm trước theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí để xác định thu nhập chịu thuế do chưa có đủ hoá đơn chứng từ. Sang năm sau khi các khoản này đã thực chi, cơ sở kinh doanh được quyền đưa các khoản này vào chi phí. Do các chi phí này đã được đưa vào Báo	Hiện vẫn còn quy định khác nhau giữa pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Do đó, để thực hiện mục đích lập Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán, để xác định nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cáo kết quả kinh doanh của năm trước nên không được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh của năm nay. Vì vậy, cơ sở kinh doanh sẽ thực hiện điều chỉnh tăng chi phí để thể hiện các khoản chi này. 2. Doanh nghiệp mong bổ sung đoạn sau vào điểm b.9: <i>“b.9) Một số khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: ...</i> <i>Chi phí phát triển kênh phân phối ra tới khách hàng tiêu dùng cuối cùng.</i> → Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải chi nhiều chi phí để phát triển kênh phân phối ra tới người tiêu dùng cuối cùng. Chi phí này bao gồm các chi phí để phát triển đại lý cấp 1, cấp 2,..., người tiêu dùng cuối cùng. Chi phí này là cần thiết để doanh nghiệp phát triển bền vững. Tuy nhiên, hiện tại vẫn có quan điểm các chi phí này là khoản chi gián tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó tạo rủi ro thuế cho doanh nghiệp trong ghi nhận chi phí được trừ, khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển kênh phân phối lớn mạnh và bền vững. 3. Đề nghị bổ sung như sau: <i>“b.9) Một số khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: ...</i> - <i>Chi phí vất vả năm do áp dụng kỳ lương, kỳ chi phí vất tháng.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh các khoản chi như: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi (không thuộc trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề) thì các khoản chi không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế. Các khoản chi này sẽ được ghi nhận vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế mà việc chi trả thực tế được tiến hành.”</i> → Do các khoản chi phí tiền lương tiền công là khoản chi thực tế phát sinh, doanh nghiệp mong được làm rõ việc khi doanh nghiệp thanh toán sẽ được ghi nhận các khoản chi phí này là chi phí được trừ vào kỳ tính thuế năm phát sinh việc thanh toán.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định, theo đó doanh nghiệp sẽ được tính vào chi phí được trừ khoản chi phát triển kênh phân phối trực tiếp thuộc doanh nghiệp. Theo nguyên tắc này thì chi phí cho phát triển đại lý cấp 2 sẽ được tính vào chi phí được trừ của đại lý cấp 1,... Nội dung này đã được bỏ ra khỏi dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tại điểm g khoản 2.8 Điều 9: 1. Khuyến nghị đổi thành: “thanh toán bằng phương pháp không dùng tiền mặt” → Nếu ghi là thẻ ngân hàng, vậy thì trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản hoặc các phương thức thanh toán không bằng tiền mặt khác là không được chấp nhận? 2. Khuyến nghị ban soạn thảo nghiên cứu áp dụng nguyên tắc thanh toán không dùng tiền mặt nhất quán với quy định về thuế GTGT cho doanh nghiệp không bị rối. Đồng thời, thời điểm hiệu lực của Luật thuế TNDN số 67 là từ ngày 01/10/2025 và áp dụng lùi cho kỳ thuế 2025 nên chúng tôi nghĩ ban soạn thảo nên quy định rõ hơn mốc thời gian áp dụng ngưỡng 5 triệu đồng cho mục đích thuế TNDN là từ 01/10/2025 hoặc từ 01/07/2025 (cho nhất quán với thuế GTGT). → Đối chiếu quy định tại Nghị định 181 về thuế GTGT: Điều 26. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt “i) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.” Cho mục đích thuế GTGT, Chính phủ không ràng buộc việc công ty ủy quyền cho cá nhân người lao động thanh toán không dùng tiền mặt thay cho công ty rồi sau đó công ty thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chỉ dành cho “khoản công tác phí, mua vé máy bay” mà là áp dụng rộng rãi khi người lao động mua HH, DV nói chung, không ràng buộc phải đi công tác mới được áp dụng phương thức thanh toán ủy quyền này.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Tiếp thu, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung: “<i>Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại tiết c khoản 1 Điều 9 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2025</i>”. Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 2.12 Điều 9: Khuyến nghị đoạn này nên được sửa như sau: “Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ quy định tại điểm này không bao gồm phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế; <u>thuế GTGT đầu ra liên quan đến các hàng hoá, dịch vụ miễn phí như: cho, tặng, bảo hành, tài trợ,... có liên quan đến sản xuất kinh doanh</u>. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.” → Dự thảo Nghị định có bổ sung: <i>“thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ”</i> vào chi phí không được trừ. Chúng tôi nghĩ rằng khoản thuế GTGT đầu ra mà doanh nghiệp xuất hoá đơn GTGT cho hàng hoá, dịch vụ miễn phí như: cho, tặng, bảo hành, tài trợ,... có liên quan đến sản xuất kinh doanh (vì nếu không liên quan đến SXKD thì doanh nghiệp cũng không phải xuất hoá đơn GTGT đầu ra) thì khoản thuế GTGT này khi hạch toán vào chi phí kế toán của doanh nghiệp (vì không thu lại được từ khách hàng/người nhận HH, DV) nên được trừ chi phí thuế TNDN.	
		Tại điểm b.9 khoản 1 Điều 9: Bổ sung vào Điểm b.9, Khoản 1, Điều 9 của Nghị Định: <i>“b.9) Một số khoản chi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm: ... Chi phí hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định”</i> → Theo quy định tại Điều 6, Nghị Định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn về thuế GTGT thì hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho thuộc trường hợp phải chịu thuế GTGT. Theo đó, khi các nghiệp vụ này phát sinh, doanh nghiệp phải xuất hóa đơn GTGT, đóng bổ sung thuế GTGT đầu ra tương ứng cho các giao dịch này vào ngân sách nhà nước. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về hạch toán kế toán thì các chi phí hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho (bao gồm cả khoản thuế GTGT đầu ra tương ứng) được ghi nhận vào tài khoản chi phí. Trên thực tế, vẫn có các quan điểm các chi phí cho, biếu, tặng này không được ghi nhận chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Về bản chất, do các chi phí này thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chúng tôi mong muốn Nghị Định làm rõ việc các chi phí này được ghi nhận là chi phí được	Tiếp thu một phần, thể hiện tại điểm 2.12 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định. Riêng đối với hàng hóa dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ (không bao gồm hàng hoá, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) hiện hành đang quy định doanh nghiệp phải xác định doanh thu để tính thuế TNDN và nội dung này tiếp tục được kế thừa tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trừ khi tính thuế TNDN.	
		Tại khoản 2.15 Điều 9: Khuyến nghị ban soạn thảo sửa đổi, bổ sung: <i>“Trường hợp doanh nghiệp có chi các khoản chi phí để có các tài sản không thuộc tài sản cố định: chi về mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh, <u>lợi thế thương mại</u>, quyền sử dụng thương hiệu... thì các khoản chi này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh nhưng tối đa không quá 03 năm.”</i> → Hiện có nhiều doanh nghiệp thực hiện M&A mua cả hoạt động kinh doanh từ một công ty khác, từ đó phát sinh “lợi thế thương mại” (như tình huống này: https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Ke-toan-Kiem-toan/Cong-van-885-BTC-QLKT-2020-hach-toan-ke-toan-lien-quan-den-hop-nhat-kinh-doanh-510058.aspx) trong khi quy định hiện hành về thuế cũng chưa hướng dẫn rõ chi phí liên quan đến lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh được phản ánh là tài sản trên báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp mua để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 10 năm theo quy định tại khoản 2.1 mục 2 phần B Thông tư số 21/2006/TT-BTC và Điều 47 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này được kế thừa từ quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định thời gian qua.
		Tại khoản 2.22 Điều 9: Khuyến nghị sửa đổi, bổ sung: “2.22. Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, <u>thu nhập tính thuế</u>, trừ các khoản chi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.” → Dự thảo chưa quy định chi phí không được trừ bao gồm cả khoản chi không tương ứng với “thu nhập tính thuế” vì ngoài khai niệm “doanh thu”, “doanh thu tính thuế” ra thì quy định còn có “thu nhập khác”, “thu nhập tính thuế”	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
	Đài Truyền hình Việt Nam	Đề xuất bổ sung tiết b.13 vào điểm b khoản 1 Điều 9 quy định về các khoản chi được trừ như sau: “b.13) Khoản chi từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức,	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì chính sách thuế là áp dụng chung, thống nhất cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Trường

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người lao động và lực lượng vũ trang trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.” → Lý do: Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 22/12/2024 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: “Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên căn cứ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị quyết định mức chi chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý nhưng không thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị định.” Tuy nhiên, hiện nay các đơn vị như Đài THVN không được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các khoản chi liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, mà phải sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị. Đây là các khoản chi theo quy định của pháp luật và mang tính bắt buộc, phát sinh trực tiếp từ việc thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Do đó, việc không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế là chưa hợp lý.	hợp của đơn vị là đặc thù, chỉ phát sinh trong đơn vị sự nghiệp công lập và diễn ra trong thời gian ngắn nên cần báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo cơ chế đặc thù.
Thuế suất (Điều 10)	TKV	Tại điểm b khoản 5 Điều 10: - <u>Dự thảo quy định</u>: “<i>Điều 10. Thuế suất</i> <i>b. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) là 50%. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.</i>” - <u>Đề xuất sửa đổi của TKV</u>: “<i>Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: các mỏ bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) là 50%. Trong trường hợp các tài nguyên quý hiếm đi kèm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) thu hồi được trong quá trình chế biến khoáng sản khác thì áp dụng thuế suất thông thường là 20%. Trường hợp các mỏ có từ</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Trường hợp, doanh nghiệp hạch toán được riêng thu nhập từ hoạt động chế biến khoáng sản thì thu nhập từ hoạt động chế biến khoáng sản áp dụng thuế suất phổ thông, không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%”. → Lý do sửa đổi: TKV có các đơn vị thành viên (Tổng công ty khoáng sản, Công ty CP Đồng Tả Phời) có các hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đồng cụ thể như sau: - <u>Hoạt động khai thác khoáng sản</u>: từ quặng đồng nguyên khai có hàm lượng 1% đồng/tấn, hàm lượng sắt 12%/tấn, hàm lượng vàng 0,4gam/tấn, hàm lượng bạc 1,7 gam/tấn, hàm lượng lưu huỳnh 1,96%. Sau khi khai thác quặng đồng nguyên khai đưa về nhà máy tuyển khoáng làm ra sản phẩm: Tinh quặng sắt 65% và Tinh quặng đồng 23-25% đồng (trong tinh quặng đồng có chứa 12 gam vàng/tấn, 15 gam bạc/tấn và lưu huỳnh). - <u>Hoạt động chế biến khoáng sản</u>: Tinh quặng đồng của các mỏ đồng được đưa về nhà máy luyện đồng qua các công đoạn nấu luyện, điện phân thu được các sản phẩm: Vàng 99,99, Đồng 99,98, Bạc 99,98, A xít Sunfuaric: 98%,.... Căn cứ quy trình công nghệ nêu trên, sản phẩm vàng, bạc là sản phẩm thu được của hoạt động chế biến khoáng sản (nấu luyện, điện phân,...). Tuy nhiên, theo quy định tại Dự thảo Nghị định chưa quy định rõ đối với trường hợp khoáng sản đi kèm là tài nguyên quý hiếm thu hồi được qua quá trình chế biến khoáng sản chính. Ngoài ra, tại văn bản số 204/NC-CNVI ngày 08/05/2025 của Kiểm toán nhà nước (KTNN) chuyên ngành VI về việc tham gia ý kiến dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi), KTNN đã có quan điểm về việc hoạt động chế biến tài nguyên khoáng sản chịu thuế suất phổ thông là 20%, cụ thể: “Về thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm: KTNN chuyên ngành VI nhất trí với ý kiến của UBTVQH khi cho rằng: <i>“bản chất hoạt động chế biến tài nguyên khoáng sản là tương tự các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường khác, doanh nghiệp cũng phải đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ và mua nguyên liệu đầu vào để sản xuất, chế biến; hơn nữa nhiều doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến và dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại để sản xuất chế biến sâu tài nguyên khoáng sản và đáp ứng tiêu chuẩn đối với công nghệ cao, sản phẩm công nghệ; <u>do đó các hoạt động chế biến</u></i>	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u><i>khoáng sản cần được áp dụng thuế suất phổ thông như các ngành khác (không áp dụng mức thuế suất cao như hoạt động khai thác khoáng sản”.</i></u>	
Phương pháp tính thuế (Điều 11)	Vietcombank	Tại khoản 2 Điều 11: Đề nghị giữ nguyên mức thuế suất đối với lãi tiền vay theo quy định hiện nay là 5%.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Tại tiêu điểm a.2 điểm a khoản 1 Điều 11: Đề xuất sửa đổi nội dung như sau: "a2) Đối với các nước mà Việt Nam chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần,... - Trường hợp khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài đã chịu thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) ở nước ngoài, khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được trừ số thuế đã nộp <i>phải nộp</i> ở nước ngoài hoặc được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay (kể cả thuế đối với tiền lãi cổ phần), nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật thuế TNDN của Việt Nam. Số thuế TNDN DN Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được miễn, giảm đối với phần lợi nhuận được hưởng từ dự án đầu tư ở nước ngoài theo luật pháp của nước DN đầu tư cũng được trừ khi xác định số thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam. -... - Khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài được kê khai vào quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế phát sinh khoản thuế TNDN phải nộp ở nước ngoài.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để đảm bảo đúng bản chất là chỉ bù trừ lãi/lỗ giữa các hoạt động tại Việt Nam. Đối với khoản lỗ phát sinh từ dự án đầu tư ở nước ngoài đã được bù trừ với lãi của dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Khoản thu nhập (lãi), khoản lỗ phát sinh từ dự án đầu tư ở nước ngoài không được trừ vào số lỗ, số thu nhập (lãi) phát sinh trong nước của DN khi tính thuế TNDN."	nhận đầu tư. Quy định này cũng đã thực hiện ổn định thời gian qua.
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại điểm i khoản 2 Điều 11: Đề xuất sửa lại để làm rõ ý nghĩa: "Điều 11. Phương pháp tính thuế ... 2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm c, d khoản 23 Điều 2 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu phát sinh tại Việt Nam. ... i) Chuyển nhượng vốn gián tiếp, chuyển nhượng tài sản gián tiếp trong doanh nghiệp tại Việt Nam, chuyển nhượng tài sản: 2%. Các trường hợp chuyển nhượng vốn khác thực hiện theo quy định tại điều 12 Nghị định này" → Quy định tại khoản 2(i) Điều 11 của Dự thảo không nêu rõ là phương pháp tính theo tỷ lệ 2% doanh thu chỉ áp dụng cho chuyển nhượng vốn gián tiếp hay cả chuyển nhượng vốn gián tiếp và trực tiếp. Vướng mắc càng tăng thêm khi Điều 12 của Dự thảo cũng đã có quy định riêng về tính thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn (nội dung này kế thừa từ quy định hiện hành, và được hiểu là đang quy định cho chuyển nhượng trực tiếp) → theo đó thì quy định tại khoản 2i điều 11 của Dự thảo thì cần phải nói rõ là áp dụng cho chuyển nhượng vốn gián tiếp để tránh vướng mắc.	Đã chỉnh sửa tại dự thảo theo hướng chuyển nhượng vốn của các tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thực hiện nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu, không phân biệt chuyển nhượng vốn trực tiếp hay gián tiếp.
		Tại khoản 2 Điều 11: Đề xuất làm rõ quy định về phương pháp tính thuế TNDN đối với trường hợp doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam mà khoản thu nhập này liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó (điểm b khoản 2 Điều 2 Luật thuế TNDN), theo hướng cho phép áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu như hiện đang được áp dụng tại quy định hiện hành. → Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC hiện nay, tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có	Ghi nhận để nghiên cứu, hướng dẫn tại Thông tư thuế TNDN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thu nhập phát sinh tại Việt Nam (nhà thầu nước ngoài) được áp dụng (1) nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu hoặc (2) nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chỉ phí nếu đáp ứng điều kiện áp dụng. Theo quy định tại Điều 11 Dự thảo Nghị định, việc tính thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu phát sinh tại Việt Nam sẽ chỉ áp dụng với 2 trường hợp sau: • Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú (điểm c khoản 2 Điều 2 Luật thuế TNDN); và • Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số (điểm d khoản 2 Điều 2 Luật thuế TNDN). Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 11, có thể hiểu trường hợp doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam mà khoản thu nhập này liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó (điểm b khoản 2 Điều 2 Luật thuế TNDN) sẽ không còn được áp dụng phương pháp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu như đang quy định tại TT103 nữa mà bắt buộc nộp thuế trên cơ sở kê khai doanh thu, chỉ phí. Việc này sẽ gây khó khăn và bất lợi cho nhà thầu nước ngoài do phải bắt buộc đáp ứng điều kiện cho việc hạch toán và kê khai doanh thu, chỉ phí (áp dụng đầy đủ chế độ kế toán Việt Nam).	
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	Đề xuất: Áp dụng mức thuế suất theo như quy định cũ là 5% đối với lãi tiền vay và sửa đổi tại điểm e, điểm i như sau: ... e) <i>Lãi tiền vay: 40 5%.</i> g) <i>Chuyển nhượng chứng khoán, tái bảo hiểm ra nước ngoài: 0,1%.</i> h) <i>Dịch vụ tài chính phát sinh: 2%.</i> i) <i>Chuyển nhượng vốn mà chủ sở hữu không trực tiếp điều hành các hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam, chuyển nhượng tài sản: 2%.</i> → Lý do: Với đề xuất tại điểm c): Việc tăng thuế đối với lãi vay từ các nhà đầu tư nước	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngoài sẽ làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài ngày càng gay gắt. Việc tăng thuế đối với lãi vay sẽ gây ra một số tác động tiêu cực như: - Mức thuế cao hơn sẽ làm giảm lợi nhuận của các nhà đầu tư, khiến họ tìm kiếm các cơ hội đầu tư ở các quốc gia khác có môi trường thuế thuận lợi hơn - Doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải trả nhiều tiền hơn cho các khoản vay từ nhà đầu tư nước ngoài, làm tăng chi phí hoạt động và giảm khả năng cạnh tranh - Vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc giảm thu hút vốn đầu tư làm cho doanh nghiệp không tiếp cận được vốn, làm chậm quá trình đổi mới công nghệ từ đó làm chậm quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam. Với đề xuất điểm i: Quy định tại dự thảo Nghị định sẽ gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Cần quy định rõ thể nào là chuyển nhượng vốn mà chủ sở hữu không trực tiếp điều hành do trên thực tế việc xác định nội dung này sẽ gặp khó khăn do không quy định tiêu chí cụ thể. Ngoài ra, cần làm rõ trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp điều hành thì thuế suất áp dụng là bao nhiêu? Đề xuất này góp phần đơn giản hoá quy định, tạo ra sự nhất quán và thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ thủ tục hành chính.	
	Amcham	Tại điểm i khoản 2 Điều 11: Đề nghị làm rõ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 11 áp dụng cho đối tượng nào. Theo đó, chúng tôi đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ đối tượng áp dụng theo một trong hai trường hợp A và B dưới đây: Trường hợp A: Nếu Chính phủ muốn áp dụng quy định này cho một giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp thì cần có những sửa đổi như sau: Sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 11: i) Chuyển nhượng vốn mà chủ sở hữu không nắm giữ trực tiếp phần vốn điều lệ của doanh nghiệp tại Việt Nam, chuyển nhượng tài sản: 2%. Trường hợp B: Nếu Chính phủ muốn áp dụng quy định này cho cả giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp và trực tiếp của tổ chức nước ngoài thì cần có những sửa đổi như sau: Sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 11: i) Chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản: 2%.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng chuyển nhượng vốn của các tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thực hiện nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu, không phân biệt chuyển nhượng vốn trực tiếp hay gián tiếp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Quy định tại điểm i khoản 2 Điều 11 không rõ là áp dụng cho đối tượng nào, vì không rõ như thế nào là <i>"chủ sở hữu không trực tiếp điều hành các hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam"</i>. Điều này dẫn đến khó xác định hoạt động chuyển nhượng vốn tại điểm i có phải chỉ đang đề cập đến (i) giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, hay bao gồm (ii) cả chuyển nhượng vốn gián tiếp và trực tiếp mà trong đó, tổ chức nước ngoài là bên chuyển nhượng. Đồng thời, khoản 1 Điều 12 Nghị định này quy định rằng: <i>"Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11."</i> Theo đó, chúng tôi trình bày một số bất cập như sau: (A) Trường hợp điểm i khoản 2 Điều 11 chỉ áp dụng đối với giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, chúng tôi hiểu rằng trong trường hợp này, việc kê khai và nộp thuế TNDN đối với giao dịch chuyển nhượng vốn trực tiếp có bên chuyển nhượng là tổ chức nước ngoài hoặc bên chuyển nhượng là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam sẽ được thực hiện theo Điều 12 của dự thảo Nghị định này. Tuy nhiên, điểm b khoản 2 Điều 12 quy định rằng: <i>"Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp"</i>, quy định này có thể được hiểu đang hướng đến người chuyển nhượng vốn là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Như vậy, khoản 2 Điều 12 đang thiếu quy định hướng dẫn việc thực hiện kê khai và nộp thuế theo từng lần phát sinh đối với tổ chức nước ngoài chuyển nhượng vốn trực tiếp. (B) Trường hợp điểm i khoản 2 Điều 11 áp dụng đối với cả giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp và giao dịch chuyển nhượng vốn trực tiếp, chúng tôi hiểu rằng: (i) tất cả các giao dịch chuyển nhượng vốn trực tiếp và gián tiếp mà tổ chức nước ngoài là bên chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo điểm i khoản 2 Điều 11; và khoản điểm b) khoản 2 Điều 12 chỉ điều chỉnh hoạt động chuyển nhượng vốn mà trong đó, bên chuyển nhượng là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, Điều 12 lại quy định: <i>"Nếu là chuyển nhượng vốn góp thành lập doanh nghiệp là giá trị phần vốn góp lũy kế đến thời điểm chuyển nhượng vốn trên cơ sở sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán và được các bên tham gia đầu tư vốn hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh xác nhận, hoặc kết quả"</i>	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.</i>" tức đang chỉ người chuyển nhượng vốn là tổ chức nước ngoài vì doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được sở hữu bởi một tổ chức nước ngoài. Tóm lại, điểm i khoản 2 Điều 11 và Điều 12 vẫn còn nhiều điểm mâu thuẫn và không rõ ràng như nêu trên. Do vậy, cần phải được chỉnh sửa để làm rõ hơn.	
	PWC	Tại điểm i khoản 2 Điều 11: - Đề xuất: i) <i>Chuyển nhượng vốn (bao gồm chuyển nhượng vốn trực tiếp và gián tiếp), chuyển nhượng tài sản: 2%.</i> → Lý do: Để tránh những vướng mắc trong quá trình thực hiện, Quý cơ quan cần nhắc làm rõ hơn các vấn đề sau: - Hoạt động chuyển nhượng vốn được đề cập trong khuôn khổ Khoản 2i, Điều 11 của Dự thảo bao gồm chuyển nhượng vốn trực tiếp và chuyển nhượng vốn gián tiếp không? - Chúng tôi đề xuất bỏ điều kiện “không trực tiếp điều hành” vì sẽ gây vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Có thể có trường hợp chuyển nhượng vốn gián tiếp nhưng chiếm quyền sở hữu chi phối nên vẫn trực tiếp điều hành. Ngược lại, sẽ có trường hợp sở hữu vốn trực tiếp nhưng không nắm quyền sở hữu chi phối nên không tham gia điều hành. - Đề nghị làm rõ hơn định nghĩa của “chuyển nhượng tài sản” vì trên thực tế doanh nghiệp nước ngoài có được sở hữu tài sản ở Việt Nam không? Chúng tôi đề xuất việc áp dụng thống nhất mức thuế suất 2% đối với hoạt động chuyển nhượng vốn nói chung, dù là chuyển nhượng vốn trực tiếp hay gián tiếp, để đảm bảo tính thống nhất trong thực tiễn áp dụng, cũng như thống nhất với nguyên tắc nêu ra tại Luật thuế TNDN 2025 như trên.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng chuyển nhượng vốn của các tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thực hiện nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu, không phân biệt chuyển nhượng vốn trực tiếp hay gián tiếp.
		Tại khoản 2 Điều 11: Quý Cơ quan xem xét làm rõ đối tượng thực hiện kê khai, nộp thuế, thời điểm và cách xác định thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài cũng như những mẫu biểu kê khai có liên quan. → Hiện nay, Dự thảo Nghị định chưa có hướng dẫn nào về để kê khai nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập chịu thuế phát sinh tại	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng Thông tư về thuế TNDN.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Việt Nam mặc dù các quy định này sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 2025. Do vậy để đảm bảo các doanh nghiệp có thể tuân thủ các quy định, chúng tôi đề xuất Quý Cơ quan xem xét làm rõ đối tượng thực hiện kê khai, nộp thuế, thời điểm và cách xác định thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài tại Nghị định, để tạo cơ sở rõ ràng cho doanh nghiệp kịp thời thi hành. Tại điểm e khoản 2 Điều 11: Quý cơ quan cân nhắc nên giữ mức tỷ lệ thu thuế như quy định hiện hành là 5%. Các điều chỉnh nên được cân nhắc thời gian và ảnh hưởng phù hợp theo lộ trình. → Việc tăng thuế này sẽ tạo ra gánh nặng chi phí rất lớn đối với doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh chi phí lãi vay tăng cao, vì trong phần lớn các trường hợp, doanh nghiệp/ngân hàng Việt Nam phải chịu chi phí thuế nhà thầu đối với các khoản đi vay nước ngoài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án BOT, các dự án huy động nguồn vốn quốc tế, trái phiếu quốc tế. Việc thay đổi này nên được cân nhắc kỹ càng và xác định thời điểm phù hợp và lấy ý kiến rộng rãi ở cộng đồng doanh nghiệp do có thể ảnh hưởng rất lớn đến các dự án và tăng trưởng kinh tế.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại điểm b khoản 2 Điều 11: Đối với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 về số thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất khẩu tại chỗ, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu loại trừ việc thu thuế đối với các hoạt động gia công sản xuất hàng hóa của các doanh nghiệp nước ngoài đặt tại Việt Nam. → Lý do: Hiện nay, Việt Nam đang đón làn sóng dịch chuyển đầu tư từ nước ngoài, nhiều tập đoàn công nghệ quốc tế đã lựa chọn Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất mới như HP, Apple, Dell,... Việc sản xuất và giao nhận hàng giữa các nhà cung ứng và nhà máy sản xuất sản phẩm trong chuỗi sản xuất được thực hiện theo chỉ định của các công ty mẹ nước ngoài. Đây là các hoạt động sản xuất và giao nhận hàng hóa, không phát sinh các dòng tiền và doanh thu tại Việt Nam. Trên thế giới, một số quốc gia như Singapore, Malaysia, Thái Lan và Hàn Quốc áp dụng các chính sách miễn thuế nhà thầu cho các hoạt động gia công sản xuất	Dự thảo Nghị định đã tiếp thu và thể hiện <i>Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và hình thức khác (trừ trường hợp tổ chức nước ngoài bán hàng hóa và chuyển quyền sở hữu hàng hóa tại kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) để nhập khẩu vào Việt Nam hoặc để xuất khẩu ra nước ngoài và trường hợp doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất khác theo chỉ định của tổ chức nước ngoài) hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms): 1%.</i>

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		do công ty mẹ nước ngoài chỉ định, nếu không phát sinh doanh thu hoặc dịch vụ tại nước sở tại. Theo đó, việc thu thuế nhà thầu của các doanh nghiệp chế xuất trong chuỗi cung ứng là không phù hợp với nguyên tắc của Luật thuế TNDN và kinh nghiệm thế giới. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Việt Nam cần thu hút các tập đoàn công nghệ lớn thì chính sách này ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đầu của Việt Nam. Qua trao đổi làm việc, nhiều tập đoàn lớn như Intel, Apple, Amkor, IIP.... đề nghị cần tháo gỡ các chính sách nêu trên để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất quan trọng nhất của tập đoàn. Việc các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư sản xuất lớn vào Việt Nam sẽ hình thành các Trung tâm nghiên cứu và phát triển lớn, qua đó góp phần hình thành hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số hoàn chỉnh từ nghiên cứu đến sản xuất.	
	Ông Nguyễn Quốc Thái	- Chưa rõ các khái niệm: “<u>đầu tư ở nước ngoài</u>”, “<u>đầu tư ra nước ngoài</u>” Chưa rõ quy định tại khoản 1 Điều 11 có áp dụng cho việc trừ số thuế Công ty đã nộp ở nước ngoài khi tính thuế tại Việt Nam (chỉ tiêu c15 tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN) đối với các loại thuế nhà thầu theo quy định của bên nước ngoài, hoặc thuế nhận kinh doanh ở nước ngoài (“Business Receipt Tax” - gọi tắt là BRT) như trong công văn hướng dẫn này (https://luatvietnam.vn/thue/cong-van-20095-ct-htr-cuc-thue-tp-ha-noi-104686-d6.html) hay không	Tiếp thu quy định rõ tại điểm 2.13 khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định theo hướng khoản thuế TNDN mà doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài khi cung cấp dịch vụ, hàng hóa kèm dịch vụ ra nước ngoài được tính vào chi phí được trừ nếu doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa kèm dịch vụ bao gồm khoản thuế này. Nội dung quy định tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định là áp dụng đối với <u>khoản đầu tư</u> ra nước ngoài.
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn (Điều 12)	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 12: Để rõ ràng trong việc thực thi, đề nghị sửa quy định này như sau: “Điều 12. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn ... <i>Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn quy định tại hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</i>”	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Theo tìm hiểu các quy định liên quan cụ thể tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, chúng tôi không nhận thấy bất kỳ quy định nào về thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn. Điều này có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau nhằm xác định thời điểm này, chẳng hạn như: ▪ Ngày hoàn tất việc thanh toán; hay ▪ Ngày doanh nghiệp bị chuyển nhượng hoàn tất thủ tục đăng ký (thêm) chủ đầu tư hay ▪ Ngày doanh nghiệp bị chuyển nhượng giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phản ánh sự thay đổi trong chủ đầu tư; hay ▪ Ngày chuyển giao quyền quản lý và điều hành phần vốn được chuyển nhượng do các bên xác nhận; hay ▪ Ngày chuyển giao trách nhiệm pháp lý liên quan đến phần vốn được chuyển nhượng do các bên xác nhận phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, v.v.	
		Tại điểm a khoản 1 Điều 12: Để rõ ràng trong việc thực thi, đề nghị sửa quy định này như sau: <i>“Điều 12. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn</i> ... <i>a) Trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản (<u>trừ hoạt động chuyển nhượng vốn là công ty sản xuất được giao quyền sử dụng đất hoặc thuê đất</u>) thì kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.”</i> → Theo quy định tại khoản 2, Điều 14 của dự thảo, hoạt động chuyển nhượng BĐS bao gồm “chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất (gồm cả chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất theo quy định của pháp luật); Thu nhập từ hoạt động cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai không phân biệt có hay không có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó nếu không tách riêng giá trị tài sản khi chuyển nhượng không phân biệt có hay không có	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất; Thu nhập từ chuyển nhượng các tài sản gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng nhà ở, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất."</i> Nếu áp dụng quy định trên để xem xét hoạt động chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản, hoạt động này sẽ bao gồm việc chuyển nhượng công ty sản xuất có giá trị doanh nghiệp nằm phần lớn ở đây chuyển sản xuất và hoạt động kinh doanh, thay vì giá trị quyền sử dụng đất (có khi còn lại rất ít sau một thời gian hoạt động).	
	Amcham	Tại khoản 2 Điều 12: Theo đó, chúng tôi đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ đối tượng áp dụng theo một trong hai trường hợp A và B dưới đây: Trường hợp A: Nếu Chính phủ muốn áp dụng quy định này cho một giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp thì cần có những sửa đổi như sau: • Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 12: b) Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. • Bổ sung điểm c quy định về trường hợp khai thuế theo lần phát sinh cho tổ chức nước ngoài vào khoản 2 Điều 12: c) Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng vốn và không thuộc các trường hợp quy định tại điểm i khoản 2 Điều 11 của Nghị định này thì khoản thu nhập này được kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh. Trường hợp B: Nếu Chính phủ muốn áp dụng quy định này cho cả giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp và trực tiếp của tổ chức nước ngoài thì cần có những sửa đổi như sau: • Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 12: b) Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. • Bỏ quy định về giá tính thuế đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điểm a khoản 2 Điều 12 của dự thảo Nghị định này. → Lý do: Tương tự đề xuất tại Điều 11	
		Tại điểm a khoản 1 Điều 12: Đề nghị làm rõ Điểm a, Khoản 1, Điều 12 áp dụng cho đối tượng người chuyển nhượng vốn nào. Cụ thể, nếu Chính phủ áp dụng Trường hợp A nêu tại Điểm 6 nêu trên (tức điểm i khoản 2 Điều 11 áp dụng cho người chuyển nhượng vốn là tổ chức nước ngoài chuyển nhượng vốn gián tiếp và Điều 12 áp dụng cho giao dịch chuyển nhượng vốn trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam và tổ chức nước ngoài) thì cần quy định rõ Điểm a Khoản 1 Điều 12 chỉ áp dụng trong trường hợp người chuyển nhượng vốn là doanh nghiệp Việt Nam. Nếu Chính phủ áp dụng Trường hợp B (tức điểm i khoản 2 Điều 11 áp dụng cho người chuyển nhượng vốn là tổ chức nước ngoài chuyển nhượng vốn gián tiếp và trực tiếp và Điều 12 áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam) thì không cần chỉnh sửa Điểm a Khoản 1 Điều 12. Dù áp dụng Trường hợp A hay B thì vẫn cần làm rõ định nghĩa như thế nào là chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản. → Điều 12 của Dự thảo Nghị định kế thừa Điều 14 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC hiện nay. Ngoài ra, Dự thảo Nghị định không quy định Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn chi tiết Điều này. Do đó, chúng tôi hiểu rằng sẽ không có thêm hướng dẫn thực hiện cho Điều 12 tại cấp độ thông tư. Trong khi đó, quy định tại điểm a) rất không rõ ràng và gây nhiều tranh cãi khi thực hiện. Xét về mặt lịch sử, quy định tại điểm a) lần đầu tiên được quy định tại điểm a) khoản 8 Điều 12 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2013 về khai thuế TNDN với hoạt động chuyển nhượng vốn (sau sửa thành điểm a) khoản 7 Điều 12 theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC). Cụ thể điểm a) khoản 7 Điều 12 của Thông tư 156 sửa đổi bởi Thông tư 151 quy định như sau: <i>7. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn</i> <i>a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp được coi là một khoản thu nhập khác, doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn có trách</i>	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nhiệm xác định, kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán theo năm. Trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì nộp thuế theo từng lần phát sinh và kê khai theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này và quyết toán năm tại nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.</i> b) Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh. Thông tư 156 (sửa đổi theo Thông tư 151) rõ ràng quy định về hai đối tượng khác nhau tại hai điểm a) và b). Cụ thể điểm a) quy định về trường hợp người chuyển nhượng vốn là một doanh nghiệp Việt Nam (nên sẽ khai thuế chuyển nhượng vốn trong tờ khai quyết toán thuế TNDN theo năm) trong khi điểm b) quy định về trường hợp người chuyển nhượng vốn là một tổ chức nước ngoài. Do quy định về "Trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản" được quy định tại điểm a) nên phải được hiểu là quy định này chỉ áp dụng cho trường hợp người chuyển nhượng vốn là một doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra mẫu tờ khai số 06/TNDN và sau này là 08/TNDN chứa rất nhiều thông tin thể hiện đây là tờ khai của một doanh nghiệp trong nước thí dụ phần khai về chi phí liên quan đến bất động sản như giá vốn của đất chuyển nhượng và chi phí đền bù thiệt hại về đất và hoa màu – đây là chi phí của một doanh nghiệp Việt Nam và không thể là chi phí của một tổ chức nước ngoài. Tuy nhiên, Thông tư số 80/2021/TT-BTC thay thế Thông tư 156 không còn quy định rõ ràng như Thông tư 156 nên rất nhiều cơ quan thuế đã dựa trên khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC để hướng dẫn khai nộp thuế theo tờ khai chuyển nhượng vốn gắn với bất động sản số 08/TNDN trong khi người chuyển nhượng vốn là một tổ chức nước ngoài. Cách giải thích và áp dụng luật này của các cơ quan thuế là rất không hợp lý và không có căn cứ như chúng tôi trình bày ở trên.	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Ngoài ra, Chính phủ cần làm rõ như thế nào là chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản chẳng hạn tỷ lệ bất động sản trong tổng tài sản phải hơn 51% mới xem là chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản. Quy định không rõ ràng như hiện nay sẽ dẫn đến việc áp dụng tùy tiện.	
		Tại khoản 1 Điều 12: Đề nghị sửa đoạn thứ 3 của Khoản 1 Điều 12 thành: “Thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn.” → Quy định về thời điểm xác định thu nhập có thể được hiểu cũng là thời điểm xác định thuế TNDN với hoạt động chuyển nhượng vốn. Tuy nhiên, để cho rõ và phù hợp với cách thức quy định tại các luật thuế khác thí dụ như Luật Thuế GTGT (Điều 8 của Luật Thuế GTGT quy định về thời điểm xác định thuế GTGT), Điều 12 cũng nên quy định rõ về thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế TNDN thay vì chỉ quy định về thời điểm xác định doanh thu.	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa quy định rõ về việc xác định thời điểm chuyển nhượng vốn.
	PWC	Tại điểm a khoản 1 Điều 12: Đề xuất bỏ quy định này, bổ sung hướng dẫn việc kê khai nộp thuế phân bổ tại quy định liên quan đến Luật quản lý thuế → Quy định mặc dù đã thực hiện được nhiều năm nhưng theo chúng tôi là thực tế gây ra nhiều vướng mắc và khó khăn trong việc thi hành do việc kê khai không theo bản chất của giao dịch là chuyển nhượng vốn. Chúng tôi đề xuất Quý Cơ quan xem xét đánh thuế theo đúng bản chất và hình thức của giao dịch là chuyển nhượng vốn thay vì chuyển nhượng bất động sản. Trong trường hợp liên quan đến sổ thu ngân sách, có thể quy định đối với trường hợp này, thuế được phân bổ về nơi có bất động sản.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (Điều 13)			
Thu nhập	Vietcombank	Tại khoản 4 Điều 15:	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì tại dự

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
từ chuyển nhượng bất động sản (Điều 14, Điều 15)		+ Đề nghị làm rõ: “[...] thì tổ chức tín dụng, Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM), Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) <u>chưa phải kê khai, nộp thuế TNDN, khi được phép và phát sinh chuyển nhượng bất động sản theo quy định của pháp luật phải kê khai nộp thuế thu nhập</u>”. → Quy định như tại dự thảo có thể dẫn tới cách hiểu khi nhận bất động sản để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ thì đã phải nộp thuế. Bộ Tài chính đã có Công văn 17554/BTC-CST ngày 25/11/2015 để làm rõ nội dung này. Do đó, đề nghị quy định rõ tại dự thảo như nội dung Công văn 17554/BTC-CST. + Đề nghị quy định rõ 2 trường hợp: “+ Trường hợp <u>doanh nghiệp là bên bảo đảm</u> bán đấu giá bất động sản là tài sản bảo đảm tiền vay thì số tiền thu được thực hiện thanh toán theo quy định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng và <u>doanh nghiệp là bên bảo đảm</u> kê khai nộp thuế theo quy định.” “+ Trường hợp <u>TCTD bán bất động sản là tài sản bảo đảm tiền vay của khoản nợ xấu (bao gồm cả theo hình thức bán đấu giá và hình thức thỏa thuận (không qua bán đấu giá)), TCTD là bên nhận bảo đảm không phải kê khai, nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó theo khoản 2 Điều 200 Luật các TCTD. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu sau khi thực hiện phân chia theo khoản 1 Điều 199 Luật các TCTD được trả cho bên bảo đảm thì bên bảo đảm phải kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định.</u>” → Dự thảo chưa quy định đối tượng có nghĩa vụ kê khai nộp thuế TNDN trong trường hợp TCTD nhận bàn giao TSBĐ để bán đấu giá hoặc bên bảo đảm phối hợp với TCTD bán đấu giá. Điều này có thể dẫn tới cách hiểu TCTD có trách nhiệm kê khai, nộp thuế TNDN. Trong khi đó, theo quy định tại Luật Các TCTD 2024: + Tại điểm d khoản 1 Điều 199 quy định: “Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau đây:	thảo Nghị định chỉ quy định khi tổ chức tín dụng được phép chuyển nhượng bất động sản mới phải kê khai, nộp thuế mà không quy định khi nhận bất động sản là tài sản bảo đảm đã phải kê khai, nộp thuế. Trường hợp bán đấu giá được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 15 dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định với lý do: đây là nội dung kế thừa quy định hiện

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		...d) Khoản thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm gồm thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ;" + Tại khoản 2 Điều 200 quy định: "Trừ các khoản án phí, thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 199 của Luật này, bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó. Việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế". Như vậy, khoản thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng TSBD được thanh toán từ số tiền thu được từ xử lý TSBD chỉ bao gồm thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ mà <u>không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)</u>, do đó, TCTD trong vai trò bên nhận bảo đảm <u>không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN</u> từ số tiền chuyển nhượng TSBD.	hành, không phải là quy định mới; quy định này phù hợp với thực tiễn quản lý thuế cũng như nguyên tắc của thuế là bên nào cầm tiền thì bên đó có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế (tương tự như trong thuế nhà thầu, bên Việt Nam thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài thì thực hiện khấu trừ thuế tại nguồn trước khi thanh toán cho nhà thầu nước ngoài).
	Techcombank	Đề xuất sửa đổi tại Điều 15 như sau: Điều 15. Căn cứ tính thuế Căn cứ tính thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản là thu nhập tính thuế và thuế suất. Thu nhập tính thuế bằng (=) thu nhập chịu thuế trừ (-) các khoản lỗ được chuyển theo quy định. → Lý do: Sửa đổi công thức tính thuế thu nhập từ chuyển nhượng BĐS để nhất quán với quy định tại Điều 7 về xác định lỗ và chuyển lỗ.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ tại dự thảo Nghị định.
	Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	Điểm b, Khoản 1.2 Điều 15, Dự thảo quy định chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ, trong đó nêu: "- <i>Giá vốn của đất chuyển quyền được xác định phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất;</i> ... - <i>Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... theo thực tế phát sinh, có đủ hóa đơn, chứng từ.</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đây là 2 nội dung chỉ khác nhau, chi phí trích trước chỉ là khoản tạm chi, sau khi dự án hoàn thành, doanh nghiệp vẫn phải quyết toán lại dự án theo chi phí thực tế phát sinh. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định cũng đã chỉnh sửa nội dung này theo quy định của pháp

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật liên quan đến cấp quyền sử dụng đất. - Chi phí cải tạo đất, san lấp mặt bằng. - Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như đường giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, bưu chính viễn thông... - Giá trị kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc có trên đất. - Các khoản chi phí khác liên quan đến bất động sản được chuyển nhượng”. Các khoản mục nêu trên, trong đó bao gồm cả chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đều là những khoản chi phí hợp pháp, hợp lý thuộc tổng mức đầu tư của dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, và là một phần không thể tách rời trong cấu trúc giá vốn của hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản. Việc quy định “Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... theo thực tế phát sinh, có đủ hóa đơn, chứng từ” mới là chi phí hợp lệ là quy định chưa hợp lý, cá biệt hóa khoản mục chi phí này với các chi phí khác trong Tổng mức đầu tư các dự án. Bên cạnh đó tại Điểm a, Khoản 1.2 Điều 15, cho phép doanh nghiệp: “... tạm phân bổ chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng thực tế đã phát sinh và trích trước các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tương ứng với doanh thu đã ghi nhận...” Nội dung này đã thể hiện rõ quan điểm cho phép ghi nhận trước các khoản chi phí chưa thực chi (tức là “chi phí trích trước”) vào giá vốn để xác định thu nhập chịu thuế, miễn không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Như vậy, việc Dự thảo: một mặt cho phép trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng (tại Điểm a), nhưng mặt khác lại chỉ cho phép chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là chi phí hợp lệ khi đã thực tế phát sinh, có đầy đủ chứng từ (tại Điểm b) là không nhất quán về nguyên tắc ghi nhận chi phí. Trong khi tất cả các khoản mục đều cùng bản chất: là chi phí đầu tư cấu thành giá vốn của sản phẩm bất động sản, đều thuộc tổng mức đầu tư được phê duyệt. Để đảm bảo tính nhất quán và công bằng trong chính sách thuế, chúng tôi đề nghị sửa đổi Điểm b Khoản 1.2 Điều 15 theo hướng cho phép tính vào chi phí được trừ các khoản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã trích trước của dự án, thay vì yêu cầu phải thực chi mới được tính. Cụ thể, đề xuất sửa đổi như sau: “Chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ bao gồm:	luật hiện hành và để phù hợp với quy định của Luật Đất đai.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Giá vốn của đất chuyển quyền được xác định phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất; - Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư <i>theo tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> ” Phân chữ đậm in nghiêng là nội dung đề nghị bổ sung thay cho điều kiện “theo thực tế phát sinh, có đủ hóa đơn, chứng từ”.	
	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Tại khoản 3 Điều 15: “Dự thảo Nghị định quy định xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: “...<i>Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế</i> và không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.” <u>Đề nghị sửa đổi bổ sung:</u> “... <i>Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nằm trong tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định thu nhập chịu thuế</i> và không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”. <u>Lý do:</u> Khoản 3 Điều 7 Luật Thuế TNDN năm 2025 quy định nguyên tắc doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong đó, thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chỉ không được hưởng ưu đãi thuế. Đồng thời, khoản 4 Điều 7 Luật Thuế TNDN năm 2025 quy định thu nhập chịu thuế phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế không có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.	Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 4 Điều 15: 1. <u>Đề nghị sửa đổi:</u> “<i>Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM), Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)</i>” thành “Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ”. → <u>Lý do:</u> Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (tại khoản 4 Điều 2) quy định về đối tượng áp dụng đối với CÔNG TY TNHH MUA BÁN Nợ VIỆT NAM và	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		VAMC như sau: <i>"Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ"</i>; Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (tại điểm h khoản 9 Điều 5) quy định về đối tượng không chịu thuế đối với CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM và VAMC như sau: <i>"...tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán nợ ..."</i>. Do đó, để phù hợp với hai Luật nêu trên, việc sửa đổi tượng CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM và VAMC thành tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ là phù hợp. 2. <u>Đề nghị sửa đổi:</u> "Trường hợp bán đấu giá bất động sản là tài sản bảo đảm tiền vay thì số tiền thu được thực hiện thanh toán <i>theo quy định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng</i> và kê khai nộp thuế theo quy định..." thành <i>"...theo quy định của Pháp luật về bảo đảm tiền vay..."</i>. → <u>Lý do:</u> Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 đã quy định về một số nội dung liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm (không phải Chính phủ quy định về bảo đảm tiền vay như tại dự thảo Nghị định). 3. Dự thảo Nghị định qui định: "Trường hợp tổ chức tín dụng, Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM), Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) được phép chuyển nhượng bất động sản đã được thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn nếu không xác định được giá vốn của bất động sản thì giá vốn được xác định bằng (=) vốn vay phải trả theo hợp đồng thế chấp bất động sản cộng (+) chi phí lãi vay chưa trả đến thời điểm phát mãi bất động sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng cộng (+) các khoản chi phí phát sinh khi chuyển nhượng bất động sản nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp." (i) Đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung quy định trường hợp các tổ chức này thực hiện kê khai và nộp thuế thay như sau: "Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ chuyển nhượng bất động sản đã được thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn, trường hợp thực hiện kê khai thay thì giá vốn của bất động sản được xác định bằng (=) vốn vay phải trả theo hợp đồng thế chấp bất động sản cộng (+) chi phí	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nội dung này kế thừa quy định hiện hành, đảm bảo xác định đúng chi phí, thu nhập của hoạt động. Việc xác định giá vốn bằng vốn vay phải trả theo hợp đồng thế chấp bất động sản cộng (+) chi phí lãi vay chưa trả đến thời điểm phát mãi bất động sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng cộng (+) các khoản chi phí phát sinh khi chuyển nhượng bất động sản chỉ áp dụng trong trường hợp không xác định được giá vốn.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lãi vay chưa trả đến thời điểm phát mãi bất động sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng cộng (+) các khoản chi phí phát sinh khi chuyển nhượng bất động sản nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Trên các chứng từ ghi rõ kê khai, nộp thuế thay về bán tài sản đảm bảo để thu hồi vốn." → Lý do: Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và chuyển nhượng tài sản bảo đảm. Theo đó, tại khoản 2 Điều 200 quy định trách nhiệm liên quan đến việc kê khai và nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản như sau: "Trừ các khoản án phí, thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 199 của Luật này, <i>bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng</i> không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó. Việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế" Theo đó, tại dự thảo Nghị định hướng dẫn pháp luật về thuế TNDN, để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy định pháp luật, đề nghị bổ sung quy định trường hợp Tổ chức tín dụng, <i>tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ</i> bán tài sản bảo đảm để thu hồi vốn, chủ động kê khai và nộp thuế thay tương tự như trường hợp cơ quan thi hành án <i>hoặc tổ chức có thẩm quyền</i> bán đấu giá bất động sản là tài sản bảo đảm thi hành án. Việc bổ sung quy định này là có cơ sở.	
	Hiệp hội Bất động sản Việt Nam	1. Đề xuất: Sửa đổi Điều 15, dự thảo Nghị định như sau: 1.2. Chi phí chuyển nhượng bất động sản: a) Nguyên tắc xác định chi phí: [...] <i>Trường hợp dự án đầu tư hoàn thành từng phần và chuyển nhượng dần theo tiến độ hoàn thành thì các khoản chi phí chung sử dụng cho dự án, chi phí trực tiếp sử dụng cho phần dự án đã hoàn thành được phân bổ theo m² đất chuyển quyền</i>	Nội dung đề xuất đã được quy định tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến (dự thảo Nghị định đã quy định việc lập Bảng kê trong trường hợp không có hóa đơn).

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		để xác định thu nhập chịu thuế của diện tích đất chuyển quyền; bao gồm: Chi phí đường giao thông nội bộ; khuôn viên cây xanh; chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; trạm biến thế điện; chi phí bồi thường về tài sản trên đất; Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt còn lại chưa được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của chính sách thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp Ngân sách Nhà nước, các chi phí khác đầu tư trên đất liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất.” b) Chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ bao gồm: [...] “Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thực tế phát sinh, có đủ hóa đơn, chứng từ, hoá đơn hoặc Bảng kê với các khoản chi không có hoá đơn”. → Lý do: Hiện tại dự thảo Nghị định đã cho phép các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thực tế phát sinh và có đủ hồ sơ, chứng từ thì được coi là chi phí thuế TNDN được trừ (điểm 1.2b, Điều 15 của dự thảo Nghị định). Vì vậy đề xuất điều chỉnh này giúp nhất quán về nội dung trong Nghị định. Đồng thời đề xuất quy định rõ về hồ sơ chứng từ với khoản chi bồi thường GPMB do thực tế có thể phát sinh khoản chi có hóa đơn hoặc không có hóa đơn (sử dụng Bảng kê).	
		Đề xuất: Sửa đổi nội dung tại điểm 1.1a, Điều 15, dự thảo Nghị định như sau: “Trường hợp doanh nghiệp có thu tiền của khách hàng mà chưa xác định được chi phí tương ứng với doanh thu thì doanh nghiệp kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và doanh thu này chưa phải tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm”. → Lý do: Do quy định hiện hành chưa thực sự rõ ràng nên một số Cơ quan thuế địa phương/Kiểm toán nhà nước thường có các cách hiểu khác nhau gây khó	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khẩn cho doanh nghiệp trong việc tạm nộp thuế TNDN theo số tiền thu có bao gồm hay không bao gồm thuế GTGT. Vì vậy điều chỉnh này giúp làm rõ và nhất quán trong cách xử lý thuế, tạo thuận lợi trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.	
	PWC	Tại khoản 2 Điều 14: Quý cơ quan cân nhắc bỏ cụm từ: <u>“quyền sử dụng nhà ở, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất.”</u> ra khỏi định nghĩa thu nhập từ chuyển nhượng BĐS. → Dự thảo Nghị định bổ sung thêm cụm từ: <u>Thu nhập từ ... quyền sử dụng nhà ở, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất.</u> vào định nghĩa thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS, nhưng đồng thời lại đưa thêm 1 điều khoản loại trừ ngay sau đó là: <u>“Thu nhập từ cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản không bao gồm trường hợp doanh nghiệp chỉ cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất.”</u> Dự thảo sửa đổi hiện nay sẽ gây rất nhiều vướng mắc và tranh cãi trong quá trình thực hiện, đặc biệt là các trường hợp doanh nghiệp kinh doanh cho thuê khách sạn, văn phòng, kho bãi, v.v... Trong trường hợp này, về bản chất đây chỉ là giao dịch cho thuê tài sản thông thường. Tài sản BĐS vẫn thuộc toàn quyền quản lý và sử dụng của Bên cho thuê. Trong khi đó, Điều 15 của Dự thảo hướng dẫn cách xác định doanh thu và chi phí từ chuyển nhượng BĐS – và các hướng dẫn ở Điều 15 không phù hợp với các doanh nghiệp chỉ có hoạt động cho thuê tài sản BĐS thông thường. Do đó, để tránh hiểu nhầm, tránh vướng mắc khi thực thi quy định đối với các trường hợp cho doanh nghiệp có tài sản BĐS đem đi cho thuê, chúng tôi đề xuất: Bỏ cụm từ: <u>“quyền sử dụng nhà ở, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất.”</u> ra khỏi định nghĩa thu nhập từ chuyển nhượng BĐS.	Đã chỉnh sửa lại nội dung này tại dự thảo Nghị định để rõ nghĩa, tránh các cách hiểu khác nhau.
Nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đối với khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc không quy định lại các quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. → <u>Lý do:</u> Điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 chỉ quy	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do tính chất phức tạp của Nghị định, cần quy định cụ thể để người dân, doanh nghiệp, cơ quan thuế dễ nắm bắt, theo dõi.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thu nhập doanh nghiệp (Điều 16)		định “Chính phủ quy định chi tiết về thời gian thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký của các dự án quy định tại điểm này”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chi quy định chi tiết về thời gian thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký của các dự án quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.	
		Tại điểm a khoản 3 Điều 16: Đề nghị chỉnh sửa quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định thành: “a) <i>Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, không bao gồm các khu.</i>” → Lý do: - Theo quy định tại Luật Công nghệ cao, khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 là các loại hình khu công nghệ cao được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật. - Điểm d khoản 1 Điều 13 và điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 đã quy định cụ thể về áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm và miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với đối với: “<i>Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</i>”. Như vậy, các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các đối tượng dự án đầu tư mới tại <i>khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</i> đã được xác định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, việc quy định hạn chế các đối tượng được hưởng ưu đãi như tại điểm c khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định là không phù hợp với quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. - Các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp tại khu công nghệ cao đã và đang được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (khoản 1 Điều 13) đến nay; pháp luật về đầu tư cũng đã đưa khu công nghệ cao vào danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn); các quy định tại pháp luật về công nghệ cao cũng đã xác định khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa nội dung này để tránh hiểu lầm. Theo đó, các khu vẫn được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định nhưng không xếp vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Riêng ưu đãi đối với khu công nghệ cao, dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa theo nguyên tắc chung: “ <i>Dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ tại địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung) chỉ được hưởng ưu đãi đối với thu nhập của dự án đầu tư phát sinh tại địa bàn thực hiện dự án đầu tư</i> ”.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư. Do đó, việc duy trì chính sách trên là cần thiết để đảm bảo sự ổn định chính sách sự và đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật đối với các khu công nghệ cao đang trong giai đoạn thu hút đầu tư. - Các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua và đặc biệt là các chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gần đây đều đặt ra yêu cầu phát triển công nghệ cao và đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, trong đó có nhiệm vụ hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá đối với các khu công nghệ cao. Việc hình thành các khu công nghệ cao có ý nghĩa tạo ra "vùng trũng" về ưu đãi nhằm thu hút đầu tư về công nghệ cao, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu phát triển công nghệ cao và tăng cường năng lực nội sinh về công nghệ của đất nước. Trong đó, nếu không có mức ưu đãi phù hợp cho các loại hình hoạt động hỗ trợ khác thì sẽ khó khăn cho việc hình thành hệ sinh thái thúc đẩy, hỗ trợ phát triển công nghệ cao, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao... đối với các khu công nghệ cao đều đang trong giai đoạn thu hút đầu tư hiện nay. Do đó, việc duy trì chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như đang thực hiện có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút đầu tư các khu công nghệ cao nói riêng và thúc đẩy phát triển công nghệ cao nói chung.	
		Tại điểm e khoản 2 Điều 16: Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 16 như sau: “e) <i>Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>”. → Tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội khóa 15 quy định về một số cơ chế, chính sách đặc biệt về phát triển kinh tế tư nhân quy định: “1. <i>Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty</i>	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 không quy định ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận. Trường hợp Nghị quyết số 198/2025/QH15 có quy định khác thì thực hiện theo Nghị quyết số 198/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”</i>	
	Đài Truyền hình Việt Nam	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm u khoản 2 Điều 16 về đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN như sau: “Cơ quan báo chí được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.” → Lý do: Theo khoản 2 Điều 21 Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định về nguồn thu của cơ quan báo chí: “Nguồn thu của cơ quan báo chí gồm: Nguồn thu do cơ quan chủ quản báo chí cấp; Thu từ bán báo, bán quyền xem các sản phẩm báo chí, quảng cáo, trao đổi, mua bán bản quyền nội dung; Thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ của cơ quan báo chí, các đơn vị trực thuộc cơ quan báo chí; Nguồn thu từ tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.” Các khoản thu này đều là thu nhập hợp pháp, gắn với chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của cơ quan báo chí. Tuy nhiên, Dự thảo chỉ nêu “báo chí (bao gồm cả quảng bá trên báo)” là đối tượng được hưởng ưu đãi, dễ gây hiểu nhầm rằng chỉ hoạt động nghiệp vụ báo chí mới được ưu đãi, trong khi các hoạt động tài chính, dịch vụ hợp pháp khác có thể bị loại trừ.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
Thuế suất ưu đãi (Điều 17)	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Tại khoản 1 Điều 17: 1. Đề xuất mở rộng thêm việc ưu đãi thuế trong các Tập đoàn, Tổng Công ty đa ngành <u>theo thu nhập của các mảng hoạt động</u> thay vì chỉ được hưởng ưu đãi thuế khi thành lập các Công ty độc lập là các DN CNC, DN KHCN hay phải lập các dự án đầu tư mới có giấy chứng nhận đầu tư. Việc ưu đãi theo hoạt động sẽ bao hàm cả ưu đãi theo dự án đầu tư. Theo đó, đề xuất sửa đổi các nội dung cụ thể của dự thảo như sau: 1-Sửa đổi câu chữ tại khoản 1 điều 17: "1. Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đối với: a) Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 16 của ND này; b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại các điểm g, h khoản 2 Điều 16 của ND này. c) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới hoạt động SXKD	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì đối tượng được ưu đãi thuế là “dự án đầu tư” đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuộc địa bàn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 của ND này. d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới <u>hoạt động SXKD</u> tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; dự án đầu tư mới hoạt động SXKD tại khu kinh tế nằm trên địa bàn ưu đãi thuế quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều 16 của ND này...". 2. -Bổ sung đoạn nội dung sau vào phần cuối của khoản 1 tại điều 17: "Thu nhập của DN được hưởng ưu đãi kể trên là thu nhập từ hoạt động SXKD của DN trong đó bao gồm thu nhập từ thực hiện các dự án đầu tư. Dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN là các dự án được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm: -Dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, -Dự án đầu tư độc lập với dự án doanh nghiệp đang hoạt động được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. -Dự án đầu tư khác được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, <u>bao gồm cả các dự án đầu tư thuộc ngành nghề được ưu đãi thuế TNDN do DN tự phê duyệt theo quy chế hoạt động của DN mà theo quy định của pháp luật về đầu tư DN không cần xin giấy phép/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</u> <u>Thời điểm Doanh nghiệp bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế TNDN với các dự án đầu tư là tại thời điểm được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đối với các dự án đầu tư do DN tự phê duyệt, thời điểm bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế TNDN là thời điểm dự án được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế hoạt động của DN. "</u> → Lí do: -Tập đoàn kinh tế lớn không muốn tách thành các DN KH&CN hay DN CNC độc lập vì lĩnh vực này cần rất nhiều vốn và các nguồn lực khác và cần dựa trên nguồn Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cốt lõi của Tập đoàn. Nếu không tách thì các Tập đoàn này không thể đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ Doanh thu để được công nhận là DN CNC, DN KHCN theo Luật CNCN và Luật KHCN. Theo đó điều kiện dễ thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế là chưa phù hợp với thực	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì việc xác định dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và thời điểm tính ưu đãi thuế đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tế, cần sửa đổi theo hướng là <i>ưu đãi cho phần thu nhập theo ngành nghề hoạt động</i>. - Theo Luật đầu tư cho phép có các trường hợp DN có thể lựa chọn tự nguyện làm thủ tục xin cấp giấy CN đăng ký đầu tư hoặc không. Theo đó cần bổ sung trường hợp dự án đầu tư do DN tự lập không cần giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định cũng được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu thuộc ngành nghề được ưu đãi thuế để đồng nhất các chính sách ưu đãi thuế TNDN giữa các văn bản Luật Đầu tư và Luật thuế TNDN. Do vậy cần sửa đổi lại điều kiện ưu đãi thuế TNDN là theo ngành nghề hoạt động và DN sẽ tự tổ chức lập các dự án đầu tư và tổ chức quản trị để có thể bóc tách riêng Thu nhập, chi phí liên quan đến các dự án làm cơ sở các định thu nhập của dự án được ưu đãi thuế TNDN.	
	Ông Nguyễn Quốc Thái	Khuyến nghị thêm hướng dẫn chi tiết về cách xác định “dự án đầu tư mới” - Dự án đầu tư mới ở đây là dự án mới trong giai đoạn nào? Có điều kiện gì để xác định dự án đầu tư mới đủ điều kiện không? - Dự án đầu tư mới có ưu đãi năm cuối vào 2024 (hết ưu đãi từ 2025) thì có được xem xét kéo dài ưu đãi không?	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
Miễn thuế (Điều 18)	Đài Truyền hình Việt Nam	Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 17 về thuế suất ưu đãi như sau: “Thu nhập của cơ quan báo chí được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.” → Lý do: Sửa đổi này nhằm bảo đảm thống nhất với nội dung tại điểm u khoản 2 Điều 16 và phù hợp với thực tế hoạt động của cơ quan báo chí. Các cơ quan báo chí hiện nay có nhiều loại hình thu nhập hợp pháp khác nhau, không chỉ từ hoạt động báo chí thuần túy, mà còn từ dịch vụ, tài trợ và nguồn ngân sách nhà nước. Do đó, cần quy định rõ ràng và bao quát để đảm bảo tất cả thu nhập hợp pháp của cơ quan báo chí đều được áp dụng thuế suất ưu đãi, đúng tinh thần chính sách hỗ trợ báo chí và tránh gây vướng mắc khi triển khai thực hiện	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định do nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
	TKV	Tại Khoản 5 Điều 18: - <u>Dự thảo quy định:</u> “Điều 18. Miễn thuế, giảm thuế 5. Ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư đang hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 16 Nghị định này (sau đây gọi là đầu tư mở rộng) thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động. b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều này được miễn thuế, giảm thuế và không được hưởng ưu đãi về thuế suất. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký.” - Đề xuất của TKV: Theo nội dung Dự thảo chưa có quy định áp dụng chuyển tiếp về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng từ các năm về trước. TKV đề nghị làm rõ quy định đối với trường hợp các Dự án đầu tư mở rộng đã và đang thực hiện hưởng ưu đãi thuế TNDN theo các quy định pháp luật từ trước Dự thảo Nghị định thuế TNDN và có hướng dẫn sau khi triển khai Nghị định cho trường hợp nêu trên.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	PWC	Tại khoản 6 Điều 18: Đề xuất cụ thể: 6. Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký đạt tối thiểu từ 40 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc ngành, nghề hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này hoặc từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này. b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với	Đề nghị giữ như dự thảo và có chỉnh sửa lại cho rõ nội dung vì thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng.</u> c) Công suất thiết kế tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế <u>trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng.</u> Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư mở rộng <u>hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký</u> có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mở rộng phát sinh doanh thu. → Quy định hiện nay có thể gây những vướng mắc trong thực tiễn khi triển khai: - Quy định của thuế và đầu tư không có hướng dẫn về việc xác định thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đăng ký (vì dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định), vốn đầu tư có thể bao gồm việc mua sắm tài sản cố định, nguồn vốn lưu động, do vậy trên thực tế việc xác định thời điểm hoàn thành vốn đầu tư dựa theo tiêu chí nào là rất khó khăn. - Ngoài ra, nếu như sau 3 năm từ năm đầu tiên có doanh thu nhưng không có thu nhập và doanh nghiệp vẫn chưa hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký, thì việc xác định thời gian miễn, giảm thuế sẽ được thực hiện như thế nào? Sẽ vẫn chỉ tính từ thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký, hay từ năm thứ 4 kể từ khi dự án phát sinh doanh thu?	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Điều 18 dự thảo Nghị định chưa có quy định hướng dẫn cho trường hợp giảm 50% thuế thu nhập từ chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn như đã được quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.	Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 19 dự thảo Nghị định khi gửi xin ý kiến.
		Tại khoản 2 Điều 18: Bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau: “2. Miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 16 và thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 của Nghị định này.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 không quy định ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		→ Tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội khóa 15 quy định về một số cơ chế, chính sách đặc biệt về phát triển kinh tế tư nhân quy định: “1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”	Trường hợp Nghị quyết số 198/2025/QH15 có quy định khác thì thực hiện theo Nghị quyết số 198/2025/QH15.
		Tại khoản 4 Điều 18: Bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau: “Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm KH&CN...” → Tương tự khoản 2 Điều 18.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 không quy định ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận. Trường hợp Nghị quyết số 198/2025/QH15 có quy định khác thì thực hiện theo Nghị quyết số 198/2025/QH15.
	Kocham	1. Nghị định cần quy định rõ ưu đãi thuế với đầu tư mở rộng được áp dụng với cả trường hợp doanh nghiệp đầu tư từ nguồn lợi nhuận giữ lại do vốn dĩ mục tiêu chính sách khi ưu đãi thuế cho đầu tư mở rộng là nhằm tạo thuận tiện, khuyến khích doanh nghiệp tăng quy mô, bổ sung hoạt động đầu tư mà không phải thành lập thêm dự án hay thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư mới. → Hiệp Hội muốn làm rõ ưu đãi đối với hoạt động đầu tư mở rộng tại Khoản 5 và 6 điều 14 Luật Thuế TNDN được quy định chi tiết tại Điều 18 Dự thảo Nghị định có áp dụng đối với nguồn vốn đầu tư từ lợi nhuận giữ lại (retained earnings) không hay bắt buộc phải là vốn đầu tư mới? Theo chúng tôi, về bản chất lợi nhuận giữ lại là khoản lợi nhuận của nhà đầu tư sau khi đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam nên có tính chất hoàn toàn tương tự với vốn đầu tư mới. 2. Phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng có tính bền vững để đổi mới công nghệ và giảm ô nhiễm, bảo vệ môi trường đương nhiên được hưởng ưu đãi thuế	Đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định, theo đó quy định thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký dựa theo chỉ tiêu tổng tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm đăng ký tiến độ hoàn thành dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, không phân biệt lấy từ nguồn vốn nào.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		TNDN mà không phải đáp ứng tiêu chí tăng tài sản cố định hay công suất. → Đối tượng ưu đãi tại khoản 5 bao gồm mục đích tăng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ và giảm ô nhiễm bảo vệ môi trường, tuy nhiên tiêu chí xác định cụ thể tại khoản 6 chỉ tập trung vào mức tăng nguyên giá TSCĐ, mức công suất tăng thêm tức là chỉ chú trọng đến quy mô thay vì chất lượng. Đổi mới công nghệ và giảm ô nhiễm môi trường là những yếu tố bền vững, sâu xa phản ánh chất lượng đầu tư và khả năng cạnh tranh cốt lõi của doanh nghiệp so với các nước trong khu vực cũng đang thu hút FDI mạnh mẽ. Việc quy định tiêu chí theo định lượng đối với các khoản mục đầu tư bền vững này sẽ khiến chủ trương của Chính phủ dễ phát triển kinh tế xanh và tham gia vào chuỗi giá trị công nghệ cao toàn cầu trở nên cứng nhắc và thiếu thực chất, không khuyến khích được nhà đầu tư chú trọng vào chất lượng công nghệ thay vì nhân công giá rẻ.	
Các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác (Điều 19)	TKV	Tại Khoản 2 Điều 19: - <u>Dự thảo quy định</u>: “Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số.” - <u>Đề xuất sửa đổi của TKV</u>: “Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng tổng số chi cho người dân tộc thiểu số, bao gồm: chi đào tạo nghề, tiền hỗ trợ về nhà ở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số trong trường hợp chưa được Nhà nước hỗ trợ theo chế độ quy định”. → <u>Lý do sửa đổi</u>: Trong thực tiễn của TKV hiện nay có xấp xỉ 10 ngàn lao động là người dân tộc thiểu số đang làm việc, phần lớn đến từ vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn do Chính phủ quy định; việc giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số của TKV đã gián tiếp góp phần thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững của Chính phủ. Tuy nhiên, phần lớn lao động là người dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào các tỉnh miền núi phía bắc, đang làm việc trong TKV có trình độ học vấn, tác phong công nghiệp, năng suất lao động thấp hơn đối tượng lao động khác, dẫn đến chi phí của doanh nghiệp tăng. Việc giảm thuế sẽ giúp doanh nghiệp có điều kiện, dư địa về chi phí để quay lại phục vụ người lao động.	Nội dung này đã được quy định tại dự thảo Nghị định khi gửi lấy ý kiến.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Điều 20)	Bộ Ngoại giao	Đề nghị cân nhắc nội dung quy định tại Điều 20 (Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp) do: (i) nội dung này không được Luật Thuế TNDN giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 17 của Luật); (ii) Tại Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 (khoản 7) đã giao 2 Chính phủ quy định chi tiết về Quỹ Phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp. Do đó, đề nghị Quý Bộ phối hợp với các bộ, ngành liên quan để thống nhất về nội dung này, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định bởi vì Điều 20 dự thảo Nghị định quy định lại nội dung của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và bổ sung hướng dẫn doanh nghiệp tự quyết định mức trích lập Quỹ và lập Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ cùng tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.
Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 21)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại điểm c khoản 3 Điều 21: Đề nghị bỏ quy định về khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại điểm c khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định: “c) Dự án đầu tư trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung mà ngành, nghề hoạt động của dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực công nghệ số thì không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tiêu chí dự án đầu tư tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.”	Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Nghị định.
	Kocham	Tại khoản 3 Điều 21: Các dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn khu công nghiệp theo quy định cũ được tiếp tục hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại. → Tại khoản 3 Điều 21 Dự thảo chưa đề cập đến trường hợp dự án sản xuất đang được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn tại các quy định về thuế TNDN trước đây nhưng nay không thỏa mãn điều kiện ưu đãi thuế theo địa bàn. Như vậy các dự án đầu tư trong khu công nghiệp còn đang trong thời gian miễn giảm thuế theo quy định cũ sẽ có rủi ro không được hưởng ưu đãi thuế kể từ 01/07/2025 khiến nhà đầu tư không được bảo đảm điều kiện ưu đãi trong trường hợp pháp luật thay đổi.	Tiếp thu thể hiện tại điểm a khoản 8 Điều 21 dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 17 Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020 quy định về thủ tục áp dụng	

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ông Dang Van Dien	ưu đãi đầu tư như sau: "Căn cứ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư." Tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, có quy định về thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư: "4. Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này, nhà đầu tư căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 19 của Nghị định này, quy định của pháp luật có liên quan để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư tương ứng với từng loại ưu đãi." Tại Điều 21 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có nêu: 4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm cấp phép hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư...". Do đó, cụm từ "được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư" trong Điều 21 dự thảo Nghị định cần được giải thích và xác định cụ thể để có cơ sở xác định thủ tục ưu đãi đầu tư; cũng như các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc diện cấp phép hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư.	Tiếp thu, chỉnh sửa lại nội dung này tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.
Hiệu lực thi hành (Điều 22)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định có quy định "<i>Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025</i>". Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét lại nội dung này, do quy định "<i>Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt</i>" khó có thể áp dụng đối với tất cả các khoản chi trong năm 2025 đã thực hiện trước thời điểm ban hành Nghị định.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: " <i>Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại tiết c khoản 1 Điều 9 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2025</i> ".

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vietcombank	Tại khoản 1 Điều 22: + Đề nghị rà soát để quy định không áp dụng cho toàn bộ kỳ tính thuế 2025 đối với các trách nhiệm pháp lý nặng hơn, đặc biệt là quy định phải thanh toán không dùng tiền mặt từ mức 05 triệu (giảm từ mức 20 triệu hiện nay) → Theo khoản 2 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025: <i>“2. Văn bản quy phạm pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:</i> <i>a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;</i> <i>b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.”</i> Như vậy, cần phải rà soát tất cả các sửa đổi tại Nghị định so với quy định hiện nay để đảm bảo không áp dụng cho cả năm 2025 (tức là từ 01/01/2025) đối với các nghĩa vụ tăng thêm, các quy định có tính thắt chặt. Đặc biệt, về việc thanh toán không dùng tiền mặt, các doanh nghiệp không thể thay đổi hình thức thanh toán với các khoản chi từ đầu năm, do đó không thể áp dụng mức 5 triệu cho cả năm 2025. + Đề nghị bổ sung quy định: Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định về nghĩa vụ của NHTM về khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số. → Về quy định pháp luật, tại Điều 2 Luật Thuế TNDN đã quy định người nộp thuế là doanh nghiệp nước ngoài hoặc cơ sở thường trú (bao gồm Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam). Bên cạnh đó, tại khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi Điều 42 của Luật Quản lý thuế 2019 quy định nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam. Về thực tiễn hoạt động ngân hàng, các NHTM chỉ thực hiện lệnh chuyển tiền căn cứ trên yêu cầu của khách hàng. Lệnh chuyển tiền chỉ có tên, số tài khoản của người thụ hưởng và ngân hàng người hưởng mở tài khoản, không yêu cầu thông	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: <i>“Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại tiết c khoản 1 Điều 9 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2025”</i>. Nội dung kiến nghị thuộc phạm vi của pháp luật về quản lý thuế. Hiện tại, Bộ Tài chính cũng đang sửa đổi Luật Quản lý thuế; đề nghị đơn vị có ý kiến khi dự án Luật này được gửi lấy ý kiến rộng rãi.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tin website của người thụ hưởng. Do đó, thông tin website mà TCT cung cấp hoàn toàn không thể sử dụng được để xác định người thụ hưởng có thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế hay không. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nước ngoài đến từ các quốc gia khác nhau có thể có tên trùng nhau. Trường hợp chỉ xác định đối tượng phải khấu trừ theo thông tin duy nhất là tên có thể dẫn tới việc khấu trừ không đúng đối tượng. Về thông lệ quốc tế, NHTM không tham gia vào giao dịch mua bán, do đó không nắm được bản chất giao dịch và không có đầy đủ thông tin để xác định được đúng ngành kinh doanh để khấu trừ theo các tỷ lệ quy định. Hiện nay, các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Australia,... và Liên minh Châu Âu đều không có quy định NHTM thực hiện khấu trừ thuế đối với bên bán nước ngoài. Thông lệ được OECD khuyến nghị là các nền tảng số (digital platforms) thực hiện khai, nộp thuế thay cho người bán trong hoạt động TMĐT.	
	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 22: Đề nghị bổ sung quy định sau vào khoản 1, Điều 22 <i>“Điều 22. Hiệu lực thi hành</i> <i>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.</i> <i>Riêng điểm d, khoản 1, Điều 9 và điểm i, khoản 2, Điều 11 sẽ được áp dụng cho các giao dịch chuyển nhượng vốn gián tiếp, chuyển nhượng tài sản gián tiếp có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.”</i> → Nghị định chưa làm rõ các giao dịch chuyển nhượng vốn của nhà đầu tư nước ngoài không có CSTT tại Việt Nam đã bắt đầu tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng vốn trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì có chịu sự áp dụng của Nghị định này không?	Dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa theo hướng: <i>“Quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 2 Điều 11 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2025”</i> .
	Amcham	Tại khoản 1 Điều 22: Đề xuất thêm khoản 1a sau khoản 1 Điều 22 của Nghị định này, với nội dung như sau: 1a. Quy định về điều kiện phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế tại điểm d, khoản 1, Điều 9 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: <i>“Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại tiết c khoản 1 Điều 9 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2025”</i> .

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tháng 10 năm 2025. → Quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 9 yêu cầu doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hóa đơn từ năm triệu đồng trở lên để được trừ chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu áp dụng ngay từ kỳ tính thuế năm 2025 sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị và điều chỉnh quy trình thanh toán, đặc biệt đối với các khoản chi đã phát sinh trước thời điểm được ban hành và thời điểm có hiệu lực của Nghị định này. Việc áp dụng quy định này (cụ thể là ngưỡng giá trị 5 triệu đồng) cần có khoảng thời gian hợp lý để doanh nghiệp kịp thích nghi và đảm bảo tuân thủ đầy đủ. Theo đó, thời điểm có hiệu lực thi hành đối với điểm d, khoản 1, Điều 9 nên được tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và không áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.	
	Bộ Y tế	Đề nghị bổ sung điều khoản chuyển tiếp tại Điều 22 (Điều khoản thi hành) của dự thảo Nghị định: “Đối với nguồn thu từ Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam; ngân sách nhà nước thanh toán; từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ban hành thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ tính thuế từ năm 2014 đến năm 2024” để thống nhất thực hiện trên phạm vi cả nước, tạo điều kiện cho các cơ sở y tế công lập hoạt động, đặc biệt sau tác động dịch COVID-19.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì hiệu lực áp dụng đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
	Bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ	Tại Điều 22: Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung Điều khoản chuyển tiếp vào Điều 22 của dự thảo Nghị định, cụ thể: <i>“Đối với nguồn quy định tại điểm b, Khoản 14, Điều 4 của Nghị định này (Dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ trong giá dịch vụ) thì được áp dụng miễn thuế kể từ năm 2014”.</i> Lý do là vì khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (Viện phí, BHYT) do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành đối với cơ sở y tế công lập trực thuộc Bộ Y tế là một trong những hoạt động thu NSNN và trước đó đã được miễn thuế theo quy định tại Điều 4 Thông tư 128/2011/TT-BTC ngày 12/9/2011. Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh vẫn chưa được cơ cấu đầy đủ các yếu tố chi phí mà mới chỉ cơ cấu 2/4 yếu tố chi phí.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì hiệu lực áp dụng đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Các nội dung khác	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hồ sơ gửi xin ý kiến còn thiếu Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định.
	Vietcombank	+ Đề nghị rà soát lại một số khoản, điểm tại dự thảo có quy định các nội dung dưới điểm (tiểu điểm). → Điều 7 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chỉ được bỏ cục văn bản đến “điểm”, không có “tiểu điểm”. + Đề nghị rà soát lại việc ghi thứ tự các điểm bằng số (2.1, 2.2,...) → Theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: Các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau chữ cái có dấu đóng ngoặc đơn.	Tiếp thu, chỉnh sửa câu chữ, thể thức tại dự thảo Nghị định.
	Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội	Đề xuất bổ sung vào Nghị định này nội dung quy định cho phép các DN Việt Nam đầu tư ra nước ngoài nếu có khoản đầu tư vào các nước có ưu đãi thuế nhưng đã thực hiện nộp đủ tiền thuế TNDN tại Việt Nam theo quy định của Luật này thì được <u>miễn, giảm các thủ tục kê khai tờ khai thuế quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu</u> . → Lí do: DN đã thực hiện nộp bù tiền thuế TNDN để đảm bảo đủ thuế theo thuế suất hiện hành của Nhà nước. Quy định thuế tối thiểu toàn cầu có tính lại thu nhập chịu thuế nhưng có quy định được giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương nên xu hướng chung là mức thuế tính lại theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu còn thấp hơn mức thuế nộp bù theo mức thuế suất hiện hành DN đang thực hiện (ví dụ mức thuế suất 20% như hiện nay) => DN không phát sinh thuế phải nộp thêm (thậm chí còn là được hoàn trả khi thực hiện bù trừ), trong khi đó DN phát sinh thủ tục kê khai rất phức tạp, làm tăng tải thủ tục hành chính và DN mất nhiều nguồn lực triển khai do có nhiều sự khác biệt giữa BCTC lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.	Nội dung kiến nghị thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 107/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn.
	Bộ Ngoại giao	- Đề nghị rà soát, đánh giá tính tương thích của nội dung dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như EVFTA, CPTPP...; các	Dự thảo Nghị định chỉ quy định chi tiết các nội dung Luật Thuế TNDN số

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hiệp định tránh đánh thuế hai lần), đặc biệt là các quy định liên quan đến nội dung về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Bên cạnh đó, đề nghị Quý Bộ đánh giá tính tương thích đối với các cam kết quốc tế của Việt Nam với nhà đầu tư nước ngoài trong các hiệp định đầu tư song phương và Chương Đầu tư trong các FTA mà Việt Nam là thành viên (đối với các nội dung liên quan đến thu nhập từ chứng khoán). Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Quý Bộ bổ sung phụ lục rà soát các điều ước quốc tế có liên quan.	67/2025/QH15 giao. Việc đánh giá tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã thực hiện tại khâu xây dựng dự án Luật Thuế TNDN.
	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn về trình tự, thủ tục kê khai nộp thuế thay về bán tài sản bảo đảm để thu hồi vốn. → <u>Lý do</u>: Pháp luật về thuế hiện hành chưa có quy định về trình tự, thủ tục kê khai nộp thuế thay	Nội dung này thuộc phạm vi của pháp luật về quản lý thuế, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nhằm cụ thể hóa quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ thống nhất với quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để trình Chính phủ. Tại dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng các quy định chi tiết về nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp và các khoản chi trực tiếp của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại tiêu điểm b5 và tiêu điểm b6 điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 9 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, khoản 2 Điều 35 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, việc xác định nội hàm chi phí, mức chi bổ sung, điều kiện, thời gian và phạm vi áp dụng đối với các khoản chi của doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cần phải được nghiên cứu và đánh	Trên cơ sở ý kiến của Bộ KH&CN, dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa đề quy định rõ về mức chi bổ sung (tối đa 200%) và điều kiện chi bổ sung (<i>Việc xác định mức chi được trừ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đảm bảo sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp không bị lỗ</i>). Tuy nhiên, việc xác định các khoản chi nào là chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chi cho hoạt động nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp thuộc chức năng/phạm vi của pháp luật chuyên ngành, cụ thể là pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số. Do đó, tại dự thảo Nghị định đã dẫn chiếu “<i>Việc xác định khoản chi phí thực tế phát</i>

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giá kỹ và cân trọng, tránh để lợi dụng chính sách. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Bộ Tài chính chủ trì xây dựng các nội dung quy định tại tiêu điểm b5 và tiêu điểm b6 điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 9 và Điều 17 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả mức chi bổ sung, điều kiện, thời gian và phạm vi áp dụng đối với chi nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính khả thi, đúng quy định của pháp luật, đồng thời, thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	<i>sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số</i>; đồng hiện tại Bộ KH&CN đang xây dựng các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật KHCN và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KH&CN báo cáo Chính phủ quy định Danh mục các khoản chi phí này.
		Đối với nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, qua nghiên cứu và rà soát, Bộ Khoa học và Công nghệ thấy có nhiều nội dung quy định cần xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thu nhập miễn thuế quy định: “<i>Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.</i>”; tại điểm c khoản 4 Điều 4 Thu nhập miễn thuế quy định: “<i>Sản phẩm sản xuất thử nghiệm được miễn thuế phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.</i>”,... Đối với các nội dung yêu cầu cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận hoặc các cơ quan khác nói chung, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân có nguyên tắc “<i>Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát</i>”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc quản lý theo nguyên tắc hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân xin miễn thuế. Để đảm bảo quản lý chặt chẽ, tránh thất thu thuế, vẫn cần quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức trong lưu trữ, cung cấp hồ sơ hợp đồng và tài liệu liên quan để cơ quan thuế kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành. Đồng thời, với các quy định bắt buộc cần cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và đánh giá lại các quy định yêu cầu xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo đảm tính khả thi khi thực hiện và tránh phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết trong quá	Tiếp thu, nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trình triển khai.	
		Thiếu nội dung hướng dẫn về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt để đồng bộ với pháp luật về đầu tư, công nghiệp công nghệ số: a) Theo Khoản 2 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định “<i>đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư; thuế; đất đai và pháp luật khác có liên quan</i>”. Khoản 3 Điều 20 Luật Đầu tư số 61/2020/QH15 (sửa đổi bổ năm 2025) quy định “<i>mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai</i>”. Luật Thuế TNDN chưa có quy định về ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Do đó đề nghị bổ sung, làm rõ quy định việc áp dụng mức ưu đãi đặc biệt đối với <i>hoạt động đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu</i> trong dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNDN. Điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư số 61/2020/QH15 (sửa đổi bổ năm 2025) còn quy định các đối tượng hạ tầng số khác được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt như “<i>dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác</i>” cũng được hưởng ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa có nội dung quy định ưu đãi, hỗ trợ với các đối tượng này, vì vậy đề nghị xem xét, bổ sung các quy định về ngành, nghề được hưởng ưu đãi và ưu đãi đặc biệt (đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác...) vào khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định để đồng bộ với quy định của các pháp luật đã ban hành. Để có căn cứ xây dựng mức ưu đãi cụ thể, đề nghị cần lấy ý kiến các doanh nghiệp sở hữu, cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, các doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G và hạ tầng số khác (ví dụ như Tập đoàn Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội, Tập đoàn VNPT, Công ty CMC, Công ty FPT...).	Về ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư, vì vậy tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 chỉ dẫn chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Do đó, tại dự thảo Nghị định cũng không quy định chi tiết về ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.
		Thiếu nội dung quy định về chi phí cho hoạt động sáng kiến: Tại Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì nguyên tắc các khoản chi được trừ và danh

NHÓM VẤN ĐỀ/Điều, khoản	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ quy định “Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.”. Tuy nhiên, trong Dự thảo Nghị định chưa quy định nội dung này.	mục các khoản chi không được trừ đã được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15
		Đề nghị nghiên cứu bổ sung ưu đãi về thuế TNDN cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ: trong trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ đang hoạt động và đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện doanh nghiệp khoa học và công nghệ có sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ bổ sung được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp bổ sung vào Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về xác định thời gian còn lại hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ: không bị trừ đi thời gian còn lại khi đã được hưởng về ưu đãi đầu tư, ưu đãi cổ phần hóa và các ưu đãi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định vì việc xác định thời gian còn lại thực hiện theo nguyên tắc chung, áp dụng cho tất cả các đối tượng hưởng ưu đãi.